

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CỎ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : **NGUYỄN-VỸ**

Tòa soạn : 227, Đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — Đ.T. Saigon 558

BỘ MỜI SỐ 7 ✱ 15-3-1959

Số trang

1.— Một lời nói của ông Phạm-duy-Khiêm	Nguyễn-Vỹ	5 — 7
2.— Thời gian và cuốn lịch	Nguyễn-văn-Khương	8 — 15
3.— Hàn-mạc-Tử	Đinh-xuân-Hòa	16 — 26
4.— Người đầu bếp	Nguyễn Thu Minh	27 — 29
5.— Thơ ngoại quốc (Tổ-cách-Lan)	Hoàng-Long	30 — 31
6.— Non nước miền Nam	Thái-văn-Kiểm	32 — 36
7.— Shelley	Tạ-Ký và Cao-huy-Thuần	37 — 43
8.— Phép châm	Hoàng-mộng-Lương	44 — 51
9.— Đây, xứ Lào thơ mộng	Hoàng-Thắng	52 — 55
10.— 7 khuôn mặt	Cốc-Tử	56 — 58
11.— Thơ vui về toán số	Hồng-Liên	59
12.— Ngày tết gặp ma Heo	Xuân Giang	60 — 65
13.— Phụ nữ thề dục	Cô Tuyết-Anh	66 — 70

14.—	Thi sĩ hết!	Hữu-duy-Ngọc	71
15.—	Ngày lịch sử 1 tháng giêng.	Nguyễn-Triệu	72 — 77
16.—	Ông Năm Chuột	Phan-Khôi	78 — 89
17.—	Cải lương	Nguyễn-Ang-Ca	90 — 93
18.—	Kiên Trinh	Cô Văn-Nga	94 — 98
19.—	Thoát	T. V. Xuân-Huy	99
20.—	Những người dãi máu	Nguyễn-Thu-Minh	100—104
21.—	Mình ơi! (người lấy khi?)	Cô Diệu-Huyền	105—110
22.—	Ánh đèn	Vi-Huyền-Đắc	111—115
23.—	Giới thiệu sách báo mới		116—117
24.—	Chuyện vai các em (Tình mẫu Tử)	Cô Bạch Yến	118—119
25.—	Buổi ơi, chào mi!	Cô Diệu-Huyền	120—123
26.—	4000 năm ca dao	Ba-Tèo	124—127
27.—	Đáp bạn bốn phương	F. T.	128—129

-
- ★ Sắp-xếp bài, trình-bày bìa và nội-dung, cho màu Cô Diệu-Huyền
 - ★ Tranh vẽ Họa-sĩ Kiên
 - ★ Bản kẽm Nguyễn-Diêu
 - ★ In Bìa offset Đông-Nam-Á

- Các Báo Sách Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: «Trích tạp-chí PHỒ-THÔNG» và đừng viết tắt.

- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
 - Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.

MỘT LỜI NÓI

CỦA ÔNG

PHẠM-DUY-KHIÊM



Ôi không được biết ông Phạm-Duy-Khiêm nhiều, trừ ra một quyển sách bằng Pháp-văn của ông : « Légende des Terres Sereines » xuất bản ở Paris trước chiến-tranh. 1947 hay 48 gì đó, tôi có gặp ông ở Dalat, một buổi sáng nắng ấm, trên một con đường gần chợ. Vừa trông thấy tôi, ông bắt tay, bảo :

— Tôi làm mất một bản thảo của tôi trong rạp chớp bóng Eden, tối hôm qua.

Tôi ngạc-nhiên hỏi :

— Bản-thảo gì ?

— Một bản-thảo bằng Pháp-văn.

— Sao ông lại làm mất nó trong rạp chớp bóng ?

— 8 giờ tối hôm qua, tôi đi xem chớp bóng, có đem theo một xấp giấy trắng để viết sách. Ngồi trong rạp tôi đã viết được vài chục trang. Rồi tôi bỏ quên trên ghế. Về nhà mới nhớ.

Ông nhờ tôi đăng trong báo Dân-chủ của tôi hồi đó mấy lời nhắn ai đã bắt được tập giấy thì mang đến gửi ông.

Qua câu chuyện vật ấy, tôi đã nhận thấy ông Phạm-Duy-Khiêm,

Thạc-sĩ Văn-phạm Pháp, là một người mà đầu óc hình như không còn giữ mức thăng-bằng nữa.

Sau đó, trong một vài cơ-hội nói chuyện với ông, tôi lại mất cả cảm-tình mến-phục đối với một nhà trí-thức tài cao học rộng, người ấy, than ôi ! chỉ còn sót lại một chút Việt-Nam tính ở màu da vàng và cái mũi tẹt mà thôi.

Bởi vì ông Phạm-Duy-Khiêm đã thành ra một cá-nhân hoàn toàn Pháp-hóa. Hồi 1939, Đức vừa tuyên-chiến với Pháp, thì thiên hạ đã nghe ông Phạm-Duy-Khiêm là người Việt-Nam đầu tiên và duy nhất, tuyên-bố tình nguyện tùng-chinh theo Pháp để đánh giặc. Nhưng thời-kỳ ấy đã qua rồi, nay còn ai nhắc-nhở đến làm chỉ hạng người tôi-tớ nhiệt-thành của « màu quốc » hồi đó nữa.

Người ta đã quên ông Phạm-Duy-Khiêm cũng như người ta đã quên muôn nghìn kẻ khác địa-vị hoặc danh-vọng có kém hơn ông, nhưng nhiệt-độ thân Pháp cũng không thua sút mấy.

Rồi đến khi được tin Tổng Thống Ngô-Đình-Diệm cử ông Phạm-Duy-Khiêm sang làm Đại-sứ Việt-Nam ở Paris, tôi nghĩ cũng như bao người khác, rằng Cụ Ngô muốn gởi sang Pháp một kẻ thân Pháp số một, để tỏ thiện-chí nối lại tình bang-giao Việt Pháp vừa trải qua một giai đoạn khủng-hoảng. Dù vậy nhiều người vẫn ngại rằng một Đại-sứ như ông Phạm-Duy-Khiêm khó mà phụng-sự đầy đủ quyền lợi của bòn-xứ của ông.

Sự lo ngại ấy vừa bị xác nhận rõ ràng do một lời tuyên bố của ông Phạm-Duy-Khiêm với một ký giả Pháp.

Trong bài phỏng vấn đăng trên một tờ báo ở Paris, ông cựu Đại-sứ Việt-Nam, vừa mới thôi chức cách đây vài ba tháng, đã phủ-nhận tất cả văn-học cổ cựu đang phát-triển của xứ ta.

Ông Phạm-Duy-Khiêm, mà thân-sinh là một bậc Văn sĩ Bắc-Hà đã viết nhiều bài văn khả-ái bằng một thề-tài Việt ngữ tinh xảo, lại là bạn thân của nhà văn Trần-Trọng-Kim, ông Phạm-Duy-Khiêm có lẽ là một trong số trí thức Tây học chưa bao giờ đọc qua các Văn Thơ Việt-Nam đã góp phần gia tài Văn-hóa của Dân tộc ta từ mười thế-kỷ.

Mặc dầu gia-tài tinh-thần ấy, so với một số các nước Văn-Hiến Tàu, Ba-Tur, Á-rập, Ai-cập, Hy Lạp, La-Mã, Anglo-Saxons, vẫn không được phong phú bằng, nhưng nó cũng thật là một kho tư-tưởng dồi-dào, mà thế-hệ ta ngày nay có quyền hãnh-diện.

Các nhà trí-thức Tây học đã được may-mắn hấp-thụ tinh-hoa Văn-học Âu-Tây, phải có nhiệm-vụ đem kiến-văn của m nh và khả-năng bẩm-nhiên của mình, mà góp phần bồi-đắp cho Văn-Hóa nước nhà, chứ sao lại ruồng-bỏ nó và phủ-nhận nó ?

Các người ấy phải tự nhận lấy bốn phận đem các yếu-tố mới lạ, các phô-diễn tân-kỳ của Chân, Thiện, Mỹ ngoại-quốc vào xây-dựng cho đền đài Văn-Hóa Việt-Nam càng rộng lớn thêm, càng ruy-nga' rực-rở thêm. Chứ sao lại đứng bên kia trời Âu mà quay về miệt thị Văn-Hóa tốt đẹp cổ-truyền của Đất-nước, tinh-hoa thiêng-liêng của Nòi-Gióng ?

Tôi không lo sợ cho ông Giáo-sư Thạc-sĩ Phạm-Duy-Khiêm, nếu quả thật ông đã mất thăng bằng trí-óc. Tôi chỉ tức giận ông cựu Đại-sứ của Chính-phủ Cộng-Hòa Việt-Nam ở Paris đã làm nhục cho Văn-Chương và Tư-tưởng Việt-Nam mà cả một thế-hệ trí-thức chúng tôi hiện nay đang lo bồi đắp, với tất cả lòng hăng hái, mặc dầu bị bao nhiêu trở ngại và thử-thách bần-tiện, chỉ mong sao cho nền Văn-Hóa của Nhân-Dân ta không thẹn với thế-giới văn minh tân-tiến ngày nay.



★ EM THA THỨ CHO ANH, VÌ ANH SÃ TRÓT...

Tại một nước văn minh và dân chủ như nước Mỹ, mọi người dân đều được quyền chỉ trích chính phủ nếu có điều bất mãn. Ông Hoover là một vị Tổng Thống Mỹ đã bị dân chúng Mỹ chỉ trích nhiều nhất vì ông ít được lòng dân. Người ta đặt đề ra nhiều chuyện để riếu ông. Câu chuyện riếu sau đây thú vị nhất. Trong đêm tân hôn, Chàng và Nàng thì thăm tâm sự. Nàng nói :

— Anh yêu quý ơi ! Trước giờ « động phòng hoa chúc » em muốn thổ lộ với anh một điều, đó là một điều lầm lỗi của em khiến em... giờ đây sắp sửa là kẻ đáng khinh trước mặt anh. Vì anh ơi, em đã biết 1 người trai khác trước anh rồi. Chàng nói :

— Không sao ! Điều đó đã qua, không hề gì, anh sẽ tha thứ cho em ngay bởi vì như thế nếu em có phần bội thì em chỉ phản bội 1 mình anh mà thôi nhưng còn anh, giờ này anh cũng muốn thú thật với em rằng anh đã phạm 1 tội to gấp ngàn lần em, và mong em tha thứ cho anh. Vì anh đã trót bỏ thăm bầu ông Hoover.



THỜI GIAN

và

CUỐN LỊCH

Tài liệu đặc biệt về nguồn gốc niên lịch và vài mẩu chuyện ngộ nghĩnh về những sự biến đổi của niên lịch qua các thời đại.

★ NGUYỄN-VĂN-KHƯƠNG

Cuốn lịch : một điều mơ ước lâu đời nhất của loài người !



NGAY từ buổi sơ khai, khi còn sống một cuộc sống thô sơ, loài người đã dần dần nhận thấy nhiều biến cố quen thuộc thường kể tiếp xảy ra đều đều giữa cảnh vật thiên nhiên : tan tuyết khi Đông tàn, cây cỏ đâm chồi nảy lộc, chim muông thú vật thi nhau tìm đôi bạn, các thú quả chín vàng, lá rụng về mùa Thu v.v...

Họ tìm cách ghi nhớ những sự thay đổi ấy để biết khi nào phải trồng trọt, khi nào nên gieo giống, khi nào đã đến lúc chuẩn bị để đối phó với giá rét. Họ đánh dấu thời gian bằng cách khắc dấu trên những cây

gậy hay thắp một nút giây mỗi lần mặt trời lặn và mọc. Cũng có nhiều giống người đã biết xem xét vị trí của mặt trời và các vì sao, sự thay đổi hình dáng của mặt trăng. Nhưng đặt ra một cuốn lịch đi đúng với thời tiết đã là một điều mơ ước của loài người qua nhiều thời đại vì sự phân chia thời gian ra ngày, tháng, năm là một vấn đề phức tạp và khó lòng ăn khớp với nhau vì một tuần trăng không có hẳn 30 ngày mà chỉ có 29 ngày 530.588, lúc ban đầu người ta nghiệm thấy cứ 12 lần trăng tròn thì đúng một vòng bốn mùa của thời tiết và phần nhiều các lịch pháp của người xưa đều căn cứ vào tuần trăng, nhưng 12 tuần trăng lại không phải là số thời gian của một năm đúng.

Một năm đúng là thời gian

quả đất quay đúng một vòng chung quanh mặt trời, sự thay đổi vị trí của quả đất đối với mặt trời làm cho thời tiết thay đổi và sinh ra bốn mùa, bởi vậy một năm đúng cũng là thời gian của một vòng bốn mùa đúng. Theo sự nghiên cứu khoa học ngày nay người ta biết được thời gian ấy là 365 ngày 5 giờ 48 phút 46 giây. Mười hai tuần trăng chỉ được 354 ngày kém năm thật theo mặt trời những 11 ngày, bởi vậy các lịch pháp căn cứ theo mặt trăng (âm lịch) đều phải có những phương pháp điều chỉnh khá phức tạp.

LỊCH QUA CÁC THỜI ĐẠI.

— Lịch của người Babylone

Theo các tài liệu Tây phương, người Babylone là giống người đầu tiên đã biết dùng một thứ âm lịch căn cứ theo tuần trăng, lấy 12 tuần trăng làm 1 năm,

Vào quãng năm 367 trước T. L. người Babylone lại đặt ra một thứ lịch khác tinh vi hơn, hòa hợp tuần trăng cùng năm đúng theo mặt trời. Họ chia thời gian thành từng chu-kỷ 235 tuần trăng chia thành 19 năm trong ấy được định trước 12 năm thường có 12 tháng mỗi năm và 7 năm nhuận có 13 tháng. Với lịch chu-kỷ này sau 19 năm sự sai biệt đối với năm đúng là :

235 tuần trăng (tháng) :
 $235 \times 29 \text{ ng. } 530.588 = 6939 \text{ ng. } 6882$
 19 năm đúng :
 $19 \times 365 \text{ ng. } 2422 = 6939 \text{ ng. } 6018$
 Sai biệt 0 ng. 0864
 hay... 2 giờ

Theo phương pháp này tháng vẫn đi đúng với tuần trăng mà vẫn được điều chỉnh theo thời gian đúng.

Lịch bán âm bán dương của người Babylone, ngay sau khi ra đời đã được nhiều nước ở Trung-Đông bắt chước theo và từ Ba-tư lịch này đã được truyền sang Trung Hoa dưới đời nhà Hán. Nhà Hán đã phỏng theo đề sửa đổi lịch-pháp của Tàu, do đấy ta có

Năm Mậu-Tuất
Tháng 11
(Thiếu)
22
THỨ NĂM

L	M	M	J	V	S	D
...	...	1	2	3	4	...
5	6	7	8	9	10	11
12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25
26	27	28	29	30	31	...

1959
JANVIER
1
JEUDI
Circoncision

年 戊 戊
 小 月 一 十
 二 廿
 四 拜 禮

L	M	M	J	V	S	D
...	...	...	...	...	...	...
2	3	4	5	6	7	8
9	10	11	12	13	14	15
16	17	18	19	20	21	22
23	24	25	26	27	28	...

cứ 4 năm lại thêm một tháng nhuận để đi theo kịp với thời tiết.

— Lịch bán-âm bán-dương, thủy tổ âm lịch hiện tại

thể cho rằng lịch pháp này là gốc tích của âm lịch Tàu mà chúng ta đang dùng và mỗi năm đang ăn Tết theo lịch ấy.

★ **Lịch Hy-lạp**

Người Hy Lạp đặt ra một thứ âm lịch chia 1 năm làm 12 tháng luân phiên có 29 hoặc 30 ngày, như vậy mỗi năm chỉ được 354 ngày thua năm thật 11 ngày 1/4. Để bù lại, cứ 2 năm họ thêm một tháng nhuận và 8 hay 9 năm lại bỏ tháng nhuận một lần.

★ **Lịch Ai - cập, thủy tổ của**

đương lịch hiện tại
Người Ai-cập là giống người đầu tiên phát minh được một lịch pháp căn cứ ở vị trí của mặt trời đối với ngôi sao Lang tinh (Sirius).

Đương-Lịch của Ai cập xuất hiện từ năm 2773 trước T.L. và là thứ lịch ăn khớp hơn cả với thời tiết.

Lịch này chia 1 năm làm 12 tháng (không theo tuần trăng) mỗi tháng 30 ngày, thêm 5 ngày đứng riêng ở cuối năm. Như vậy một năm theo lịch này chỉ ngắn thua năm đúng có 1/4 ngày cứ 4 năm lịch lại đi trước thời tiết 1 ngày. Đối với thời bấy giờ một lịch pháp như vậy cũng đã là tinh lắm rồi và người Ai cập đã sử dụng lịch ấy luôn trong 3000 năm cho đến khi được Hoàng đế La-mã Jules César sửa đổi lại và Giáo Hoàng Grégoire XIII lại điều chỉnh thêm đôi chút để thành thứ đương lịch mà hiện chúng ta đang dùng.

★ **Lịch Trung Hoa**

Người Tàu từ đời Hoàng Đế (2000 trước T. L.) đã biết dùng

Năm Mậu-Tuất
Tháng 11
(Thiếu)
23
THỨ SÁU

1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28

1959
JANVIER
2
VENDREDI
3. Ecole DQ

年 戊 戌
小 月 一 十
三 十
五 拜 禮

1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28

Can Chi để ghi ngày tháng, lấy 366 ngày làm 1 năm, đặt tháng nhuận và định 4 mùa.

Ngày cũng như năm, tháng đều được chia thành từng chu-kỷ 60, mỗi ngày có một tên riêng do một chữ lấy ở thập Can và một chữ lấy ở 12 Chi hợp lại thành 60 tiếng kép khác nhau. (1)

Về thể kỷ thứ 3 trước T.L. nhà Hán, phỏng theo lịch bán âm bán dương của người Babylone để cải tiến lịch pháp. Về đời Tấn đời Minh, đời Thanh lịch lại được sửa đổi thêm dần để trở thành âm lịch ngày nay dùng trong dân gian. Chính thức Trung Hoa áp dụng đương lịch của Grégoire từ năm 1929.

— **Lịch La-mã**

Người La-mã cũng đã biết

(1) Thập can là : Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý.

Thập nhị Chi là : Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Ví dụ năm ngoái là năm **Mậu Tuất** là do chữ thứ năm của Chi và chữ thứ 11 của Can hợp lại, năm nay **Kỷ Hợi** là do hai chữ kế tiếp, của hai chữ trên,

đùng âm lịch từ lâu nhưng lịch La-mã luôn luôn bị thay đổi và có những sự bất thường. Sau cùng một thứ lịch lấy 355 ngày làm 1 năm được áp dụng. Các tháng Ba, Năm, Bảy và Mười có 31 ngày; tháng 2 có 28 ngày, các tháng khác 29 ngày, 4 năm có 1 tháng nhuận.

Để trông nom việc xử dụng lịch trong dân gian, người La-mã cất những vị tư-tế có nhiệm vụ mỗi đầu tháng báo cho dân chúng biết ngày thượng tuần và ngày rằm của tháng ấy (tiếng calendrier là lịch do tiếng kalendae — (tiếng la-tinh có nghĩa là ngày đầu tháng) — mà ra).

Các vị tư-tế làm việc một cách cầu thả. Ngoài ra, lịch thường bị lạm dụng vì lý do chính trị. Có nhiều lần người ta đã thêm vài tháng cho một năm để làm cho số thuế thu được trong năm trội hơn hoặc để giữ tại chức thêm một thời gian một nhân vật đang cầm quyền. Bởi vậy, đến thời Hoàng đế Jules César tiết trời mùa hè đã đến trong khi lịch đang ghi ngày mùa xuân, lịch đã đi thụt lùi sau thời tiết gần ba

tháng. Jules César quyết định sửa chữa tình trạng ấy.

— Lịch Jules César (tựu lịch)

Lịch của César không căn cứ theo tuần trăng mà căn cứ theo vị trí mặt trời như lịch Ai-cập theo lịch pháp của nhà thiên-van học Ai cập Sosigènes, lấy 365 ngày làm một năm, mỗi năm chia làm 12 tháng luân phiên có 31 và 30 ngày trừ tháng 2 có 29 ngày (vì thời bấy giờ tháng 2 được coi là tháng cuối cùng của năm, năm bắt đầu ngày mùng 1 tháng 3).

Để điều chỉnh sự sai biệt do lịch cũ để lại, Jules César ra lệnh thêm 3 tháng cho năm 46 trước T. L. để lịch tương đương với thời tiết. Bởi vậy năm ấy có 15 tháng và được gọi là « năm lộn xộn » (année de confusion).

Ngoài ra, Jules César còn lấy tên mình để đặt tên cho một tháng trong năm, ấy là tháng bảy mà tiếng Pháp gọi là Juillet và tiếng Anh July (do chữ Jules).

Sau này, Hoàng đế Auguste khi kế vị César cũng lấy tên mình đặt cho tháng tám (Août, August) và bớt một ngày ở tháng 2 thêm vào cho tháng 8 để tháng này có một số ngày ngang với tháng 7 của Jules César.

Theo lịch César, mỗi năm dài hơn năm thật 11 phút và đến năm 1580 số phút ấy dồn lại lên tới 10 ngày, tiết xuân-phân (équinoxe vernale: tiết đêm ngày dài bằng nhau về mùa xuân)

Năm Mậu-Tuất
Tháng 11
(Thiếu)
24
THỨ BẢY

JANVIER						
L	M	M	J	V	S	O
5	6	7	8	9	10	11
12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25
26	27	28	29	30	31	

1959
JANVIER
3
SAMEDI
St Genesviève

年戌戊
小月一十
四廿
六拜禮

FEVRIER						
L	M	M	J	V	S	O
2	3	4	5	6	7	8
9	10	11	12	13	14	15
16	17	18	19	20	21	22
23	24	25	26	27	28	

Năm Mậu-Tuất
Tháng 11
(Thiếu)
25
HỦA NHỰT

1959
JANVIER
4
DIMANCHE
S. Rigobert

1959 JANVIER						
L	M	M	J	V	S	D
5	6	7	8	9	10	11
12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25
26	27	28	29	30	31	

年 戊 戌
小 月 一 十
五 廿
日 拜 禮

hiện đại, sự sai biệt giữa đường lịch chúng ta đang dùng và năm thật theo mặt trời đến năm nay là 27 giây. Sự sai biệt này sẽ tăng thêm 0 giây 53 mỗi năm vì năm thật càng ngày càng ngắn lại rất ít và đến năm 4.000 thì lịch của

FEVRIER						
L	M	M	J	V	S	D
2	3	4	5	6	7	8
9	10	11	12	13	14	15
16	17	18	19	20	21	22
23	24	25	26	27	28	

đến với ngày 11 tháng 3 trong khi đáng lẽ tiết ấy phải đến mỗi năm đúng vào ngày 22 tháng 3. Bởi vậy Đức Giáo Hoàng Grégoire lại phải điều chỉnh lịch pháp một lần nữa.

★ **Lịch của Grégoire : đường lịch chúng ta đang dùng.**

Đức Giáo Hoàng Grégoire sửa chữa sự sai lầm của lịch César bằng cách bỏ bớt 10 ngày trong năm 1582, ngày kế tiếp theo ngày 4/10/1582 sẽ là ngày 15/10/1582 thay vì ngày 5/10/1582.

Để xóa bỏ sự sai biệt 11 phút hàng năm, Đức Giáo Hoàng ra lệnh bỏ ngày nhuận thêm vào tháng 2 trong những năm tận cùng bằng hai số không (00) nếu năm ấy không chia đúng cho 400 như vậy cứ 400 năm thì bỏ được 3 ngày nhuận (3 ngày = 72 giờ, $11' \times 400 = 73$ giờ). Theo cách ấy, những năm 1700, 1800 và 1900 có 365 ngày như những năm thường và năm 2000 (chia đúng cho 400) có 366 ngày.

Theo các nhà thiên văn học

con cháu chúng ta sẽ đi mau hơn thời tiết 1 ngày.

Ngay sau khi ra đời, lịch Grégoire hay Tân-lịch đã được các nước thuộc Giáo-hội La-mã áp dụng ngay.

Các nước theo đạo Tin lành và các nước thuộc Giáo Hô Chính thống Đông phương tiếp tục theo lịch cũ thêm một thời gian.

Ở Anh, mãi đến năm 1752 Tân lịch mới được áp dụng và khi ấy phải bỏ đi 11 ngày trong lịch cũ. Nhiều nhóm dân quê dốt nát và cố chấp khư khư đòi giữ lịch cũ, họ biểu tình tuần hành đi khắp nơi hô lớn những khẩu hiệu như: «Hãy trả lại 11 ngày cho chúng tôi!»

Lịch Grégoire đem lại một sự cải cách khác là việc công nhận bởi toàn thể mọi quốc gia ngày mừng 1 tháng giêng là ngày đầu năm. Trước kia, nơi thì lấy ngày 25 tháng chạp, nơi thì lấy ngày 1/3 (như ở Anh trước năm 1752).

Việc sửa đổi lịch có gây vài rắc rối lúc giao thời trong việc ghi ngày tháng những biến cố xảy ra trước ngày lịch mới được công nhận. Chẳng hạn như cuộc Cách mạng ở Nga thường được mệnh danh là Cách mạng tháng Mười nhưng hàng năm lại được cử hành vào ngày 7 tháng 11 vì Nga đã áp dụng lịch Grégoire (theo lịch cũ cuộc Cách mạng xảy ra ngày 27/10).

Nhiều tài liệu về thế kỷ thứ 18 thường ghi ngày tháng của cả 2 thứ lịch. Ví dụ: George Washington sinh ngày 22/2/1732 T.L. (tân lịch) hay 11/2/1731 C.L. (cựu lịch). Cũng có khi người ta ghi ngày tháng thời ấy như sau :

$$\frac{11}{22} \text{ tháng 2 năm } 173 \frac{1}{2}$$

(Tân lịch đề năm 1732 và cựu lịch đề năm 1731 vì, như đã nói ở trên, cựu lịch kể năm bắt đầu từ tháng 3 và tân lịch bắt đầu năm 1732 từ 1/1).

★ Lịch Cộng Hòa của Pháp

Sau cuộc Cách Mệnh Pháp, Quốc ước Hội nghị Pháp đặt ra một thứ lịch gọi là Lịch Cộng Hòa. Theo lịch này, năm bắt đầu với tiết thu phân (22/9). Năm thứ nhất của thời đại Cộng Hòa tính từ ngày 22/9/1792 là ngày thành lập nên Cộng Hòa, ngày ra đời của FUG DO.

Mỗi năm chia làm 12 tháng, mỗi tháng 30 ngày, 5 ngày lễ đứng riêng ở cuối năm (hoặc 6 trong những năm 366 ngày).

dùng để tổ chức những cuộc lễ Cộng Hòa.

Tên 12 tháng của lịch này là những danh từ thơ mộng do một thi sĩ đặt ra, phỏng theo những danh từ lấy trong loài thảo mộc hay công việc đồng áng chẳng hạn như :

Vendémiaire (do chữ vendanges là mùa hái nho,
Nivrose (do chữ neiges là tuyết.
Floréal (do chữ Fleur là hoa,
Prairial (do chữ prairie là đồng cỏ v.v...

Tên của ngày tính theo thứ tự một hai ba primidi, duodi, tridi v. v..., mỗi tháng chia làm 3 tuần 10 ngày.

★ Vấn đề cải cách dương lịch hiện hữu.

Dương lịch chúng ta đang dùng ngày nay tuy tiến bộ so với các thứ lịch thời xưa, tuy nhiên cũng có nhiều người cho là chưa được hoàn mỹ và vấn đề sửa đổi lịch đã được nêu ra ở các Hội nghị quốc tế họp ở Genève trước chiến tranh.

Người ta thường chê lịch

Năm Mậu-Tuất Tháng 11 (Thiếu) 26 THỨ HAI	1959 1 JANVIER 5 LUNDI	年 六 庚 小 月 一 十 六 廿 一 拜 禮
1959 JANVIER L M M J V S D 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31	Se Amélie	FEVRIER L M M J V S D 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28

Grégoire về những bất tiện sau đây :

— Mười hai tháng trong năm dài ngắn không đều nhau (31, 30, 29, 28 ngày).

— Số ngày trong các tam-cá-nguyệt và trong hai lục-cá-nguyệt không bằng nhau.

— Tháng khi thì có 4 khi thì ngày chúa nhật.

— Mỗi năm bắt đầu vào một ngày khác nhau của tuần lễ.

Tình trạng bất thường ấy làm cho việc tổ chức và điều hành công việc trong các xí nghiệp lớn lao gặp nhiều trở ngại. Nhiều tổ chức lớn ở Âu Mỹ công việc và ngân sách phải được dự trù trước, tính từng giờ một.

Ngoài ra, một khuyết điểm khác là mỗi năm lại phải in một cuốn lịch mới tốn tiền vô ích.

✱ Một thứ lịch được đề nghị để thay thế Lịch Grégoire :
Lịch Thế Giới

Hiện nay có nhiều thứ lịch được đề nghị nhưng chỉ có Lịch Thế Giới là được nhiều đại diện các quốc gia tán thành và có triển vọng một ngày kia sẽ được đem dùng thay thế cho Lịch hiện thời (việc cải cách này có lẽ đã được thực hiện rồi nếu các cường quốc trên thế giới không bị bận rộn vì những mối lo âu quan trọng hơn).

Căn cứ theo lịch hiện tại và không thay đổi mấy, lịch Thế

giới (xem ở trang sau) chia một năm làm 12 tháng, những tháng đầu của mỗi tam-cá-nguyệt có 31 ngày, những tháng khác đều đồng loạt có 30 ngày. 1 ngày lễ đề riêng ở cuối năm, không thuộc vào tháng nào hoặc tuần lễ nào. Những năm 366 ngày thì một ngày khác được đề riêng sau tháng 6.

Lịch Thế Giới có những sự tiện lợi sau đây :

— 4 tam-cá-nguyệt và 2 lục-cá-nguyệt đều có số ngày bằng nhau.

— Ngày đầu năm bao giờ cũng là ngày Chủ nhật và ngày cuối năm bao giờ cũng là ngày thứ bảy.

— Mỗi tháng đầu của mỗi tam cá nguyệt đều bắt đầu cùng một ngày, các tháng thứ 2 và thứ 3 của mỗi tam cá nguyệt cũng vậy.

— Tháng nào cũng có 23 ngày làm việc.

Hiện nay ở Genève có một Hiệp hội có cơ quan ngôn luận đang cổ động cho việc áp dụng lịch này trên toàn thế giới và, nếu một ngày kia, Hội ấy thành công, thì ta sẽ có những cuốn lịch vĩnh viễn làm bằng kim khí hay những vật liệu lâu mòn, các cậu bé có thể học thuộc lòng cuốn lịch như những bảng cửu chương và các nhà in có thể in lịch ở trang bìa sau của mỗi cuốn vở.

LỊCH THẺ GIỜ

Tháng	Ch.nh.	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
1, 4, 7, 10 (những tháng đầu của mỗi tam-cá- nguyệt)	1	2	3	4	5	6	7
	8	9	10	11	12	13	14
	15	16	17	18	19	20	21
	22	23	24	25	26	27	28
	29	30	31				
2, 5, 8, 11 (những tháng thứ hai của mỗi tam- cá-nguyệt)	5	6	7	1	2	3	4
	12	13	14	8	9	10	11
	19	20	21	15	16	17	18
	26	27	28	22	23	24	25
				29	30		
3, 6, 9, 12 (những tháng ở cuối mỗi tam-cá- nguyệt)	3	4	5	6	7	1	2
	10	11	12	13	14	8	9
	17	18	19	20	21	15	16
	24	25	26	27	28	22	23
						29	30

- Sau ngày 30 tháng 12 mỗi năm có thêm một ngày phụ gọi là « ngày cuối năm » đứng riêng biệt không thuộc vào tuần lễ và tháng nào cả.
- Trong những năm 366 ngày thêm một ngày phụ sau ngày 30 tháng 6.

* TÔN-TÂN • ĐỜI NAY

Một người lính làm những bận anh rất khó chịu vì tánh khùng của anh. Người ta luôn luôn thấy anh ở ngoài sân trại tìm những mảnh giấy nhỏ, khi tìm được, anh mở ra xem và khi đọc xong thì anh luôn luôn nói như vậy :

— Không, không phải mảnh giấy này !

Một ngày kia cấp trên gọi anh đi khám bệnh. Khi anh lãnh miếng giấy toa thuốc, người ta tưởng anh cũng sẽ quẩn đi, nhưng lần này thì không, ngược lại anh nói :

— Đúng rồi, chính tờ giấy này !

HÀN-MẠC-TỬ

BI-KỊCH — 4 MÀN

✱ của ĐÌNH-XUÂN-HÒA ✱

NHÂN VẬT

Hàn-Mạc-Tử, thi-sĩ, 24 tuổi ở màn đầu; 26 tuổi, mới bị hủi ở màn hai, 27 tuổi, đã bị hủi nặng ở màn ba; 28 tuổi, vào giờ hấp-hối ở bệnh-viện Qui-hòa, màn tư.

Bà Nguyễn-thị-Duy, 55 tuổi, thân-mẫu của Hàn-Mạc-Tử.

Mộng-Cầm, 18 tuổi, mối tình đầu của Hàn-Mạc-Tử.

Bích Liên, 30 tuổi, chị họ của Mộng-Cầm.

Mai Đình, 25 tuổi, thiếu-phụ đã đến ở với Hàn-Mạc-Tử, sau khi thi-sĩ bị hủi.

Bà Phước, 40 tuổi

Vũ-Hùng, 28 tuổi, văn-sĩ, bạn của Hàn-Mạc-Tử.

Hoàng-Trọng, 26 tuổi, văn-sĩ, bạn của Hàn-Mạc-Tử.

Chú Xôi, 40 tuổi, chủ nhà, hỏi Hàn-Mạc-Tử viết báo ở Sài-gòn.

Ông Lang, 40 tuổi.

Một hội-viên xã, 36 tuổi.

Nguyễn-văn-Xê, 40 tuổi, bạn đồng-bệnh của Hàn-Mạc-Tử tại Qui-hòa.

Linh, 36 tuổi, bệnh-nhân tại Qui-hòa.

Quý, 30 tuổi, bệnh-nhân tại Qui-hòa.

Viên cai khổ xanh 40 tuổi.

MÀN NHÚT

Một trong bốn căn phòng cho thuê, trên gác một phố lâu ở Sài-gòn, đường Espagne, vào khoảng 1934-35.

Phòng nhỏ hẹp. Tường và vách lâu năm chưa được sơn phết nên đã dơ-bẩn. Cửa ra vào ở hai bên. Tường phía trong có một cửa sổ, nhìn ra đường.

Giữa phòng, xích về bên trái, có một bàn và hai ghế sa-lông bằng cây, kiểu thường, thấp và đã cũ. Cuối phòng ngăn-ngang nhiều chồng sách, báo và hai va-li, một lớn, một nhỏ.

Trên vách có đóng nhiều đinh, cái thì máng quần, áo, cái thì máng sơ-mi, áo thùng, khăn mặt.

Ngoài những đồ vật kể trên, trong phòng không có tủ, giường hay bàn ghế gì khác nhưng tất cả đều bừa-bãi, vô trật tự, đúng với bản-tính của các văn-nghệ-sĩ thời Miền-chiến.

LỚP I

(Mở màn, Hùng và Trọng, hai bạn cùng ở chung với Hàn-Mạc-Tử, đang nằm trên sàn gác, một người vắt chân chữ ngũ, một người gác chân lên ghế hút thuốc. Trọng đọc một tờ tạp-chí. Bỗng, Trọng lên tiếng).

Trọng — Hùng à ?

Hùng — Gì hả ?

Trọng (ngồi dậy) -- Số này, tờ Tân-Thời đăng lại bài thơ đường-luật của thằng Hàn Mạc Tử

Hùng — Đọc nghe coi.

Trọng (một tay bó gối, một tay cầm tờ báo, đọc):

« Ấp-ung không ra được nửa lời

« Tình thu bi-thiết lắm thu ơi!

« Vội-vàng chiếc nhạn bay đi
trót,

« Hin-hắt hơi may thoáng lại
rồi...

« Nằm gặng đã không thành
mộng được,

« Ngâm tràn cho đỡ chút buồn
thôi.

« Ngàn-trùng bóng liễn trông
xanh ngắt,
« Chỉ có thông kia chịu với
trời.

Hùng (nhôm dậy) — Đứng cái cảnh của tao quá! (gật gù đọc:)
« Nằm gặng đã không thành mộng được; ngâm tràn cho đỡ chút buồn thôi! (đứng dậy, cười lớn:)
Ha! ha! Thơ của nó thể mà hay! (lại ghế ngồi). Buồn như cảnh van-chương ế-àn của tao với mày!

Trọng — Cho tao điểm thuốc.

Hùng (vắt thuốc cho Trọng) — Không biết bài thơ ấy nó làm từ hồi nào? Nó đã chuyển sang thơ mới từ lâu rồi mà... Nhưng thôi (đứng lên), van với thơ làm gì? Bữa nay cuối tháng rồi. Chủ nhà, chủ nợ lại sắp-sửa đến đòi tiền!

Trọng (đứng lên) — Lại thật, sao chưa thấy thằng Hàn-Mạc-Tử về? (chăm thuốc vào diều của Hùng).

Hùng — Giờ này chắc nó đã lãnh lương ở tòa báo rồi...

(*Có tiếng ho ở ngoài, chú Xôi, chủ nhà, bung phệ, bận áo thun, quần lãnh đen, đi giày tàu, bước ra*).

Lớp II

Chú Xôi (*giọng người Tàu mới biết nói tiếng Việt*) — Hà, cuối tháng rồi. Trả tiền phòng cho ngộ.

Hùng — Đòi tiền sớm giữ vậy, chú Xôi? Để đầu tháng, được không?

Chú Xôi — Hừ, cuối tháng hèn đầu tháng... Đầu tháng lại hèn cuối tháng... Mất công ngộ lên xuống hoài...

Hùng — Tụi tôi lãnh lương rồi sẽ trả. Chú đừng lo.

Chú Xôi (*chỉ xấp biển lai*) — Nè! Năm tháng tiền phòng chưa có trả xu nhỏ!

Hùng — Chú yên trí. Người kia đi lãnh lương chưa về.

Chú Xôi — Người kia là người nào? Thầy Trí phải không?

Trọng — Phải. Lát nữa thầy Trí về sẽ trả chú.

Chú Xôi — Biểu thầy Trí bữa nay không trả ngộ thì đi ở chỗ khác! (*vô rồi quay lại*;) Hà, hồi nãy có người hỏi thăm cái gì lộn-xộn quá!

Hùng — Ai hỏi thăm, hả chú?

Chú Xôi — Một cô trẻ-trẻ, đẹp đẹp.

Trọng — Một cô trẻ, đẹp?

Chú Xôi — Phải lớn.

Hùng — Cô ấy hỏi thăm ai chú?

Chú Xôi — Hỏi thăm tên Hàng... Hàng... làm thơ, làm thi-sĩ gì đó!

Trọng — Làm thơ, làm thi-sĩ phải không?

Chú Xôi — Phải, phải.

Hùng (*với Trọng*) — Chắc hỏi thăm thằng Hàn-Mạc-Tử.

Chú Xôi — Hà, phải lớn. Hàn-Mạc-Tử, Hàn-Mạc-Tử là ai vậy?

Trọng — Thầy Trí đó,

Chú Xôi — Vậy hả. Ai mà biết. Mà, làm thơ là làm gì?

Hùng — Làm thơ như Đỗ-Phủ, Lý-Bạch bên Tàu, chú biết mà!

Chú Xôi — Đỗ-Phủ! Lý-Bạch! Ngộ đầu có biết!

Hùng — Thơ của thầy Trí hay như thơ Đỗ-Phủ, Lý-Bạch vậy.

Chú Xôi — Hay-sao không biểu thầy Trí bán đi, lấy tiền trả tiền phòng cho ngộ?

Trọng — Thơ hay mà đền khó bán.

Chú Xôi — Khó bán thì làm làm chi cho mất công? Để tui giờ mắng cái khác phải có tiền xài không?

(*Chú Xôi vào*).

Lớp III

Trọng (*vừa đi lại vừa nói*):
Thằng cha Xôi nói thế mà đúng!
Văn thơ khó bán thì làm làm chi cho nghèo mặt!

Hùng — Cho mang công mắc nợ! Thiếu cả tiền phòng, tiền

ăn... Quái, giờ này mà thắng Hàn-Mạc-Tử chưa về thì lạ thật!

Trọng — Hay nó lại tạt vào đầu xài hết tiền thì nguy!

Hùng — Có thể lắm. Nó có tiền, ai hỏi cũng đưa

Trọng — Bữa nay không trả tiền phòng thì chắc-chắn thắng cha Xôi sẽ tổng cổ tụi mình đi chỗ khác. Chưa hết! Còn tiền com, tiền giặt ủi.

Hùng — Đề tao lên tòa báo tim nó.

Trọng — Hề thấy nó, mày lôi ngay về đây cho 'ao. Đừng để cho những đứa khác xài hết số lương của nó.

Hùng — Được, mày yên trí ở nhà.

(Hùng đi ra nhưng thấy Mộng-Cầm vừa tới trước cửa nên ngừng lại): Cô hỏi thăm ai?... Mời cô vào.

(Mộng-Cầm trẻ, đẹp, ngây-thơ và rất dễ thương bước ra).

Lớp IV

Mộng-Cầm (giọng dầm ảm)— Phải thi-sĩ Hàn-Mạc-Tử ở đây không ạ?

Hùng — Vâng.

Trọng (bước tới, vồn-vã) — Có hỏi ông Hàn-Mạc-Tử có việc gì?

Mộng-Cầm (lúng-túng) — Tôi mới ở Phan-thiết vào nên đến thăm ông ấy. Hai ông là bạn của ông Hàn-Mạc-Tử?

Trọng — Vâng. Xin giới-thiệu với cô: Văn-sĩ Vũ-Hùng.

Mộng-Cầm (cúi chào) — Hạnh.

Hùng (chỉ Trọng) — Và đây, văn-sĩ Hoàng-Trọng.

Mộng-Cầm (lại cúi chào) — Hạnh-hạnh.

Trọng (án-cần) — Mời cô ngồi. Anh Hàn-Mạc-Tử cũng sắp về.

(Mộng-Cầm bước lại ghế).

Trọng — Lúc này cô có hỏi thăm ở dưới nhà, phải không?

Mộng-Cầm — Vâng. Chết chưa (ngừng lại) Chị tôi đang đợi ở dưới ấy. Xin phép hai ông tôi xuống mời chị tôi lên.

(Mộng-Cầm vội-vã vào. Hùng và Trọng ái-miết ngó theo).

Lớp V

Trọng — Đẹp quá, mày à!

Hùng — Đẹp quần áo lại (Trọng vội - vàng má, quần áo lên móc. Hùng đẹp chiều, ném vào góc phòng). Thắng Hàn-Mạc-Tử thế mà tốt số! Không hiểu hai đứa biết nhau từ bao giờ?

Trọng — Chắc nàng đã cảm thơ của chàng nên mới hỏi thăm « thi sĩ » Hàn-Mạc-Tử.

Hùng — Đúng rồi!

Trọng — Lúc này nàng nói có người chị đợi ở dưới nhà phải không?

Hùng — Phải. Sao?

Trọng — Không chừng cô chị đẹp hơn cô em, mày à.

Hùng — Có thể lắm!

(Trọng vội-vàng vào)

Hùng — Đi đâu gấp thế ?

Trọng (*quay lại*) — Xuống coi đặt cô chị xem ra sao.

(*Trọng vào tới cửa thì trở mắt nhìn rồi lui lại. Mộng-Cầm và Bích-Liên ra. Bích-Liên ăn mặc rất sang, búi tóc kiểu Lào, ngậm thuốc, tỏ ra vẻ trưởng-giã, hợm-dời, hách-dịch. Thấy Bích Liên, Trọng sụt hừng*).

LỚP VI

Mộng-Cầm (*giới-thiệu trong lúc Bích-Liên để ý nhìn căn phòng*)

— Đây là bà Bích-Liên, chị tôi.

Hùng — Chào bà.

Bích-Liên — Chào ông.

Mộng-Cầm (*chỉ Hùng*) — Ông Vũ-Hùng, văn-sĩ. (*chỉ Trọng*) Ông Hoàng-Trọng, cũng là văn-sĩ.

Bích-Liên — Hai ông đều là văn-sĩ cả ?

Hùng — Vâng.

Bích-Liên — Hai văn-sĩ ở chung với một thi-sĩ ?

Hùng — Vâng.

Bích-Liên — Trong căn phòng nhỏ hẹp này.

Trọng (*có vẻ bức tức*) — Có sao đâu ?

Bích-Liên (*ngạc nhiên*) — Bà người ở căn phòng này thì chật quá, chịu gì nổi ?

Mộng-Cầm (*dở lời*) — Chật nhưng có bạn-hữu vui hơn, phải không hai ông ?

Hùng — Đúng thế ạ.

Bích-Liên — Sao các ông không

quét vôi lại cho nhà cửa sáng sủa hơn ? Xin phép hai ông, tôi đi xem căn phòng (*bước tới quan sát chung-quanh. Mộng-Cầm lo-lắng theo sau*).

Trọng (*với Hùng*) — Mày ở nhà. Tao đi tìm thằng Hàn-Mạc-Tử.

Hùng — Để tao đi cho.

Trọng (*cản lại*) — Mày ở nhà tiếp bà ấy. Để tao đi (*vào*).

(*Hùng nhìn theo Trọng rồi quay lại*).

Bích-Liên — Các ông dùng cơm tại căn phòng này ?

Hùng — Không. Chúng tôi ăn cơm tiệm.

Bích-Liên — Ăn cơm tiệm ?

Hùng — Phải.

Bích-Liên — Ừ ! Chật như thế này mà bày đặt ăn uống thì cực chết... Thế còn ngủ ? Chắc các ông ngủ chỗ khác ?

Hùng — Chúng tôi ngủ tại đây.

Bích-Liên — Tại đây ?

Hùng — Phải.

Bích-Liên — Sao tôi không thấy giường, nệm gì cả ?

Hùng — Nhà văn chúng tôi không đòi-các đầu bà ạ ! Việc ăn, ngủ đối với chúng tôi không quan-trọng lắm. Chúng tôi ngủ trên sàn này.

Bích-Liên — Trên sàn này ?

Hùng — Phải. Trải chiếu ra ngủ.

Bích-Liên (*với Mộng-Cầm*) — Em thấy không ? Văn-sĩ thi-sĩ

có khác! Trãi chiếu lên sàn ngủ.
(với Hùng, nửa-mai) Ngủ như vậy, có nhiều cảm-hứng để làm thơ, viết văn phải không, ông?

Hùng — Phải.

Bích-Liên (ngao-ngán, thở dài rồi hỏi:) — Ông Hàn-Mạc-Tử bao giờ mới về, ông?

Hùng — Bà cần gặp ông Hàn-Mạc-Tử?

Bích-Liên — Vâng. Rất cần, đề... đề được biết ông ấy vì không mấy khi tôi có dịp vào Sài-gòn. Chúng tôi lại sắp-sửa phải ra ga về Phan-thiết. Nếu có thể, ông đi tìm ông ấy giùm cho.

Hùng — Được. Bà và cô ngồi chơi. Lát nữa anh Hàn-Mạc-Tử và tôi sẽ về (vào).

LỚP VII

Bích-Liên (đề bóp trên bàn, ngồi xuống ghế) — Ngán quá! Ăn cơm tiệm! Ngủ dưới sàn! Sợ mấy ông văn-sĩ, thi-sĩ thật!

Mộng-Cầm (ngồi đối diện) — Các anh ấy chưa lập gia-đình nên mới sống bừa bãi như thế.

Bích-Liên — Hỏi hám, chật-chội như thế này mà em tính lấy người ta rồi ăn ở ra làm sao?

Mộng-Cầm — Chúng em sẽ mượn nhà khác, rộng rãi hơn, có phòng khách, buồng ăn, buồng ngủ.

Bích-Liên — Không sắm nổi một cái giường để nằm, lấy tiền đâu thuê mượn chỗ khác? Trước kia, nghe nói văn-nhân thi sĩ

thường nghèo-túng, chi không tin. Bây giờ, thấy tận mắt, chi mới rõ (đứng lên đi lại) Không giường! Không nệm! Một cái tủ nhỏ cũng không có! Quần áo vứt bừa-bãi! Sách-vở liệng lung tung! Không ngờ các ông ấy sống vô trật-tự đến thế!

Thôi, em à! Bỏ ý định lấy văn sĩ, thi-sĩ đi! Sống cực-khổ như thế này, đời em sẽ tàn tạ, như một cây hoa đang tươi-tốt, đem trồng vào miếng đất khô-khan.

Mộng-Cầm — Nhưng chúng em đã lỡ biết nhau hơn một năm nay. Em không thể chung sống với một người khác, vì em đã yêu anh ấy.

Bích-Liên — Yêu như thế là đa lắm em à! Người ta không thể sống bằng tình yêu và nước lạnh được. Phải có tiền, thật nhiều tiền thì gia-đình mới có hạnh-phúc. Yêu nhau cách mấy mà không tiền thì sớm muộn cũng sẽ chán nhau.

Mộng-Cầm — Tiền không đủ để đem lại hạnh-phúc gia-đình, chị à. Em thấy nhiều người rất giàu nhưng gia-đình vẫn lục-dục, vợ chồng vẫn bất hòa, rồi sau cùng đi đến chỗ xa nhau, bỏ nhau. Trái lại, chúng em nguyện sống bên nhau mãi mãi, dù nghèo túng, khổ-sở.

Bích-Liên — Em điên rồi à? Tự nhiên lại trói buộc mình vào sự nghèo-túng. Thiếu gì người trẻ đẹp, giàu sang, danh giá, xứng đáng để em trao thân gởi phận. Tội gì đi lấy một thi-sĩ quen,

án ở một cách tồi tệ như thế này.

Mộng-Cầm — Chị không nên mặt-sát văn-ngệ-sĩ như vậy. Vâng, chị nói đúng. Anh Hàn-Mạc-Tử nghèo tiền thật nhưng anh ấy không nghèo tư-cách, không làm những việc bỉ-đi như biết bao nhiêu kẻ có tiền đã làm.

Bích-Liên — Em định mặt-sát những người có tiền phải không?

Mộng-Cầm — Em không có quyền mặt-sát ai cả. Em chỉ muốn nói: không nên đánh giá người khác bằng đồng tiền. Em đã nghĩ kỹ chị ạ. Anh Hàn-Mạc-Tử là người rất tốt. Anh ấy lại có tài, có chí.

Bích-Liên — Có tài, có chí mà không tiền thì cũng vứt đi. Nhưng thôi, em đã muốn vậy thì chị để mặc em.

Mộng-Cầm — Chị giận em hả?

Bích-Liên — Chị sẽ nói với hai bác từ chối việc cưới hỏi này.

Mộng-Cầm — Đừng, chị Bích-Liên. Em van chị. Đừng nói với ba má em như thế.

(Có tiếng gõ cửa ở bên phải, Bích-Liên và Mộng-Cầm quay lại. Mai-Đình ra.)

Mai-Đình — Ông Hàn-Mạc-Tử có nhà không ạ?

Bích-Liên *(tò mò)* — Bà hỏi ông Hàn-Mạc-Tử có chuyện gì?

Mai-Đình — Tôi đến thăm ông ấy. Xin lỗi, bà và cô là...

Bích-Liên *(mau miệng)* — Chúng

tôi là... bà con của ông Hàn-Mạc-Tử. Bà đến thăm ông ấy về công-việc làm ăn?

Mai-Đình — Không ạ... Tôi là một trong những người mến thương của ông Hàn-Mạc-Tử và ước-ao được gặp ông ấy.

Mộng-Cầm — Thế à!... Rất tiếc bữa nay ông ấy đi vắng. Bữa khác bà trở lại vậy.

Mai-Đình — Vâng. Chào cô. Chào bà.

Bích-Liên — Chào bà.

(Mai-Đình vào. Mộng-Cầm và Bích-Liên ngó theo cho đến khi Mai-Đình khuất).

LỚP IX

Bích-Liên *(mỉa-mai)* — Không biết văn-sĩ, thi-sĩ họ có bữa ngải gì mà hết cô này đến bà kia tôi hỏi!

Mộng-Cầm — Anh Hàn-Mạc-Tử có tài nên mới có nhiều người tới thăm như thế.

Bích-Liên — Nhiều chừng nào, em sẽ khổ vì ghen-tương chừng ấy! Nghệ-sĩ họ rất đa tình, rất lãng mạn! Em mà lấy họ thì rồi sẽ khổ-sở vì họ...

(Hàn-Mạc-Tử đội mũ ca-nô-chê, mang bơ-rơ-ten, mặc sơ-mi rộng thênh-thang, bước ra. Thấy có người lạ, Hàn-Mạc-Tử ngừng lại.)

Hàn-Mạc-Tử *(nhận ra Mộng-Cầm, nường rỡ gọi:)* — Mộng-Cầm!

Mộng-Cầm (chạy tới) — Anh!
(Hai người âu-yếm cầm tay nhau. Bích-Liên thấy vậy, lắc đầu).

Mộng-Cầm — Chị em ở Phan-thiết mới vào.

Hàn-Mạc-Tử (ngả mũ, bước tới) — Chào chị.

Bích-Liên — Chào ông. Phải ông là ông Hàn-Mạc-Tử không ạ?

Hàn-Mạc-Tử — Vâng. Chính tôi.

Bích-Liên — Ông đội mũ ca-nô-chê, mang bo-ro-ten, giống ông bang Triều-Châu ngoài tôi quá!

Hàn-Mạc-Tử (ngượng-ngịu) — Mời bà.... mời chị ngồi.

Bích-Liên — Thôi, để tôi đi.

Hàn-Mạc-Tử — Chưa được tiếp chuyện chị, chị đã bỏ đi.

Bích-Liên — Nói chuyện bấy nhiêu đủ rồi, ông ạ. (với **Mộng-Cầm** :) Chị ra ga trước. Em ở lại một lát rồi ra ngay kéo xe lửa chạy.

Mộng-Cầm — Vâng.

Bích-Liên (với **Hàn-Mạc-Tử**) — Chào ông.

Hàn-Mạc-Tử — Chào bà.

(**Mộng-Cầm** tiến chân **Bích-Liên** vào. **Hàn-Mạc-Tử** máng nón lên vách rồi quay lại ghế).

LỚP XI

Mộng-Cầm — Anh à....

Hàn-Mạc-Tử — Gì, em?

Mộng-Cầm — Chứng nào về ở

với anh, em sẽ mua giường, mua nệm để chị Bích-Liên khỏi chê chúng ta nghèo.

Hàn-Mạc-Tử (nhìn lại căn phòng) — Chị Bích-Liên chê anh không có giường, có nệm phải không?

(**Mộng-Cầm** yên lặng).

Hàn-Mạc-Tử — Em coi: nằm dưới sàn, nhìn qua cửa sổ, thấy mây bay, trăng sáng trên trời, tự-nhiên nguồn cảm-hứng tới với anh! Chính bài « Bẽn-lẽn » anh đã làm tại đây, một đêm trăng huyền-ảo (cao-hứng độc):

« Trăng nằm sóng soã trên
cảnh liêu,

« Đợi gió đông về để lả lơi.

« Hoa là ngầy tỉnh không muốn
động,

« Lòng em hồi-hộp chị Hằng ơi!

Mộng-Cầm (vui vẻ) — Em thích nhất bốn câu sau cùng của anh.

Hàn-Mạc-Tử (đọc tiếp :) —

« Vô tình để gió hôn trên má,

« Bẽn-lẽn làm sao lúc nửa đêm.

« Em sợ lang-quản em biết
được,

« Nghi-ngờ đến cái tiết-trình
em.

Em thấy không? Nằm dưới sàn, thi-hứng dồi-dào biết mấy! Em đừng lo anh nghèo. Chưa bao giờ anh thấy tương-lai anh đầy hứa-hẹn như bây giờ. Thơ của anh có rất nhiều người tán-thưởng. Biệt-hiệu Hàn-Mạc-Tử của anh đã được giới văn-ngệ đặc-biệt chú ý. Nhiều chủ bao đang mời anh cộng-tác và hứa

sẽ xuất-bản những tập thơ sau này của anh.

Em cứ yên tâm. Chúng ta sẽ có nhiều tiền. Hạnh-phúc của chúng ta sẽ được đảm-bảo. Chúng ta sẽ dành rất nhiều thì giờ để cùng nhau ngâm-vịnh. Chúng ta sẽ sống những ngày đầy thơ-mộng.

Mộng-Cầm — Anh thì lúc nào cũng thơ với mộng..... Riêng em, em đã sắp đặt đầu vào đấy. Em đã để dành được một số tiền. Em sẽ mua một căn nhà nhỏ, có sân, giống hệt cảnh trong bài «*Tình quê*» của anh. Anh còn nhớ bài ấy không? (*đọc*).

- «*Trước sân anh thơ-thần.*
- «*Đăm-dăm trông nhận về.*
- «*Mây chiều còn phiêu-bạt,*
- «*Lang-thang trên đời quê.*
- «*Gió chiều quên ngừng lại,*
- «*Giòng nước luôn trôi đi....*
- «*Ngàn lau không tiếng nói,*
- «*Lòng anh dường dè-mé.....*

(Hai người say-sưa nhìn nhau. Hàn-Mạc-Tử kéo Mộng-Cầm lại gần).

Mộng-Cầm (*vội-vàng xô nhẹ Hàn-Mạc-Tử ra*) — Đến giờ xe chạy rồi, anh ạ. Hay là anh ra Phan-thiết với em ! Chúng ta sẽ dạo chơi ngoài bãi biển, sẽ ngồi bên nhau ngắm cảnh trăng lên như lần trước.

Hàn-Mạc-Tử — Anh muốn lắm, nhưng hôm nay cuối tháng

Mộng-Cầm — Anh chưa lãnh lương phải không? Em có tiền

đây rồi (*cầm bóp*). Đi Phan-thiết với em, anh !

Hàn-Mạc-Tử — Ngày mai anh bắt đầu viết thêm cho một tờ tuần-báo nên chưa thể đi được. Để ít bữa nữa, anh sẽ ra với em.

Mộng-Cầm — À, em đưa anh coi bài thơ em vừa mới làm (*mở bóp lấy tờ giấy đưa cho Hàn-Mạc-Tử*). Thôi, em ra ga kéo chị Bích-Liên đợi. Ít bữa nữa, anh ra Phan-thiết với em nhé.

Hàn-Mạc-Tử — Thế nào anh cũng ra.

(*Mộng-Cầm vào rồi, còn nói với lại: «*Nhớ nghe anh*»*).

Hàn-Mạc-Tử (*nói với theo*) — Anh nhớ..... (*quay lại, ngồi xuống ghế, mở tờ giấy ra đọc*).

- «*Rồi có khi nào trong phút giây,*
- «*Trăng lên khỏi núi gió đưa mây,*
- «*Thì anh nên nhớ người năm nọ*
- «*Xưa đã cùng anh sống những ngày...*

(*Hàn-Mạc-Tử còn đang mơ-màng nghĩ tới Mộng-Cầm thì có tiếng nói ở ngoài. Hùng và Trọng úa vào*).

Lớp XII

Hùng — Tội tao đến tòa báo, đến nhà in, lại nhà xuất-bản không thấy mày đâu cả.

Trọng — Mày đi đâu về?

Hàn-Mạc-Tử — Đi Chợ-lớn.

Hùng — Đi Chợ-lớn với ai?

Hàn-Mạc-Tử — Vời tội nhân-viên tòa-soạn.

Trọng (với Hùng) — Thấy không? Tao nói không sai mà! (với Hàn-Mạc-Tử) Mấy thằng ở tòa-soạn kéo mày vào Chợ-lớn bắt khao phải không?

Hàn-Mạc-Tử — Thằng trước tội nó mời tao ăn nên bữa nay tao phải mời lại.

Trọng — Mày mà ăn được của ai? Tội nó ăn của mày thì có... Tiền mày mới lãnh còn hay hế?

Hàn-Mạc-Tử — Còn một ít, tao trả đỡ tiền cơm. Không trả, tội nó không nấu cơm cho mình nữa.

Hùng — Nghĩa là hết, không còn đồng nào?

Hàn-Mạc-Tử — Hết.

Trọng (thất vọng) — Lúc này thằng cha Xôi lên đòi tiền. Nó cho hay tháng này không trả tiền phòng cho nó thì đi ở chỗ khác.

Hàn-Mạc-Tử — Mày đừng lo. Tao sẽ thuê tiền sách, trả cho thằng cha Xôi.

Trọng — Tao lại nhà sách rồi. Tập « Gái què » của mày còn đọng lại cả đồng, làm gì có tiền mà thuê... Trong trường-hợp này, chắc chúng mình mỗi đứa phải đi một ngã (đi lại, suy tính).

Hùng — Hàn-Mạc-Tử à!

Hàn-Mạc-Tử — Gì, mày?

Hùng — Tội mình thiếu nợ nhiều quá rồi! Thằng Trọng và tao lại đang thất nghiệp, chưa viết lách cho báo nào cả. Tao sẽ

đi ở chỗ khác để đỡ số-phí cho mày (xếp quần áo vào va-li nhỏ).

(Trọng cũng bước tới cuối phòng gói quần áo).

Hàn-Mạc-Tử — Tội bây kiếm chuyện bỏ đi, hả? Tội bay đi chỗ khác ở thì tao vẫn phải trả tiền phòng, tiền đèn.

Trọng — Nhưng đỡ cho mày tiền cơm, tiền cà-phê, tiền giặt ủi ..

Hàn-Mạc-Tử — Đàng là bao mà tội bay kể ra cho to chuyện.

(Hùng, Trọng ôm đồ, xách va-li bước tới).

Hàn-Mạc-Tử (dừng lên) — Tội bay đi thật à?

Hùng — (vỗ vai Hàn-Mạc-Tử) — Tội tao đi, chừng nào có việc làm, tội tao sẽ trở lại với mày (Hùng và Trọng vào).

(Hàn-Mạc-Tử quay lại, thấy hai người đã đi khuất nên ngồi xuống ghế, ôm đầu suy nghĩ).

Bỗng, có tiếng chân người chạy từ cầu thang lên. Chú Xôi, chủ nhà, hốt-tức bước ra).

Lớp XIII

Chú Xôi (giọng người Tàu mới biết nói tiếng Việt) — Hà, mấy người không trả tiền phòng, tính dọn đi chỗ khác hả?

Hàn-Mạc-Tử — Tôi còn ở đây mà, dọn đi đâu?

Chú Xôi — Không dọn đi mà một người ôm đồ, một người xách va-li ra khỏi nhà ngộ?

Hàn-Mạc-Tử — Hai người ấy đi ở chỗ khác nhưng tôi còn ở đây.

Chú Xối — Ờ, làm vậy không có tốt ! Phải trả tiền ngộ rồi đi đâu mới đi chớ !

Hàn Mạc Tử (đứng lên) — Tiền phòng của chú, tôi sẽ trả. Tôi còn ở đây. Chú đừng lo.

Chú Xối — Không lo sao được !
Mấy người tinh lường gạt ngộ không trả tiền phòng cho ngộ phải không ? Hừ ! làm vậy không được với ngộ đâu ! Thôi, để ngộ giữ cái va-li này (xách va-li lớn). Chừng nào trả tiền ngộ, ngộ sẽ đưa va-li lại cho (xách va-li vào).

(*Hàn-Mạc-Tử ngao-ngán tựa lưng vào tường. Một lát sau, có tiếng gọi của Mộng Cầm: «Anh Hàn Mạc-Tử à !». Mộng-Cầm bước ra.*)

Mộng Cầm (mình rỡ) — Anh còn ở nhà, may quá ! Kia, có việc gì mà anh buồn thế ?

Hàn-Mạc-Tử — Không. Không có việc gì cả (ngồi xuống ghế).

Mộng Cầm — Anh à, chị Bích-Liên không đi Phan-thiết nữa, thành ra dư một vé. Anh đi Phan-thiết nữa, với em đi. Không có

chị Bích-Liên, chúng ta sẽ tự-do hơn. Để em sửa-soạn hành-lý cho anh. (bước tới rồi, ngạc-nhiên hỏi :) Hai cái va-li ở đây đâu rồi, anh ?

Hàn-Mạc-Tử — Anh Hùng và.. anh Trọng lấy đi rồi.

Mộng Cầm — Các anh ấy lấy va-li làm gì ?

Hàn-Mạc-Tử — Hình như họ đi Long-hải, Vũng-tàu thì phải.

Mộng-Cầm — Đấy, các anh ấy đi nghĩ mát mà anh thì cứ thui-thui ở nhà một mình. Thôi, đi Phan-thiết với em.

(*Hàn-Mạc-Tử lưỡng-lự.*)

Mộng-Cầm — Đi, anh. (cầm tay Hàn-Mạc-Tử lôi dậy).

Hàn Mạc-Tử — Để anh lấy cái áo đã.

Mộng-Cầm (chạy đi lấy áo) — Áo của anh đây. Đi anh !

Hàn-Mạc-Tử — Còn cái mũ nữa.

Mộng Cầm — (chạy đi lấy) -- Mũ của anh đây (đội lên đầu Hàn-Mạc-Tử). Mau lên anh, kéo xe chạy (lôi Hàn-Mạc-Tử vào) (Màn hạ thật mau).

(*Còn nữa*)

* HAI CỤC XẤU NÓI HON.

Thi-sĩ Pháp Alfred de Musset cho rằng: Người đàn ông nào cũng đều bất thường, giả dối, kiêu căng, khiếp nhược, đạo đức giả đáng khinh hiếu sắc. Người đàn bà nào cũng xảo trá, khoe khoang, tò mò tọc mạch, hời hợt bề ngoài. Tuy nhiên ở đời có một việc thật lạ lùng và hết sức vô lý là sự kết hợp hai «trạng thái» dẫy những tật xấu nói trên !



NGU'Ò'I

ĐAU BÉP



G. Boccace là một trong ba văn hào vĩ đại nhất của Ý-đại-Lợi ở thế kỷ XIV (Sau Dante và Pétrarque).

Ông sinh năm 1313 tại Paris, mẹ là người Pháp, cha là một thương gia khá-già người Ý đại-Lợi. Từ nhỏ, ông đã có khiếu văn-chương, lớn lên ông được cha cho học nghề với một thương gia ở Florence.

Năm 1340 ông được cha gọi về Naples, và ở đây, ông hoàn thành tác phẩm DÉCAMERON một trong những kiệt tác của nền văn học Ý, gồm những mẫu chuyện nho nhỏ rất khôi hoạt và ý-vị.

Ông mất năm 1375 tại Certaldo.

Sau đây là một truyện viết phỏng theo danh phẩm « Décaméron ».

FLORENCE không mấy ai mà không biết đến ông Conrard, con người có những sở thích lạ-lùng bậc nhất. Nhưng, điểm đáng chú ý hơn cả là ông ta thích chó và chim một cách kỳ lạ.

Nhân một ngày đầu xuân, mát

mẽ, tạnh ráo, rồi rảnh ông bèn nghĩ đến thú đi săn trong rừng rậm, đuổi theo những con chim ưng thì không gì thích bằng.

Cuộc săn đuổi bắt đầu, vào lúc trời tờ mờ sáng. Sương lam còn đọng trên các đợt cây, ngọn cỏ.

Khi đến gần làng Peretola, thì

Ông ta bắt được một con hạc khá lớn.

Nhìn con hạc to béo, ông Conrard lấy làm khoái trí vô-cùng, bèn vội vã trở về nhà. Chưa kịp đặt chân vào cửa, ông ta đã gọi rối rít :

— Quinquibio ! Quinquibio !
Mày đâu rồi ?

Nghे tiếng gọi, anh ta vừa đi vừa ngo-ngợ, ngác ngác chạy ra vát mặt nhìn ông Conrard, cười hề-hề.

Ông Conrard tươi cười trao con hạc cho Quinquibio và bảo :

— Mày đem vào làm thịt con hạc này cho tao, dùng vào bữa tiệc đầu xuân chiều nay.

Quinquibio dạ rồi đỡ lấy con hạc xách vào, cười toe-toét đưa cả mấy cái răng trắng phếu.

Quinquibio là tên anh đầu bếp. Anh ta có tiếng là một thằng ngốc-nghech hạng nhất vùng. Trong khi đang nướng con hạc, mùi thơm của thịt tỏa ra ngào ngạt, lan sang tận nhà một thiếu nữ ở kế cận. Người thấy mùi thơm, cô ta liền chạy sang, tìm đến nhà bếp, gặp Quinquibio đang ngồi nướng thịt, cô ta vui cười nhìn Quinquibio và kéo nài xin anh ta một miếng thịt hạc cho kỷ được mới nghe.

Ngắm cô láng giềng « xinh như mộng » lòng cũng cảm thấy nao nao. Nhất là cái miệng cười duyên rất dễ thương.

Nên sau một hồi lưỡng lự anh ta cảm lòng không đậu và cũng muốn làm đẹp lòng mỹ nhân, bèn

lấy dao cắt ngay một đuôi hạc hiến dâng cho trọn lòng.

Không ngờ bữa tối ấy, ông Conrard lại có tiệc tùng rất long trọng. Khách khứa đến dự rất đông.

Và lẽ có nhiên, con hạc được ông Conrard đem ra đãi khách. Rủi thay, con hạc được dọn lên bàn tiệc chỉ còn một đuôi. Một trong những người khách thấy vậy lấy làm lạ hỏi.

Ông Conrard bực tức, bèn gọi Quinquibio — người đầu bếp — lên hỏi cho vỡ lẽ.

Quinquibio vốn là một thằng ngốc lại thêm có cái tánh nói láo « một cây », nhìn con hạc còn một chân liền liền lĩnh nói bướng :

— Dạ thưa ông, tất cả các loài hạc đều chỉ có một chân thôi ạ.

Ông Conrard liền tròn mắt định quát thì anh ta đã nói tiếp :

— Thưa ông, những điều con nói ra với ông đều là sự thực một trăm phần trăm. Nếu ông còn nghi ngờ điều gì con xin sẵn sàng đưa ông đi xem những con hạc còn sống sẽ rõ.

Tất cả khách khứa nghe Quinquibio nói vậy, đều cười rộ lên.

Riêng ông Conrard, vì không muốn làm lớn chuyện giữa bữa tiệc vui đầu xuân và trước mặt những quan khách, ông mới trả lời cho qua chuyện :

— Thằng nhãi ranh, cắt ngay đi !

Quinquibio há miệng định giải thích lần nữa, nhưng ông Conrard đã quát :

— Mày có cút đi không, còn đứng đờ cái vời tao nữa à ? Ngày mai, tao sẽ đi vời mày rồi biết. Bấy giờ đề yên câu chuyện này đã.

Ngày hôm sau, mới hừng sáng, ông Conrard đã thức dậy vì vẫn còn tức giận tính lão lếu của Quinquibio tối qua. Ông ta liền thẳng yên ngựa để đi và cũng không quên buộc thẳng đầu bếp của ông đi ngựa theo sau.

Cả hai đi đến một bờ suối nọ, mà người ta thường thấy chim hạc đậu nhiều nhất.

Bình minh cũng vừa lên ở chân trời.

Ông Conrard nhìn Quinquibio bảo :

— Mày sẽ rõ tao hay mày nói có lý.

Quinquibio sợ sệt làm thinh, ông Conrard lại nói :

— Tao sẽ làm cho mày nhớ mãi để bỏ cái tính ương ngạnh và ngu xuẩn của mày đi mới được.

Thấy ông chủ vẫn chưa nguôi cơn giận hăm dọa mãi, anh ta định tẩu thoát luôn.

Nhưng khi nhón nhác nhìn quanh, anh ta bỗng thấy ở gần bờ suối, một bầy hạc độ vài ba chục con, mà tất cả chúng đều đứng có một chân — vì thói thường khi hạc ngủ — Anh ta liền chỉ cho ông chủ vừa nói một cách khoái tri :

— Thưa ông, cái gì con nói hôm qua toàn là đúng sự thực. Xin ông nhìn những con hạc đứng ở bờ suối kia, chúng nó chỉ có một chân !

Ông Conrard tròn mắt :

— Tao sẽ làm cho mày thấy nó có hai chân. Hãy chờ tao một tí rồi xem.

Lão nói xong, vội tiến đến gần chỗ mấy con hạc bèn la lên :

— Hu ! Hu ! Hu !

Nghe tiếng động, bầy hạc đều thức giấc và hạ chân kia xuống, rồi vụt bay lên trời.

Lão bèn chỉ cho thẳng Quinquibio, nói lòng đầy hăm hực :

— Mày, đã sáng mắt chưa ? Đờ xỏ lá ! Liệu bây giờ mày còn nói gì nữa không, mày đã thấy hạc có mấy chân ?

Quinquibio nhanh nhẹn đáp :

— Dạ, dạ, dạ thưa ông, tại vì hôm qua ông không la : « Hu ! Hu ! Hu ! ». Nếu mà ông la lớn như vậy, con hạc hôm qua sẽ thò chân khác ra nữa như mấy con hạc hôm nay.

Câu trả lời ngây ngô này cũng khiến cho lão Conrard bật cười như nắc nẻ và bỗng hết giận tẽn đầu bếp ngốc-nghech của lão :

— Mày nói có lý Quinquibio a, phải chỉ tao làm như mày nói.

Rồi ông vỗ vai Quinquibio nói :

— Thôi, mày lo liệu trở về nhà mà nấu ăn cho rồi ! Tao sẽ thứ lỗi cho mày, nhưng lần sau không được thế nữa nghe không !

Ánh nắng xuân lan tràn trên vạn vật.

Suối đời, cây cỏ tươi tốt, dịu mát quá ! Giữa núi rừng tĩnh mịch ông Conrard và thẳng Quinquibio đang tươi cười quay ngựa trở về.

THƠ NGOẠI- QUỐC

TIỂU SỬ : Robert Burns sinh năm 1759 tại Ayrshire (Tô-cách-lan) và mất năm 1796.

Ông là con của một người nhà quê Tô-cá-h-lan ; lớn lên, ông làm tá-điền và thi-sĩ, song ông làm thơ thành-công hơn nuôi cừu, trồng rau.

Ước vọng duy nhất của ông hồi trẻ là kiếm được chút ít tiền đề sang ở Mỹ-quốc. Nhưng khi ông xuất bản thi tập đầu tay để thực hiện ước vọng ấy, thành-công rực rỡ tới nỗi ông bỏ ý-định ấy đề ở tại quê nhà tiếp tục làm thơ và hưởng thụ danh vọng, tiền tài.

Đời ông có nhiều điểm rất giống nhà văn Villon của Pháp, Robert Burns chết yểu đang lúc mới 37.

Thi-phẩm đã làm ông bất hủ là : *Poems, chiefly in the Scottish dialect* (1786).

Ông là tác-giả bài « Duld Lang Syne », bài ca lừng danh khắp thế-giới mà mọi người đều dùng trong những buổi chia tay già biệt.



My luvie is like a red, red rose

O my Luvie is like a red, red rose

That's newly sprung in June :

O my Luvie is like the melodie

That's sweetly play'd in tune.



As fair art thou, my bonnie lass,

So deep in luvie am I :

And I will luvie thee still, my Dear

Till a' the seas gang dry :

Till a' the seas gang dry, my Dear,
And the rocks melt wi' the sun ;
And I will luvie thee still, my Dear,
While the sands o' life shall run.



And fare thee weel, my only Luvie !
And fare thee weel a while !

And I will come again, my Luvie,
Tho' it were ten thousand mile !

ROBERT BURNS.

Tình nhân của tôi như đóa hồng đỏ thắm

Em anh ; đóa hồng đỏ thắm

Mới vừa chớm nở giữa năm

Em anh là một giai điệu

Mà hài-âm tấu hòa theo điệu-dàng

✱

Em xinh bấy nhiêu,

Anh yêu

Em chừng ấy,

Nàng tiên ơi !

Anh sẽ yêu em

Đến lúc đại-dương đều khô cạn !

✱

Đến lúc đại-dương đều khô-cạn

Người yêu của tôi ơi !

Và đến lúc đá chảy dưới ánh trời

Anh sẽ vẫn yêu em, em ơi !

Khi mà sa lậu của cuộc đời sẽ
chảy mãi.

✱

Giữ biệt em nhé !

Người yêu độc đáo của anh !

Giã nhau ít lâu

(Thôi đừng âu sầu)

Anh sẽ về, em ạ

Dẫu cách xa vạn lý !

HOÀNG-LONG dịch

✱ KHÔNG PHẢI CHÁNH MIÊU CON NAI.

Tài-tử Fernandel, vua Hề ci-nê của Pháp, thủ vai « Dồn Ca.mi.dô », trong một cuộn phim đang khi hóa-trang một vị linh mục, thì bị một em bé hắt gập và xin làm phép.

— Không, em ơi, tôi không phải là linh mục thật.

— Thì xin ông làm phép cho con búp-bê của tôi vậy !

✱ TẤM BĂNG YẾT THỊ ĐẦY Ý NGHĨA.

Trong một khách-sạn lớn tại Sài-gòn, viên quản-lý để trên tấm băng yết thị những dòng : « Cấm hút thuốc. Quý ông hãy tưởng-tượng đến đám cháy ghê-hồn tại Gia-Định hồi 1950 ». Một kẻ nghịch-ngộm đề thêm : « Cấm khạc nhổ. Quý ông hãy tưởng-tượng đến sự ngập lụt tại sông Hồng-Hà ».

✱ TÓC TRẮNG RÂU ĐEN.

Một ông già lối 70 tuổi rất tự hào có một bộ râu thật đẹp.

Ông đang dùng café trong một tiệm nước thì một em bé chạy đến hỏi :

— Ông ơi ! Tại sao tóc ông đã bạc mà râu ông vẫn còn đen ?

Suy-nghĩ một lát ông già vuốt râu và trả lời :

— Râu ông màu đen vì nó mọc sau mái tóc đến 20 năm !



NON NƯỚC MIỀN NAM

★
của THÁI VĂN KIỂM

★ (Tiếp theo P. T. số 6)

Cà-mau — Rạch-giá

© HƯNG ta tiến về Nam là Cà-mau (Tuk Khmau : nước đen) nay gọi là Quận-Long, tỉnh lỵ của tỉnh An-Xuyên. Đi về phía tây là Rạch-Giá (Kramou-sa : sấp trắng). Từ Rạch-Giá đến Long-Xuyên có kênh Thoại Hà nối liền, do Thoại-ngọc Hầu cho đào năm 1815 với 1500 dân công. Rạch Giá do Mạc-Cửu sáp nhập vào phong ấp Hà-tiên năm 1715, thời chúa Nguyễn - phúc - Chu. Đến khi Nam Bộ bị Pháp chiếm đóng, có chiến sĩ Nguyễn trung-Trực dấy binh lấy được đồn Pháp đóng tại Rạch Giá trong đêm 16-6-1863.

Rạch Giá sản xuất nhiều gỗ,

mật và sáp ong, lông chim «bồ nông» dùng để làm quạt. Tại Rạch-Giá, khách du lịch có thể chiêm ngưỡng chùa Tam-Bửu, xây từ đời Gia-Long, có tượng Phật cao 3 thước.

Cần-thơ — Long-xuyên Châu-đốc — Hà-tiên

Trở về miền Hậu-giang, chúng ta đến Cần-Thơ (chuyên cần về thi thơ?) thường gọi là Tây Bó, nay đổi ra tỉnh Phong Dinh, rồi đến Thổ-Nốt (Thnot: cây dừa đường, *Borassus flabellifer* L.) Long-Xuyên (sông rồng) và Châu-Đốc. Ngày nay, Long Xuyên và Châu Đốc hợp thành tỉnh An-Giang. Từ Long Xuyên có kênh Thoại-Hà nối liền với Rạch Giá.

Kênh này đã được vét sâu năm 1918, nó chạy dưới chân núi Sập (cao 86 thước). Ở đây có đền thờ Thoại ngọc Hầu, tức Nguyễn-van Thoại (1762-1829, quê quán huyện Diên-phước, tỉnh Quảng-Nam, theo phò Nguyễn-Ánh từ năm 1777 đến năm 1787 được lên chức Khâm-sai thống binh cai cơ Đê biểu dương công trạng, vua Gia-Long đã cho đổi tên kênh Long Xuyên là « Thoại Hà », còn *Núi-Sập* thì đổi ra « Thoại sơn » và phong cho Thoại lên chức Thống chế.

Cũng ở trong vùng này có nông trường *Cái-Sắn*, có núi *Ba-Thê* (cao 210 thước), trong núi có nhiều động kỳ lạ. Các nhà khảo-cổ có tìm thấy nhiều cổ vật bằng đá, và năm 1912, có đào được một tượng đá thần Vishnu dài 3 thước 35, sau đem thờ trong đền làng Vọng Thê. Cũng tại nơi này, trường Viễn-Đông Bác Cổ hồi tiền-chiến đã đào thấy một thành phố xưa bị lấp vùi, thành *Óc-Eo*, một hải cảng của xứ Phù-Nam là một nước đã xuất hiện ở Đông Nam Á. từ thế-kỷ thứ I đến giữa thế-kỷ thứ VI.

Châu Đốc nằm phía tây mặt *Hậu-giang* tức là Bassac hồi đời Gia Long là tỉnh lỵ của tỉnh An Giang. Miền này có trồng hai thứ lúa : lúa mùa và lúa xạ (riz flottant). Từ Châu Đốc ngó về phía bắc là *Đồng Tháp-Mười* (cánh đồng có cỏ thấp tên là Tháp Mười) và *Cao-Lãnh* nay hợp lại thành tỉnh Kiến Phong. Từ năm 1945, Đồng Tháp Mười là một

chiến khu rừng danh, thường gọi là bưng (bưng biền); các chiến sĩ phải sống chật vật trong vòng khói lửa, nhưng may thay :

**Gió đưa gió đẩy về rầy ăn cơm,
Về bưng ăn cá về đồng ăn cua !**

Từ *Châu-Đốc* về *Hà-Tiên*, chúng ta sẽ gặp ngọn núi *Sam* (cao 237 thước) có ngôi chùa rất đẹp. Dưới chân núi có ngôi mộ của Thoại-ngọc-Hầu và phu nhân, rồi đến *Thất-Sơn*, *Bửu-Sơn*, có tu-viện Phật-giáo Nam-Tôn (Hinayana), nhìn về phía tây dọc theo biên giới Cao Miên có kênh *Vĩnh-Tế*, nối liền sông *Cưu Long* với *Hà-Tiên* dài 72 cây số, rộng 20 thước, có hai thủy môn (écluses) ở *Vĩnh lạc* và *Vĩnh gĩa* làm cho ghe thuyền đi lại được quanh năm. Kênh này do Nguyễn-văn-Thoại trấn thủ *Vĩnh-Thành* (*Vĩnh-Long*), và lãnh binh Phan-văn-Tuyên đốc-xuất 10 ngàn dân và 500 binh đào từ đầu năm 1819 đến tháng tư năm 1820 mới xong. Hai chữ *Vĩnh-Tế* là tên Thoại-ngọc-Hầu phu nhân (*Châu-vĩnh-thị-Tế*).

Hà-Tiên (ông tiên của sông) là một hải-cảng ở cuối kênh *Vĩnh-Tế*. Sử chép rằng: Năm 1713, *Mạc-Cửu* quê quán ở *Lôi-châu*, sống một cuộc đời phiêu-lưu, đã đến lập ấp nơi này và đến năm 1714, thì xin Chúa Nguyễn được sáp nhập vào Việt-Nam. Chúa Nguyễn mới đặt ra trấn *Hà-tiên*. Năm 1736, *Mạc-Cửu* mất, giao lại cơ-đồ cho con là *Mạc-thiên-Tử*, cũng được triều-

đình Huế chấp thuận và phong
ấp. Đến năm 1798, họ Mạc tiết-
tự và đất Hà-Tiên đương nhiên
đặt dưới sự cai-trị trực-tiếp của
triều-đình Huế.

Ngày tại tỉnh lỵ, trong hang
đá có ao sen, chứa nước mưa cho
dân chúng. Trên bờ có đền thờ
và lăng-tâm họ Mạc, do vua Gia-
Long truyền xây năm 1806, và
ban cho 53 người thủ-tự.

Hà-Tiên phong cảnh rất xinh,
như núi *Tô-Châu* ngay ở cửa
biển :

Ngó qua bên núi Tô-Châu.

**Thấy em gánh nước trên đầu
cải trâm.**

Về phía bắc có núi *Địa-Tạng*
có đền thờ vua *Địa Tạng*; núi
Vân-Sơn, dưới chân núi có chùa
Bạch Vân. Cách Hà-Tiên 3 cây
số có *Thạch Động*, hang sâu và
cao 82 thước, trong động có
Chùa Hang thờ Phật. Ngày xưa
có sư Huỳnh-Long từ *Qui-Nhơn*
vào tham-thiền và diệt tịch ở
đây; di cốt còn thờ trong một
Bạch-tháp có 7 cấp.

Từ Hà-Tiên về hướng đông
chừng 30 cây số, dọc th o bờ
biển có *Hòn-Chông*, có động
Chùa Hang thờ hai tượng Phật
lớn tạc hình từ thế-kỷ XIV. Sản-
phẩm đặc-biệt nhất nơi này là
trứng nhạn, làm đề tài cho nhiều
câu hát giao duyên :

— **Tháng ba cơm gỏi ra hòn**
Muốn ăn trứng nhạn phải lên
hang Mai

Mặc tình ai để ép ai

Muốn ăn trứng nhạn hang Mai
phải lên.

— **Hang Mai anh cũng muốn lên**
Sợ rằng trứng nhạn chỉ còn vỏ
không !



Đến đây, chúng ta đã rảo bước
gần khắp lục-địa miền Nam nước
Việt. Bây giờ chúng ta hãy thuê
một chiếc ghe bầu đi viếng các
hòn đảo thuộc chủ quyền nước
Việt-Nam.

Chúng tôi xin nhắc lại rằng
chữ « *hòn* » là tiếng Việt, « *đảo* »
là tiếng Trung-Hoa, « *cù lao* »
(kulau) là tiếng Chăm, « *poulo* »
là tiếng Mã-lai, « *kok* » là tiếng
Miên, có nghĩa hòn đảo. Và cũng
xin thêm rằng ở trong Nam thì
« *hòn* » ở ngoài biển, « *cù lao* » ở
trong sông; còn ở ngoài Trung,
Bắc, không có sự phân biệt ấy
và « *hòn* » có thể là hòn núi
(như *Hòn Vọng-Phu*).

Từ Hà-Tiên, chúng ta viếng
đảo *Phủ-quốc* (Kok Tral : hòn
đảo cái thoi) quận-lỵ là *Dương-Đông*,
nơi sản-xuất nước mắm
cá cơm (sốc tiêu) ngon nhất
thế giới.

Dong buồm chạy về hướng
đông, chúng ta đến *Poulo Condor*
(Poulo : đảo; Condor : bầu bí)
mà Marco Polo gọi là *Sondur*,
người Trung Hoa gọi là *Côn-lôn*
đảo (1285) và người Việt gọi là
Côn-nôn hay là *Côn-sơn*.

Từ đó chúng ta dong buồm
ghé vào *Vũng-Tàu* mà người Tây
phương gọi là *Cap Saint Jacques*

vì ngày xưa các thủy-thủ Tây-phương có tìm thấy nơi này nhiều thứ sò lớn gọi là « coquille Saint Jacques ». Ngày nay, *Vũng-Tàu*, *Bà-Rịa* và *Hoàng-Sa* (quần đảo Spratley) hợp thành tỉnh *Phước-Tuy* mà tỉnh lỵ là *Phước-Lễ* (Bà-Rịa). Nhân đây, chúng ta xác nhận lại rằng quần-đảo *Tây-Sa* (Paracels) và *Hoàng-Sa* (Spratley) là lãnh-thổ Việt-Nam từ đời G a-Long. Hai hòn đảo này có ghi rõ trong bản đồ « *Hoàng-Việt Địa-Dư* » lập năm Minh-Mạng thứ XIV (1834) và chúng ta cũng đã long trọng xác nhận chủ quyền của ta trên hai quần-đảo ấy tại Hội nghị San Francisco (tháng 7 năm 1951).

Đặt chân lên *Vũng-Tàu* là chúng ta đã kết thúc một cuộc viễn-du kỳ thú khắp sông núi miền Nam. Cuộc viễn-du ấy kéo dài hàng mấy nghìn cây số trên dãy non sông gấm vóc đã trải mấy nghìn năm lịch-sử.

Đứng về phương diện *hình-thả-học* (morphologie), chúng ta nhận thấy những địa danh trên lãnh-thổ Việt-Nam có hai loại — một loại có tính cách bình-dân và một loại có tính cách văn-chương. Những địa danh bình-dân thường lấy cây cối, núi sông, chim-muông, cầm-thú và những nhân-vật có uy-tín trong làng nước để đặt tên cho miền ấy. Còn những địa danh văn-hoa thì phần nhiều do nhà cầm quyền và các bậc trí thức đặt ra, với những danh từ Hoa-Việt bao hàm những ý nghĩa thanh cao.

tỏ rõ nguyện vọng an-cư lạc nghiệp, hòa-bình, thịnh-vượng.

Đứng về phương diện *phát-âm* (phonétique), những địa danh Việt Nam nói chung phần nhiều có tính cách quốc tế. Ngoài những danh-từ hoàn-loàn Việt-Nam đã đành, chúng ta nhận thấy có một số lớn địa danh bắt nguồn gốc ở những danh từ Trung-Hoa, Chiêm-Thành Chân-Lạp, Mã-Lai, Lào, Nhật Bản, Bồ-đào-Nha, Pháp lan-Tây, Y pha-Nho, v.v. Là vì nước ta từ xưa đến nay vẫn là miền di-dân của các dân-tộc từ lục địa tràn xuống và từ các hải-đảo miền Nam vượt lên. Các làn sóng người đã kết tếp nhau sinh sống trên bán đảo Đông Dương, các quốc-gia ẩn hiện trên bản-đồ thế-giới, theo hai định-luật thông-thường là sanh tồn cạnh tranh và tự nhiên đào-thải.

✱

Bổ-túc. Xin ghi thêm hai tài-liệu bổ-túc sau đây :

➤ *Tỉnh Quảng-Nam* :

Nhân nói đến *Tỉnh Quảng-Nam* là nơi đã xuất phát nhiều nhà cách-mạng và nhiều bậc đại khoa, chúng tôi thiết tưởng nên nhắc lại bốn chữ « NGŨ PHỤNG TÊ PHI » mà vua Thành-Thái đã ban cho năm *Vị* què quân ở *Tỉnh Quảng-Nam* trong số 18 *Vị* đã chiến bắng vàng về kỳ thi Hội nam Mậu-Tuất (1898) là các Ông :

PHẠM LIỆU Tiến-Sĩ
 (Duy-Xuyên)
 PHAN QUANG Tiến-Sĩ
 (Quốc-Sơn)
 PHẠM TUẤN Tiến-Sĩ
 (Duy-Xuyên)
 NGÔ LÝ Phó-Bảng
 (Điện-Bàn)
 CHUẨN Phó Bảng (?)

Ngoài ra, tỉnh Quảng-Nam còn có 4 nhân-sĩ nổi danh về thi, phú là :

Nhứt LIỆU (PHẠM LIỆU)
 Nhì HANH (HUỖNH THỨC
 KHÁNG)
 Tam HOÀNH (VÕ HOÀNH)
 Tứ HIỂN (NGUYỄN ĐÌNH
 HIỂN)

★ TỈNH PHÚ YÊN.

Về phía Đông Nam phủ Tuy-Hòa, có núi Thạch-bì, cao 708 thước ; Quốc-sơ đời Vua Trần Duệ-Tôn năm Tân-Mão (1375) núi này bị sét đánh, đá trắng cả, ở xa trông hình như đá vôi,

vua khiến quan cầu đảo. Núi này nhiều ác thú, ít người đi đến. Sách *Thủy-Lục-Trình-chi* của Trần-công-Hiến chép : « Núi này có một chi chạy đến sát biển chia ra hai ngọn nước, cây cỏ cũng chia rẽ lán : hai, có hai hòn đá lớn, xây đầu về hướng đông như hình người vậy. Xưa Vua Lê-Thánh-Tôn đi đánh Chiêm-Thành ngang qua núi này ngài búi-ngùi than rằng : Trời đất khai tịch đã chia cảnh-khổ phân minh, kia (chỉ Chiêm-Thành) ngịch ý trời nên mắc phải thiên-họa. Nhân đó ngài khắc chữ lên trên hòn đá »

Sách *dịa dư chí* của Lê quang-Định chép : Vua Thánh-Tôn nam chinh mở đất đến đây, nên ở trên chót núi chỗ vách đá có khắc chữ để phân giới-hạn với Chiêm-Thành. Nay hiện còn như g chữ bị sức mẽ lở lợt không nhận hiện được. (Theo *Đại-Nam nhất thống chí*)

★ ĐẶT TÊN CON

Có một gia-đình mới dọn lại ở gần nhà tôi. Một bữa trưa, 1 người đàn ông còn trẻ ra ngoài đường và, sau khi dòm các phía, liền la thật lớn :

— Dững ! Dững ơi !

Cách vài giây sau anh lại la tiếp :

— Hùng ! Hùng ơi !

Không thấy trả lời, anh lại bắt đầu la nữa :

— Hoàng, Hoàng ơi !

Lấy làm lạ tôi chạy ra hỏi anh ấy :

Bộ con anh đi lạc à ! sao anh la như chết chìm tàu vậy.

Mỉm cười. Người đàn ông trả lời :

— Không, không anh lầm rồi, hôm qua đưa con đầu lòng tôi vừa mới lọt lòng. Sở dĩ tôi la lớn vì tôi muốn nghe coi tên nào hay đang đặt cho con tôi !



Percy Bysshe SHELLEY

*Oh! lift me as a wave, a leaf, a cloud!
I fall upon the thorns of life! I bleed!*

Shelley.

Gió Tây hỡi! nâng ta như đợt sóng,
Như làn mây, như chiếc lá. Lâu rồi
Ta đã ngã trên gai đời cuộc sống
Và gai đời làm chảy máu, người ơi!



MẤY câu thơ trên đây,
trích trong « Ode
to the west wind »
(Nhấn gió tây) cho
ta thấy hồn thơ
của nhà đại thi-hào

Anh-quốc. Percy Bysshe Shelley.
Thiên nhiên, với gió, với mây,
với đêm trăng, với bóng chiều,
đã cùng Shelley cảm-thông và
biến Shelley thành một cây
dân đề gảy lên

« cũng đàn
thầm lặng và
buồn bã của
nhân-loại »

(The still and sad music of
humanity). Trong những lúc đó,
Shelley xứng đáng là « thi-sĩ của
những thi sĩ » như nhiều nhà
phê bình đã tặng chàng. Nhưng
trong những lúc khác, cùng với
Byron, Shelley lại muốn vùng
lên phá tan những cơ-cấu xã-
hội, đã-phá tôn giáo, xây dựng
một thế-giới mới theo mộng
tưởng của mình.

Thơ chàng, cũng như đời
chàng, chia ra làm hai phần rõ-
rệt.

Lúc đầu, Shelley cuồng-nhiệt
trong việc cải cách xã-hội, muốn
thực-hiện trong nháy mắt những
ước vọng của mình. Hầu hết
những tập thơ trường-thiên của
chàng được viết trong khi chàng
mang tâm trạng đó, như Queen
Mab, The Revolt of Islam, Hellas

và The Witch
of Atlas.

Trái lại,
trong những
tập thơ Alastor,

Adonais và trong những bài
thơ trữ tình nổi tiếng của
chàng, Shelley là một anh chàng
lang-thang trong một ảo-mộng
nhưng đẹp đẽ, một anh chàng
mơ hồ, luôn luôn âu sầu và
không bao giờ được thỏa mãn.

Đời sống của Shelley.

Thi-nhân là người thường có
những ảo mộng. Có người đắm

TA KÝ VÀ
CAO HUY THUẬN

minh trong ảo mộng và cảm thấy sung sướng. Có người tích cực hơn, muốn thực - hiện lý tưởng đã tìm thấy trong ảo - mộng đó. Nhưng Shelley lại hơn thế nữa. Chẳng muốn đập đổ tất cả những định-chế của nhân loại xây - dựng từ bao thế kỷ, chỉ vì những định-chế đó khiến giấc mộng chẳng không thực hiện được, chỉ vì chẳng không thể nào hòa mình sống với mọi người trong một xã hội như xã hội đương thời.

Shelley sinh tại Field Place, gần Horsham, ở Sussex ngày 4 tháng 8 năm 1792 trong một gia-đình quý tộc. Từ thuở nhỏ chẳng đã sống trong một thế giới mộng tưởng. Những con rồng, những sinh vật không đầu mà chẳng tin rằng có thật trong khu rừng lân-cận, vẫn ám ảnh chẳng và mấy người chị của chẳng :

*« While yet a boy, I sought
for ghosts, and sped
Through many a listening
chamber, cave and ruin,
And starlight wood, with fear-
ful steps pursuing
Hopes of high talk with the
departed dead »*

(Hymn to Intellectual Beauty)
(Khi còn là một đứa bé, tôi đi tìm ma quỷ, và tôi chạy qua những căn phòng, những hầm hố, những hoang - tích và khu rừng mập mờ ánh sao, với những bước chân sợ hãi, hy vọng được nói chuyện với người chết).

Lần đầu tiên đi học, Shelley đã chán ngán cái quan - niệm « thương cho roi, cho vọt » của thầy giáo. Lớp học đối với chẳng bồi đó là một nơi địa - ngục, tù đày.

Năm 12 tuổi, Shelley vào trường Eton, một trường rất danh tiếng trong những Public Schools ở Anh. Ở đây chẳng căm thù cái thói « ma cũ ăn hiếp ma mới » của các cậu học sinh lớn ở các lớp trên. Ngay từ lúc đó chẳng đã ghét sự chuyên - chế ; chẳng cam-đảm chống lại lối học - bặc (fagging system). Bọn học trò gọi chẳng là « thằng khủng Shelley » (Mad Shelley) và hành-hạ chẳng như một đàn chó vây quanh một con mồi, một con mồi nhỏ bé nhưng can-đảm, quyết chống cự đến phút cuối cùng.

Lớn lên, vào trường Đại-học Oxford, Shelley vẫn tiếp tục chống lại mọi hình thức áp-bức. Chẳng đọc Hume và lập tức xuất bản một quyển sách nhỏ nhan đề là « The Necessity of Atheism » (Sự cần thiết của chủ nghĩa vô thần). Vì quyển này, Shelley bị đuổi ra khỏi trường.

Năm 1813, Shelley cho xuất bản tập thơ đầu tiên : Queen Mab. Giọng thơ hãy còn non - nớt nhưng bông - bột, bặc - lộ được tấm lòng hàng-hải của một chẳng thanh-niên muốn đập-phá tất cả mọi chế - độ của nhân - loại mà chẳng cho là hư-hông : Chiub-phủ, tôn-giáo, hôn nhân

v.v... Shelley chủ trương rằng chỉ có những gì mà giác-quan có thể cảm được hay cái gì có thể dùng lý-luận suy ra được từ những sự hiển - nhiên do giác-quan nhận thức, mới là có thật. Vì vậy, tin vào tôn-giáo là sai lầm... Shelley không tin ở sự hiệp hữu của một đẳng Tối cao. Hãy dẹp bỏ lòng tin đi, và phục hồi lại lý-trí; nhân-loại sẽ thoát được những chế độ và những phong-tục giả-tạo như chính-phủ, luật-lệ, tư-hữu, hôn-nhân v.v... và sẽ sống hạnh phúc trong tự-do.

Tư-trưởng của Shelley đã quyến rũ được một cô gái 16 tuổi, Harriet Westbrook. Cô này cương quyết rời bỏ nhà trường và nhất định không chịu đi học lại. Dù luận hồi đó đã-kích Shelley kịch - liệt, riêng mình Harriet quyết tâm bảo vệ cho chàng. Hai người lấy nhau không cần phép của cha mẹ, chàng 19 tuổi và nàng mới 16.

Trong 2 năm, họ chu-du khắp nước Anh, Á-nhĩ Lan, xứ Wales, sống bằng một món tiền trợ-cấp nhỏ của ông thân Shelley. (Ông đã truất quyền hưởng gia tài của chàng) Rồi họ xa nhau.

Shelley làm quen với Godwin, một tác-giả có đầu óc cách-mệnh, và chàng chịu rất nhiều ảnh hưởng của ông này. Chàng yêu một người con gái của ông ta, cô Mary, và cùng nàng đi Pháp. Hai năm sau, khi Harriet Westbrook tự trầm mình, chàng cưới Mary.

Năm 1817, tòa án từ chối không cho Shelley giữ hai đứa con của chàng với Harriet. Năm 1818 chàng rời quê hương, không bao giờ trở lại. Chàng qua Ý, sống tại Pisa, một nơi rất được nhiều thi-sĩ Anh ưa thích. Ở đây chàng gặp Byron, Hunt, Trelawney. Chàng vẫn thù ghét những chế-độ xã-hội ở Anh nhưng đời là một ông thầy xứng đáng nhất, nên về sau Shelley nhận thấy những sai lầm của mình. Mấy bài thơ cuối cùng của chàng nhiệm đầy giọng sầu muộn :

*O world, o life, o time !
On whose last steps I climb,
Trembling at that where I had
stood before ;
When will return the glory of
your prime ?
No more — Oh, never more !
Out of the day and night,
A joy has taken flight ;
Frets Spring, and Summer, and
Winter hoar,
Move my faint heart with
grief, but with delight
No more — Oh, never more !*

(Alament, 1821)

(Ôi thế-giới, ôi cuộc đời, ôi thời-gian, mà trên những nấc thang cuối-cùng ta vừa trèo vừa run-rẩy, chính chỗ trước đây ta đã đứng; bao giờ sự vinh-quang của tuổi trẻ sẽ trở lại? Không bao giờ, ôi, không bao giờ nữa.

Nguồn vui đã lìa bỏ ta suốt ngày đêm; mùa Xuân mát mẻ, mùa hạ và mùa đông tuyết trắng

chỉ gây phiền muộn cho lòng khô-héo của ta, chứ không còn gây sung sướng, chẳng bao giờ, ối, chẳng bao giờ nữa).

Ngày 8 tháng 6 năm 1822, Shelley cùng với một người bạn chèo một chiếc thuyền con trên vịnh Lerici. Một trận bão thỉnh-linh làm lật úp thuyền. Vài hôm sau, thi hài Shelley dạt vào bờ, và theo tục lệ Ý, được đốt ngay trên bãi bề trước sự hiện diện của Trelawney, Leight Hunt và Byron. Tro tàn được mang đến La Mã, chôn trong nghĩa-địa của đạo Tin Lành. bên cạnh mộ Keats, bạn thơ của chàng.

TÁC PHẨM CHÍNH CỦA SHELLEY

★ Alastor (1816)

Đây là một tập thơ tả một chàng «lý-tưởng» (idealist), đắm mình trong những ảo mộng đẹp đẽ và cố đem triết-lý của mình áp-dụng vào đời sống nhưng rồi phải chết trong thất vọng. Trong Alastor, ta thấy Shelley lang thang tìm kiếm người yêu trong mộng để thỏa mãn lòng yêu vẻ Đẹp. Trong thi phẩm này, Shelley là nhà thơ của gió, của trăng, của tri tưởng tượng siêu-phàm. Những phong cảnh trong tập thơ phảng-phất phong cảnh một giấc mộng. Shelley viết tập này trong lúc thật chán-não, sau một thời-gian

tranh-dấu. Vì vậy, Alastor có thể xem như một lời thú thật của thi-sĩ, không những thú thật sự thất bại của mình, mà còn muốn diễn-tả lòng hy-vọng bất diệt vào một cái gì tốt đẹp hơn sẽ đến.

★ The Cenci (1819)

Trong tập thơ dựa trên một câu chuyện cổ-tích nước Ý này, lần đầu tiên và cũng là lần duy nhất Shelley bàn đến một vấn đề thực tế. Nhân vật chính trong truyện, cô Béatrice, đau khổ vì có một ông cha vô-luân, cô bèn giết cha mình và cuối cùng cô chịu tử hình.

Béatrice là nhân vật độc nhất của Shelley có vẻ «người» nhất.

★ A defense of poetry (1821)

Đây là một tập khảo luận về thơ và về thi-sĩ. Theo Shelley, Thơ có một tác dụng luân lý gián-tiếp nhờ ở tri tưởng-tượng và ở lòng trắc-ân (sympathy) mà nếu không có, không có một thứ luân-lý nào có thể hiểu được. Tuy nhiên Thơ không thể là bài thuyết-giáo trực tiếp.

Khả năng của nhà thi-sĩ là tri tưởng tượng, nhờ đó nhà thơ «vén bức màn đã che mờ vẻ đẹp của thế giới» và nhắc nhở cho ta rằng mọi vật bề ngoài tuy có vẻ có giới-hạn (finite) nhưng thực ra đều liên lạc với

cái Vô biên và Vĩnh Cửu (infinite and eternal). Cổ nhiên Shelley đưa ra những hình ảnh lấy ở cuộc đời hiện-tại, nhưng không phải là những hình-ảnh mà mắt thường ta vẫn thấy. Chúng nó ở trong sự thật Vĩnh Cửu. Không có nhà thi-sĩ, sẽ không còn ai vén cho ta thấy những sự thật và những vật quý nhất trên đời — không ai hát cho ta nghe vẻ đẹp của Thiên-Nhiên, của Tình Yêu, của lòng Ái quốc, của « những nỗi an-ủi chúng ta ở bên này và những hy-vọng của chúng ta ở bên kia năm mờ ». Chỉ có thi-sĩ mới thật là người truyền giáo (prist) dùng dẫn dắt vi chính người cho ta hiểu « cái thế-giới vô hình mà người ta gọi là tôn-giáo ».

Nói tóm lại, từ một người duy-lý (rationalist) Shelley đã thành một người huyền - bí (mystic) và siêu-việt (transcendentalist).

* Epipsychidion, Adonais (1821)

Viết tập Epipsychidion, Shelley đã rót cảm hứng ở một thiếu-nữ Ý, cô Emilia Viviani. Cô này bị nhốt vào nhà tu kín trái với ý muốn và Shelley đã tìm thấy ở người thiếu-nữ này người đàn bà lý-tưởng mà chàng vẫn hằng mong ước. Adonais là bài thơ dài nổi tiếng nhất của Shelley. Toàn bài là một tiếng thở dài nào nuốt về cái chết của Keats. Cùng với bài Lycidas của Milton và In Memoriam của Tennyson, Adonais là một trong

ba bài bi-ca (elegy) hay nhất trong văn học sử Anh.

* Prometheus Unbound (1818-1820)

Nhưng tác phẩm quan trọng nhất của Shelley là tập thơ Prometheus Unbound.

Như ta đã thấy, Shelley luôn luôn nuôi ý muốn « Cải-thiện lại thế-giới » (bài tựa tập Prometheus Unbound) Chàng đưa ra câu hỏi : Tại sao con người lại bị nô-lệ, và làm thế nào để giải-thoát khỏi cảnh nô-lệ đó?

Để giải-quyết vấn-đề, Shelley đã dựa vào một chuyện thần-thoai. Một nhà viết kịch trú danh ở Hy-lạp, Aeschylus, đã viết một vở kịch về Titan Prometheus, vị thần đã dạy cho loài người biết dùng lửa và khiến Zeus (Jupiter) tức giận. Prometheus bị hình phạt : trói vào một tảng đá. Và sau Prometheus giải-hòa với Zeus bằng cách tiết-lộ cho Zeus biết một mối nguy cơ đang đe-dọa triều-đình ông ta. Shelley không thích lối giải-hòa đó giữa một chiến-sĩ (champion) với một kẻ áp-chế nhân loại.

Khi vở kịch của Shelley mở màn, ta thấy Prometheus vì đã chửi rủa thậm tệ Zeus nên phải chịu cực-hình. Zeus bắt Prometheus tiết-lộ mối bí-mật đang đe-dọa triều-đình của mình, nhưng Prometheus nhứt định không nói, không chịu khuất phục cường quyền áp chế dù Zeus gia-tăng hình-phạt.

Trong lúc đó, tận trong một thung-lũng xa xăm, nằmg Asia, người yêu của Prometheus, sống ở đây. Nhận được tin của Prometheus, Asia đi tìm Demogorgon, một vị thần có sức mạnh hơn cả Zeus, chúa tể vùng Olympe. Nàng hỏi thăm số-phận của Prometheus và được Demogorgon cho biết rằng hai người sẽ sống trong hạnh-phúc. Sau đó, Zeus tự rước lấy thảm họa bằng cách cưới Thetis. Con của hai người là Hercule lật đổ vua cha và giải-thoát Prometheus. Tất cả các vị thần-linh của vũ trụ hát khúc chào mừng sự tiêu diệt một chế-độ độc-tài và sự thắng trận của Tình yêu, của Tha Thứ.

Trong tập thơ của Shelley, Prometheus tượng trưng cho nhân loại, một nhân-loại đang bị hành hạ cực khổ bởi những chế độ vô lý được tượng trưng bằng Zeus (Jupiter) Demogorgon tượng-trưng cho sự Cần-thiết (Necessity) và Asia là linh-hồn của Tình Yêu. Shelley đã mơ một thời-dại hoàng-kim không phải ở quá-khứ mà ở tương-lai.

Nếu ta so sánh Prometheus với Faust (của Goethe) và Cain (của Byron) ta sẽ thấy một điều dị-biệt lý thú : Trong khi nhân vật của Goethe thông-minh và tự-tin, nhân-vật của Byron khác-khổ (stoic) và vô hy vọng thì Prometheus của Shelley lại nhân-nại chịu cực-hình, hy vọng một ngày mai xán-lạn.

Và Prometheus đã kết-hôn với

Tình Yêu dễ mất đất có một giống người cao-cả lấy tình huynh-đệ thay thế cho những luật-lệ và ước-lệ (conventions) của xã-hội đương-thời. Đó là triết-lý của Shelley. Nhưng khi đọc tác-phẩm trên, người đọc ít để ý đến ý-nghĩa sâu xa đó mà chỉ say mê sự bông bột, sự tưởng-tượng siêu-phàm và nhất là nhạc-điệu kỳ-diệu của những vần thơ Shelley.

* Những bài thơ ngắn của Shelley

Prometheus Unbound là tác phẩm vĩ-dại nhất của Shelley. Tuy nhiên sự thành công của nó vẫn còn kém xa những bài thơ trữ tình của chàng. The Cloud, To a Skylark, Ode to the West Wind, To Night . . . là những bài thơ bất hủ trong văn học sử Anh.

Đọc những bài thơ trên, tự-nhiên ta nảy ra ý kiến so sánh Shelley với một nhà thơ lãng mạn lớp trước : Wordsworth. Cả hai đều say mê thiên-nhiên, cả hai đều cho rằng những gì tự-nhiên mới là tượng trưng cho sự thật, cả hai đều thấy Thiên-Nhiên như thấm nhuần một linh-hồn sống-động. Nhưng trong khi Wordsworth tìm thấy một « linh hồn của tư-tưởng » và vì vậy nhận-thức được sự cảm-thông giữa Thiên-Nhiên và con người, Shelley lại tìm thấy một « linh hồn của Tình Yêu » nhưng linh hồn này hiện-hữu vì nó, chứ

không phải vì ai cả. Vì vậy «Đám mây» (the Cloud), «Gửi chim Sơn Ca» (to a skylark) và «Nhắn gió Tây» (Ode to the Westwind) ba bài thơ trong những bài thơ hay nhất của nước Anh không mang lại cho nhân-loại một sứ-mệnh nào rõ-ràng.

Trong bài «Hymn to Intellectual Beauty» Shelley giống Wordsworth nhất, nhưng trong bài «Sensitive Plant», nhờ sự tượng trưng và sức tưởng-tượng tể nhị nên Shelley không giống ai cả. Nếu ta so-sánh bài

«Lament» của Shelley với bài thơ nổi tiếng của Wordsworth «Intimations of Immortality» ta sẽ hiểu rõ hai tác-giả hơn; Cả hai bài đều gọi lại những kỷ-niệm êm đềm của thuở thiếu-thời, nhưng trong khi vẻ đẹp của bài trên chỉ làm cho ta buồn và thất-vọng, thì vẻ đẹp của bài dưới lại làm cho ta tin tưởng và tràn-trề hy-vọng. Nói tóm lại, trong Thiên-Nhiên, Shelley đã mất mình và Wordsworth đã tìm thấy mình.

Tạ Ký và Cao huy Thuần

★ KHÔN MÀ KHÔNG NGOAN

Một bà ăn-mặc sang trọng đang đi dạo phố thì một em bé chạy nhào đến vừa đưa tay vừa nói:

— Xin bà làm ơn cho cháu xin vài đồng để nuôi sống .. đưa em gái đi-mù!

Động lòng, bà nọ liền mở bóp lấy tiền cho. Nhưng trước khi trao tiền cho thằng bé, hơi nghi ngờ, bà hỏi:

— Vậy chớ em gái đi mất đâu?

Thằng bé vội trả lời:

— Dạ nó đang đứng đọc báo chỗ sạp báo kia kia.

★ CON CHIM BỎ CẦU TRẮNG

Tại nước Bỉ, dưới thời bị Đức quốc chiếm đóng, một em bé Bỉ dự cuộc diễn binh của quân đội Hitler. Đang lúc quân lính kéo cờ lên thì một con bồ-câu trắng bay đến đậu trên cột cờ. Thằng bé vội-vàng vổ tay một cách cuồng-nhiệt. Lập tức một sĩ quan Đức đến cho thằng bé 100 marks (tiền Đức) và nói:

— Giỏi đấy bé! Lần sau tao sẽ cho mày 100 marks nữa nếu mày vổ tay như vậy;

Thằng bé trả lời:

— Nhưng mà tôi không biết rằng lần sau con chim bồ câu trắng còn đến đậu trên cột cờ nữa không?

Phép Châm



Kinh Phôi theo y-học cổ-thơ Tàu

Bác-sĩ
HOÀNG-MỘNG-LƯƠNG

★ Từ thời kỳ thạch khí
đến thời kỳ nguyên tử:



VỀ đời tối thượng cổ,
đời Tam - Hoàng,
Ngũ Đế, người ta
dùng kim đá để
châm; đá ấy là loại
đá cứng, đá lửa

(silex). Kim đá bất tiện vì không
được nhọn, châm đau; người ta
bỏ kim đá để dùng kim tre hay
là kim gai; kim này hay gãy,
không bền, lại bị đào thải để
nhường chỗ cho kim sắt. Người
ta còn giữ lại được một chiếu
chỉ của Vua Hoàng-Đế truyền
cho các Y-Sanh nên dùng kim
sắt, bỏ kim đá; chiếu chỉ ấy nói
rằng: «vì kim đá châm đau,
bệnh lâu lành cho nên sưu thuế
thần vào kén, ngân sách bị thiệt
thời». Theo cổ thơ, kim sắt làm
vỡ thứ sắt của máng ngựa. Các
Y-Sư nghĩ rằng ngựa thuộc ngọc
có nhiều hỏa, con ngựa ngậm
máng sắt truyền hỏa khí cho
máng ấy.

Mà đến thế kỷ thứ XIV người
Nhật chế 2 loại kim: kim vàng
và kim bạc.

Ngày nay phải châm-cứu cổ-
hữu (phải độc kim) chỉ dùng một
loại kim bằng thép (acier) mà
châm. Đối lập phái cổ-hữu, có
phái châm-cứu tân-tiến dùng 2
loại kim: kim vàng để bồi; kim
bạc để tả. Nên nhớ rằng các loại
kim thép, vàng, bạc làm bằng
khoan chất ma thôi, chứ trong
kim ấy không có luyện thuốc gì
cả như người ta đã tưởng lầm.

Hình vóc cây kim :

Từ xưa đến nay, người ta đã chế ra rất nhiều kiểu kim ; nhưng xét kỹ, chỉ có 4 thứ thông dụng : kim dài, kim ngắn kim lớn, kim nhỏ ; trừ 4 loại kim này, các loại khác ít dùng đến ; nếu các Y-sư chế tạo nhiều thứ kim, sự đó là tùy sở thích của mọi người.

Có những nhà hàng chuyên môn làm các thứ kim trên tại ở các thành phố lớn : Tokio, Hong-kong, Ba-lê v.v... người ta có thể mua kim châm ở các hiệu chuyên bán dụng-cụ giải-phẫu (instruments de chirurgie).

Giữ gìn kim :

Các thứ kim cần sắp đặt có thứ tự trong một hộp riêng, hộp ấy bằng thiết mạ kền, hộp nhỏ gọn gàng để bỏ vào túi ; mỗi hộp có độ chừng 15 cây kim đủ các cỡ. Mỗi hộp kim có kèm theo một cái ống để lồng kim (kiểu Nhật-bồn) và một cái tấm bằng đồng để tiệt huyết (kiểu của Pháp).

Tẩy uế kim :

Người ta dùng rượu 90° hay là ether để thấm bông gòn mà chùi kim ; chùi trước và sau khi châm ; ở các phòng châm-cứu chuyên khoa, sau giờ làm việc, mỗi ngày người ta dùng máy hấp điện để tẩy uế các dụng cụ theo thủ tục

khoa-học, nên nhớ rằng phép châm đã khai sinh tại Trung-quốc trước thời kỳ phát minh vi-trung của Pasteur ; như vậy 2 ngàn năm trước, người ta vẫn theo một thủ-pháp hết sức đơn-sơ về phương diện tẩy trùng. Không tẩy uế kim, có thể sanh abscess chỗ chích. Trường hợp ấy, tuy ít có, nhưng cũng nên đề-phòng.

Tẩy uế bàn tay của người cầm kim

Cắt móng tay cho sát, rửa tay với xà-phòng cho kỹ.

— Rửa tay lại với rượu 90°.

— Khi lấy kim, phải cầm đầu cây kim, không nên cầm mũi nhọn của kim.

— Chùi kim với một miếng bông thấm rượu, chùi từ đầu kim tới mũi kim.

Tẩy uế các huyết.

Phải chùi huyết với rượu 90°. Nếu gặp bệnh nhơn có ghẻ mọt nhiều, nên chùi huyết với thuốc đỏ (mercurochrome à 20/o). Nói tóm lại có 3 việc tẩy uế nên nhớ :

— a) Tẩy uế kim.

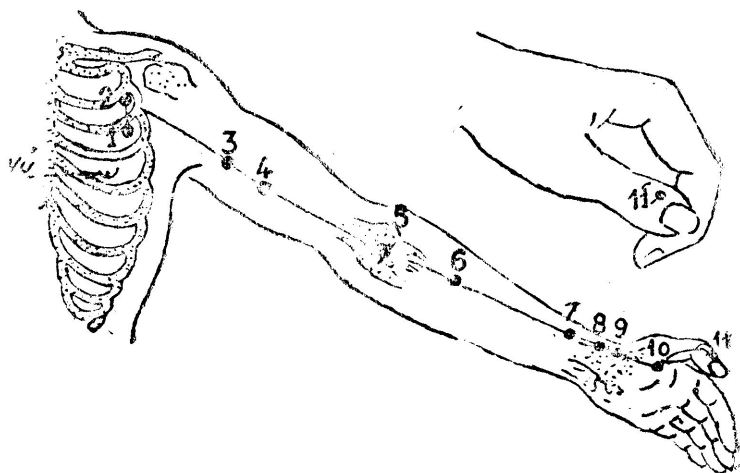
— b) Tẩy uế tay người cầm kim.

— c) Tẩy uế huyết nơi bệnh nhơn.

Trong những trường hợp gấp rút, người ta có thể tẩy uế sơ-sài nếu không có sẵn những thuốc sát trùng như ở một X-Vụ-Sở chanh thức.

Thủ Thái Âm Phê Kinh 手太陰肺經

Méridien des Poumons



- | | |
|------------------|---------------------|
| 1. Trung Phủ 中府 | 7. Liệt Khuyết 列缺 |
| 2. Vân Môn 雲門 | 8. Kinh Cự 經渠 |
| 3. Thiên Phủ 天府 | 9. Thái Uyên 太淵 |
| 4. Hiệp Bạch 夾白 | 10. Ngư Tế 魚際 |
| 5. Xích Trạch 尺澤 | 11. Thiếu Thương 少商 |
| 6. Không Tai 孔最 | |

Thủ pháp châm

Nói về bệnh **nhon**. Nếu gặp người nhất gan, yếu vía, thì uống nên châm liền; phải an ủi người ta cho khỏi sợ sệt, bảo họ an tĩnh, thông thả thở đều hơi, ăn niệm Phật hay là niệm Chúa, ăn bắp thịt, các đường gân phải để tự nhiên, không nên co rút lại, sắc mặt điềm tĩnh không nên thất thần. khiếp vía « như người đập trên đuôi cọp hay n chắt dầu rồng ».

Không nên châm cho những nh non quá yếu đuối, âm-rong suy nhược, có chứng chết. Nếu gặp những bệnh trạng y, thì phải cho uống thuốc hay tiêm thuốc trước vài ba ngày; làm phép châm sau. Nếu cần y liệu gấp, thì nên dùng « phép cứu »; nên cứu các huyết: quang-guyên, khí-hải, túc-tam-lý, cao-đang, phục-lưu, v.v...

Sửa soạn bệnh nhon để chữa trị

Theo thủ tục tây-y, thầy thuốc nằm bệnh trong một phòng kín, trước mặt một người y-ta phục-chu. Bệnh nhon phải cởi khăn, cởi giày; đối với bệnh nhon đông, thì nên để cho bệnh nhân lột mồ hôi. Nếu là một người đàn-bà, thì nên để quần áo cả yếm che ngực nữa.

Nếu khám bệnh mà không bắt được sự « bán-khỏa-thân », thì thầy thuốc không thể khám kỹ được, sự đó ai cũng hiểu. Và

nếu châm cứu mà không bắt được sự « bán-khỏa-thân » thì điểm huyết không đúng.

Nằm ngửa khi cần châm-cứu ở bụng

Nằm sấp khi châm-cứu ở lưng

Ngồi khi châm-cứu ở huyết cao-hoan

Ngồi khi châm-cứu ở cánh tay và bắp tay

Ngồi hay nằm khi châm-cứu ở vè và bắp chân

Đại khái sự sắp đặt như vậy, thầy thuốc sẽ tùy theo trường hợp mà làm, mục đích là cho thấy rõ huyết dễ châm cho đúng.

Những chi tiết trên cần nói, vì có một bệnh nhon kể lại với tôi: « khi trước, có một lần, tôi đi « đến một thầy tâu, ông ấy châm « cho tôi nhiều huyết nơi tay, « nơi móng dít mà không bắt cồi « áo, xăn-quần.

— Làm sao châm được ?

« với những cây kim dài độ 0m10 « ông ta châm qua mấy lớp áo, « sau đó, tất cả huyết bị châm « đều làm mũ, còn bệnh của tôi « không thấy lành. »

Thủ pháp châm như vậy rất lỗi thời, không thể dung thứ ở đời nay được.

Châm bổ và châm tả

Mục đích của **phép châm-cứu** là để điều-hòa chánh-khí, điều-hòa khí-huyết của tạng-phủ. Khi thân thể được mạnh khỏe thì âm-dương, khí huyết của tạng-phủ thăng-bằng: khi sự thăng-

bằng ấy bị chênh-lênh, thì sanh ra bệnh. Người ta chia ra 2 loại bệnh : bệnh hư và bệnh thiệt : hư nghĩa là bất túc, thiệt nghĩa là hữu dư. Gặp trường hợp bất túc thì phải làm phép bổ; gặp trường hợp hữu dư thì phải làm phép tả; người ta bổ tả « gián tiếp » trên những kinh huyết, có tương quan gián tiếp với tạng-phủ lâm bệnh. Sẽ có dịp thảo luận dài về vấn đề này. Nay ta chỉ nghiên-cứu về thủ-pháp-châm mà thôi.

Trước khi châm

Phải rửa khi cho tự lại huyết với ngón tay ấn nhẹ trên đường kinh; ấn xa độ chừng 15 cm.; kể từ 15 cm. bắt đầu từ đó, ấn tới huyết. Có sách dạy vút ấn theo chiều của vận khí: chiều ấy chạy ở trên xuống hay là ở dưới lên; phải tưởng tượng bệnh nhơn nằm thẳng hay là đứng thẳng, hai tay dơ thẳng lên quá đầu, tưởng tượng như vậy thì dễ biết chiều lên, hay là chiều xuống của đường khí vận.

Thủ pháp châm

Tay mặt cầm kim với ngón tay cái và ngón trỏ (nhớ nắm đầu kim); tay trái lựa huyết và điểm huyết, lấy ngón cái và ngón trỏ cần da trước rồi châm kim. Phải châm cho gọn gàn; nếu dùng loại kim ngắn, kim tâu, thì không cần ống dẫn kim; nếu dùng loại kim Nhựt thì phải lồng kim vào ống dẫn trước, rồi mới nhậ trên đầu kim sau nhận

manh và lạnh, thì mũi kim đâm vào huyết, ít làm đau đớn bệnh nhơn.

Phải chú ý hơi thở của người bệnh để làm phép tả hay phép bổ.

Châm tễ

Phải thừa lúc bệnh nhơn hít vào mà châm; nếu dùng kim bạc thì châm sâu độ 6m/m.; nếu dùng kim thép thì cũng châm sâu độ chừng 6 m/m. Đây chỉ nói độ chừng mà thôi: nên châm sâu hay cạn tùy theo chứng bệnh nặng nhẹ; đau lâu hay là mới đau; tùy theo bệnh nhơn ốm hay là mập, cũng tùy theo địa điểm của huyết và tùy theo thời tiết: nên nhớ rằng khi-âm ở sâu, khi - dương ở cạn, nhớ để lựa kim dài hay ngắn mà dùng. Khi châm tễ, châm sâu, thì mũi kim sẽ qua những lớp: da ngoài (épiderme), da trong (derme), lớp dưới da (tissu sous cutanée), lớp thịt (muscle), và xương (périoste et os). Khi mũi kim gặp lớp thịt tức là châm tới « địa », khi nó động tới lớp « dưới da » tức là nó động tới « nhơn » khi nó gặp lớp da ngoài tức là nó ở tại « thiên ». Muốn có công hiệu « tả », khi châm kim sâu tới lớp địa thì nhẹ-nhàn thông thả rút nó lên tới lớp « nhơn » lúc đó người bệnh nhăn mặt, kêu đau, lập tức xoay cây kim qua bên trái hay qua bên mặt, rồi lần-lần rút thẳng nó ra chậm - chậm, khi rút ra rồi, thì lấy ngón tay bành lỗ huyết để tà khí theo ra.

Châm tả nên để kim lâu hay mau

Nếu muốn có công hiệu của phép tả thì phải để kim nơi huyết từ 1 phút đến 2 phút. Để kim lâu hay mau cũng tùy trường hợp. Trong một thời châm, nếu dùng nhiều kim tả thì không nên để lâu quá 2 phút; nếu châm một bệnh nhọn yếu sức, thì nên rút kim ra sau 1 phút, không nên để lâu. Ở Âu-châu một đôi nhà châm - cứu châm tả với một thứ kim bạc nặng 0.006 trong những chứng gân thịt co rút và đau. Người ta lựa huyết rồi châm một cây kim ngắn «punaise» rồi dán băng dính trên đầu kim, cho bệnh về, 24 giờ sau trở lại, người ta mới rút kim ra.

Châm bổ

Dùng kim vàng, châm cạn, kim qua lớp da ngoài độ 2 m/m. đến 4 m/m, thừa khi bệnh nhọn thở ra mà châm vào từ-từ, thông thả. Để kim lâu từ 3 đến 6 phút. Thừa khi bệnh hít vào mà rút kim ra cho mau. Lấy ngón tay đập huyết khi đã rút ra rồi.

Nói tóm lại

Nên chú ý đến sự tả tả khi và bổ chánh khí.

Phép châm «Tam tài» theo các sách xưa của Tàu tức là phép đưa cây kim qua các lớp: da, thịt, xương.

Bây giờ đối với các Y-sĩ châm cứu, không còn những lối thủ pháp «Tứ linh» nữa nghĩa là châm kim theo lối:

- A) Bạch hồ điều đầu.
- B) Thanh-long bãi vĩ.
- C) Bích-phụng tắm nguyên.
- D) Đơn-quì thám huyết

Tích ở nội kinh

Bệnh huyết nên châm huyết Vinh.

Bệnh khí nên châm huyết Vệ.

Bệnh mới phát, tả khí ở lớp da ngoài, khi châm phải chú ý: muốn tả tả khí thì châm cạn không nên châm sâu; vì châm sâu, tả khí có thể theo kim mà vào tới lớp tấu-lý làm thương tổn Vinh khí.

NÊN NHỚ: Tả khí ở cạn, nơi lớp da trên (épiderme).

Vệ khí (trọc khí) ở lớp da dưới (derme)

Loại kim	Bạc, Tả	Vàng, Bỏ
Châm vào lúc nào	Châm rất lạnh	Châm rất chậm
Châm sâu, cạn?	Lúc hít vào	Lúc thở ra
Để kim mấy phút?	2 m/m. đến 6 m/m. 1 phút đến 2 phút	2 m/m đến 3 m/m. 2 phút đến 6 phút và lâu hơn
Rút kim lúc nào	thở ra, nơi lỗ huyết rút ra chậm chậm	Hít vào, bít lỗ huyết rút nhanh

Vĩnh khí (thanh khí) ở sâu, nơi cơ nhục (aponévrose, muscle).

Phải đọc - kim dùng một loại kim thép để bỏ hay tã.

Phải da kim dùng kim vàng để bỏ, kim bạc để tã.

Trên một huyết, người ta có thể châm tã trước, rồi rút kim ra châm bỏ sau.

Dầu châm một thứ kim hay 2 thứ kim, nguyên tắc bỏ tã vẫn in nhau

Thời tiết và châm cứu pháp

Phải tùy theo thời-tiết mà châm-sâu hay châm-cạn. Về vấn đề này, nội kinh đã nói : mùa xuân khí vận ở lớp da mỏng (épiderme) nơi phần trên của da ấy, ở lỗ lông.

Mùa hạ khí vận ở lớp da mỏng (épiderme) nơi phần dưới của lớp da ấy. Mùa thu khí vận ở lớp da dày (derme) và trong lớp tế-bào dưới da dày ấy (hay là tấu-lý). Mùa đông khí vận ở tận xương thịt.

Vả lại, mỗi tháng đến tuần trăng tròn, thủy triều lên, thì ở trong thân thể khí huyết được sung mãn; trong thời sung mãn ấy, nếu gặp tà khí, thì thân thể đủ sức không cho tà khí vào. Trái lại, trong tuần trăng khuyết, khí huyết đều kém, nếu gặp tà khí thì tà khí dễ đột nhập thân thể. Châm nhằm những ngày xa tuần trăng tròn, thì phải châm nhiều lần thì mới có hiệu quả tốt. Những ngày

trăng lên (từ lưỡi liềm đến mặt tròn) tránh được phép tã thì tốt. Những ngày trăng xuống (từ mặt tròn đến lưỡi liềm) tránh được phép bỏ thì tốt.

Đại khái, khí vận của con người chịu ảnh hưởng của khí vận vũ-trụ như vậy, người chữa bệnh phải tùy theo thời tiết mà sai-khiến cây kim hay là thuốc cứu. « Tùy thời biến dịch, gĩ tông đạo giã »

★

THAM KHẢO THƯ LOẠI Sách báo Việt-Nam :

— Lê-hữu - Trác (Hai - thương - Lan ông) sách Y-tôn Tâm Lãnh bản chữ Hán 1887.

— Hắc - đạo - Lao - nhơn Đông-phương y-học toát yếu xuất bản Hanoi 1936

— Nguyễn-An-Nhân y-học Nhật nam thư quán Hanoi xuất bản

— Nguyễn-dinh-Cảng Châm-cứu-nhập-môn bản thảo Hán tự 1934

Bác - Sĩ Nguyễn - văn - Quan Châm-cứu-pháp (luận án) Balé 1930

— Bác-sĩ Nguyễn - văn - Nhữ « những dị đồng » trong châm-cứu-pháp Presse médicale de Paris tháng năm 1937

— Bác-Sĩ Hoàng-mộng-Lương :

— Notes d'Acup. Bulletin Méd. chir, Hanoi 1936.

— Mon point de vue l'acup. « La clinique » Mai 1937

— La Quintessence humaine Revue I.A 1950.

— *La Prise de Pouls chinois*
1951

— *Le traitement des Coliques Vermineuses en collab. avec le Dr. Trinh-van-Dam Revue I.A* 1952

— *La Placentothérapie en Médecine Chinoise en coll. avec M. Tran-tiên-Hy R. I. A.* 1952.

— *Nguyễn-van-Ba kỳ kinh bát mạch quốc-tế* 1952

Đỗ-phong-Thuần Y học thực nghiệm Saigon 1954

Phó-dức-Thành tập chỉ Y-học Việt-Nam Vinh 1942 — 1945

Phạm-văn-Điều Y - dược - học Saigon hiện còn xuất bản 117 Nguyễn-phí-Khanh Saigon

Sách Tàu và Nhật :

Hoàn-Đề Nội-kinh tổ-vấn, xuất bản Thượng-Hải

Biển-thước Nạn-kinh, xuất bản Thượng-Hải.

Châm-Cứu đại-thành, Hồng-bửu tế thọ-cuộc Thượng-Hải

Thừa-Đam-Âm, Châm-cứu-học giảng-nghĩa, Khanh - thanh ấn-cuộc, Hong-kong

Chu-Liên, Tân-châm-cứu-học, xuất bản Bắc-kinh

Trần Tôn-Nhơn, Kinh huyệt Thanh-Minh đồ, Hong kong

Nakayama Châm-Cứu-Pháp và Hán-Y

Hán-Y thực nghiệm tại Nhật bốn Y-học tập-chí Hippocrate no 1, 2, 3.

Sakurazava nguyên tác duy nhất xuất bản tại Paris 1930

Sách báo Pháp quốc :

— *Ch. Flandin L Acupuncture chinoise, Progrès médical no 49* Déc. 1933

— *G. Soulié de Morant Précis de la Vraie acupuncture, chinoise Mercure de France Paris* 1934.

— *G. Soulié de Morant Traité d'acupuncture, Mercure de France* 1939

— *De La Fuye, Traité d'Acupuncture I, II, Libraire le François Paris* 1947.

— *P. Ferryrolles L'Acupuncture chinoise Ed. Slei dille*

— *A. Chamfrault, Traité de médecine chinoise, Ed. Coquemard Angouleme France Paris*

— *J. I. H Niboyet, Essai de l'Acupuncture pratique, Ed. Dominique Wapler*

— *Revue Internationale d'Acupuncture 8 avenue F. Roosevelt Paris (8)*

*** NGƯỜI ĐÀN-BÀ LÀ CHIẾC Ô-TÔ.**

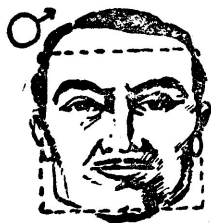
Thi-sĩ Ý Galrielezio cho rằng : Người đàn bà rất giống chiếc ô-tô ở điểm làm ồn thành phố, thích chạy loăng quăng, và ưa hôn hít một cách bất hợp pháp ! Cái vỏ ngoài chói lộn và cái đệm êm ái. Tuy nhiên ô-tô và đàn bà còn có tính ưa nhóng nhéo hay đau ốm, khó đẩy, rắn mặt, kiêu căng, ưa qua mặt và lâu lâu lại... nổ lốp 1 lần !

7 KHUÔN MẶT CỦA CON NGƯỜI

XEM tướng mặt là một nghệ thuật rất xưa để hiểu biết tâm tính con người qua diện-mạo. Mỗi người có một khuôn mặt khác nhau : người thì mặt vuông chữ điền, người thì mặt nhọn, trái xoan v.v...

Mỗi khuôn mặt thuộc về một vì sao và tánh tình của mỗi người khác nhau theo khuôn mặt của mình. Đầu năm mới, mời các bạn hãy nhận xét diện mạo của bà con thân thuộc để hiểu biết tánh tình và năng khiếu của họ.

MẶT CHỮ ĐIỀN



Hay là mặt vuông (thuộc Hỏa Tinh) Người mặt vuông thường có hình vóc tráng kiện, xương quai hàm mạnh,

vẽ, đôi mắt oai nghiêm, miệng rộng môi mỏng.

Người mặt vuông thường tính tình cương quyết, đầy nghị lực, cần cù và kiên nhẫn. Đó là hạng người hoạt động, can đảm nhưng đôi khi hơi hung hăng. Có thể có tánh nóng nảy. Chịu ảnh hưởng của Hỏa Tinh.

MẶT TRÒN

Đôi má phúng phính, môi dày, điệu bộ chậm chạp nặng nề, các bắp thịt vai và bắp vẽ nở nang. Bề ngoài rất hiền hậu.



Thường có tâm địa tốt, tánh tình hiền hậu, nhiều tri tưởng tượng và đa cảm nhưng thụ động và ít ư làm công việc, hay mơ mộng hảo huyền. Ngay thật, có thể tin cậy được. Chịu ảnh hưởng của mặt trăng.

MẶT NHỌN hay TAM GIÁC



Tánh tính
sâu sắc, lạnh
lợi, khôn
n g o a n .
Thường đi
đôi với thân
bình mềm
mại uyên
c h u y ê n ,

thon người ; có những cử chỉ
đột ngột. Miệng xinh xắn, môi
khô, đôi mắt nhìn một cách bén
nhọn sâu sắc và hơi cứng rắn.

Tánh tính mềm dẽo, mình
mẫn, lạnh trí và có óc tính toán.

Người mặt nhọn thường có
lòng tham vọng vô bờ bến đi
đôi với sự khéo léo. Phải đề
phòng những lúc nổi nóng Có
thể là những người hay giấu
điểm che đậy, đôi lúc nguy hiểm.

Chịu ảnh hưởng của Thủy
Tinh.

MẶT TRÁI XOAN

Khuôn mặt
dễ coi và
đáng yêu
n h ấ t ,
thường đi
đôi với
nước da
tươi tắn,
đôi mắt
trong sáng
và dịu dàng. Diện mạo đều đặn
cân đối. Miệng có duyên, môi
đỏ mỏng.



Thường là những người rất
có duyên và được yêu mến.
Mặt trái xoan là khuôn mặt của
những người có nhiều tình yêu,
lạc quan và tin tưởng ở tương
lai, nhanh nhẹn trẻ trung, có
nhiều năng khiếu về văn nghệ
nhưng đôi khi trí óc sơ thiển
không được thâm thúy lắm.
Thường không có ý chí mãnh
liệt và nhẹ dạ. Ảnh hưởng của
Vệ Tinh.

MẶT BẠNH (hay mặt hình THANG)

Giống mặt
Bang Bạch,
trên nhỏ
dưới bành
ra. Người
có óc thực
tế. ưa
những thú vui vật chất.



Miệng to rộng. Đôi mí mắt
nặng trĩu. Đứng trước những
người này ta có cảm tưởng nặng
nề. Giọng nói oang oang. Bề
ngoài hiền từ nhưng thường che
đấu một ý chí cương quyết chỉ.
kỷ lạnh lùng. Thường là những
người đầy khí phách nhưng ít
khi là những văn nghệ sĩ.
Ảnh hưởng của Mộc Tinh.

MẮT HÌNH THANG NGƯỢC



Như mắt
bệnh nhưng
ở trên
phần nhô ra,
dưới thóp
lại.

Diện mạo
và tánh tình
khác hẳn với những người mắt
bệnh. Mắt thường nghiêm nghị
câu có lông mày thường nhú
lại, đôi mắt nhìn lo âu. Miệng
thường xệ xuống với đôi môi
khô khan. Vẻ mặt không tươi
đẹp.

Nhưng trái lại những người
này có những đức tính thần
rất trội và dưới bộ dạng khó
hiểu ấy thường che giấu một bộ
óc, một lòng lo lắng đến sự
hoàn mỹ và một trí óc khao
khát hiểu biết không bao giờ
thỏa mãn. Đó là khuôn mặt của
những kẻ ưa tìm tòi, những

chính trị gia, những nhà bác học
Đôi khi, những lúc mà trí óc bị
sai đường, thì khuôn mặt ấy
tượng trưng cho những người
buồn bán tàn nhẫn, những
người say mê vì tiền bạc. Ảnh
hưởng của Thổ Tinh.

MẮT TRÁI XOAN DÀI

Nét mặt
rất đều
đẹp về mặt
tươi đẹp ;
duyên dáng
tự nhiên
nhưng về
đẹp huy
hoàng hơn



những người mặt trái xoan ngắn.
Tánh tình tự tin và oai quyền
nhưng có những điệu bộ vui vẻ
địu dàng đáng yêu.

Thường có tính khoe khoang,
sợ sự nhỏ nhen và lòng ti tiện.
Mắt của những người cao
thượng giàu sang thường ra sự
tĩnh mịch. Ảnh hưởng của
Thái Dương.



★ CÔ GÁI KHỎA-THÂN TRÊN TẤM LỊCH.

— Thi-sĩ Nhật Motsukio cho rằng : Khi nhìn tấm lịch có hình
thiếu nữ khỏa thân thì 100 người sẽ không có ai lại nghĩ đến chuyện
có gái đó hiện là một bà già kẹ. Bởi lẽ đó quyền lịch nào có in hình
thiếu nữ đẹp chỉ là món hàng lừa bịp mọi người cho rằng thời gian
không quá đi lạnh chóng như người ta vẫn tin tưởng.

THƠ' VUI VỀ TOÁN SỐ

Tình hằng số là Đạo hàm vô nghĩa

Anh XÁC ĐỊNH tình yêu HAI NGHIỆM số:
Anh và em HAI ĐIỂM giữa KHÔNG GIAN
Một ĐẠO HÀM LIÊN TỤC đến vô vãn,
Em DI CHUYỂN anh luôn tròn BIẾN ĐỘ

Em vụng tính đề thành ra ĐƠN THỨC
Lạnh lòng em đời MỘT NGHIỆM u buồn:
LŨY THỪA lên, tăng CẤP SỐ tình thương
Anh BÉ NHỎ (1) nhìn em mơ VÔ CỰC

Anh sợ quá đứng bên ngàn ĐẰNG THỨC
Cầu xin em tìm hiểu một NGUYÊN HÀM.
Anh là Y em là X BÌNH PHƯƠNG
Đừng VÔ NGHĨA một ĐÀO HÀM BẬC NHẤT

Em độc ác không ưa tìm GIỚI HẠN
Em ngây ngô nhìn QUỸ ĐẠO tình yêu
Em vô tâm làm GIÁN ĐOẠN anh nhiều
Tình khó giải tìm em gần TIỆM CẬN

Anh đâu muốn đời ta là GIA SỐ
Của THỜI GIAN và của cả KHÔNG GIAN
Khi bước chân em DI CHUYỂN bên Thiên đường
Anh THỪA THẢI một tình duyên đang dở

Em ơi đợi gì không LIÊN TỤC
DI CHUYỂN đi cho tìm nở ĐIỀU HÒA
Cho KHÔNG GIAN thành cả một trời hoa
Anh sung sướng trọn đời không ƯỚC LỢC

HỒNG LIÊN

KHOA-HỌC-TOÁN-BÁN-CÔNG-HUỆ

(1) Ép-si-long: $x \rightarrow \frac{+}{-} \infty y \rightarrow \frac{+}{-} \pm$

NGÀY TẾT TÔI GẶP...



MA HEO!



GIỮA thế kỷ Nguyên-tử-lực này mà nói đến Ma thì còn có ai tin được. Chính tôi cũng vậy. Có người bảo ma chỉ hiện ra trong những trường-hợp đặc-biệt khi các yếu-tố siêu-hình thể-hiện đầy-đủ. Như vậy, họa-hoảng mới có người gặp được ma.

Có lẽ chính cái chỗ tôi không tin mà ma đã xui tôi gặp chúng. Cuộc kỳ-ngô hi-hữu, xin thuật lại hiến các bạn.

Tối hôm 30 tháng chạp, bạn tôi mời tôi qua nhà ở xóm Lò-Hèo Mới bên Gia-Định để nhậ-nhật chơi cho vui. Sự tiếp tế thật là dồi-dào căn-bản trên « nguyên-liệu » Hèo.

Sau khi « đập » chừng 3 lít đồ Hóc-Môn, « càn-quét » hết độ mười đĩa thực-phẩm, tôi say sưa giã-từ ông bạn quý ấy. Có lẽ đã khuya lắm thì phải vì hai bên hàng xóm ngủ im-lìm. Trời thì không trăng mà cũng chẳng có sao. Chân nam đá chân xiêu

trên con đường gồ-gề, tôi sém chuối xuống sinh ba bốn lần, nhưng cố gắng - gượng

quờ - quạng nhắm về phía Saigon đang hừng lên một vùng sáng hồng hồng. Bỗng một cơn gió lốc lạnh buốt tạt qua làm cho tôi xây-xâm mảy mảy, lão-đảo rồi té nhủi vào một đồng rác bên đường. Hình như tôi ngã đi rất lâu. May sao cái mùi nồng-nặc ả-ả của đồng rác đã làm tôi sực tỉnh. Tôi uể

XUÂN GIANG

oải củi xuống phủ bụi cát bám đầy vào gáy, tai và quần áo. Khi nhồm dầy định bước thì một cảnh-tượng lạ-lùng khiến tôi quên tất cả mọi sự.

Trước mắt tôi, quanh một đám lửa hồng một bầy heo chừng vài chục con đang quây-quần chen lấn. Có con lang, có con đen sậm, con thì bạc má, con thì da hồng. Con mỡ cụt, con mỡ dài, vài con nái, vài con sê, có chú ti-hon con bú mẹ, có chú lớn tướng xù-xì lông là mỗm đê loi hai chiếc nanh trắng hếu như giống heo rừng miền cao-nguyên.



Chúng nằm xen lẫn có hàng ngũ, yền lặng như đang nghe ngóng gì. Tôi cho đó là một sắp heo của một chủ vừa nào sắp đem đi chọc tiết để mai bán cho kịp Tết Tây. Nhưng không. Tôi cố lắng tai. Qua tiếng ưt-ít lại vắng vắng có tiếng người xầm-xì. Tò mò tôi mon men bước nhẹ lại gần, nấp sau một thân dừa lớn cách chừng 5, 6 thước gì đó.

Tôi chú-ý nhìn thì thấy một chú heo già nua, da-dẻ nhăn-nheo, mỗm há hốc đỏ lôm, răng chỉ còn vài ba chiếc lởm-chờm.

La thay nó phát ra những tiếng nói mà tôi hiểu. Nó... nó nói tiếng người. Nó... Tôi sợ nhờ đây là khu-vực lò heo và... người ta bảo thường có... ma... Thôi, đúng là Ma Heo rồi! Đàn heo này là đàn heo ma! Ý Trời ơi! Tôi luống cuống vì quá sợ hãi, toan bỏ chạy thì chợt thấy con heo già đứng dậy có hai chân trước, chắp lại với nhau, trịnh-trọng xa một cái và nói lớn: «Thưa anh chị em, vậy thì kẻ thù không đội trời chung của chúng ta là ai?»

— Cả đàn heo rống lên: Loài người! ưt... ưt...

— Phải loài người. Mười hai năm sắp qua, theo cô-lệ chúng ta cứ mỗi Giáp-lại hội-hợp nhau một lần để nhắc-nhở cho nòi-giống ta mỗi thu truyền-kiếp. Họ hàng chúng ta càng ngày càng đông đảo thêm vì mỗi ngày loài người sát-hại biết bao nhiêu sanh-linh heo. Nhưng cảnh tượng máu đỏ thịt rơi vẫn tiếp-diễn. Nói riêng về khu-vực chúng ta hiện đang khai hội, dân bản-xứ đối xử với chúng ta quá thậm-tệ. Chúng đồ thừa chúng ta thích ở dơ, kỳ thực nếu chúng ta có mỗi đũa một chiếc chuồng sạch-sẽ, lát gạch bông, lợp ngói, thử xem chúng ta có biết xử-dụng hay không (có tiếng ưt... ưt... biểu đồng tình)? Anh chị em thử coi, chúng ta mặc dầu chuồng chỗ chật hẹp dơ dáy, còn biết ven kheo, rải phân lại một góc, ăn ngủ tại một góc khác. Nhưng

loài người cổ tâm hạ tầng địa-vị chúng ta nên không chịu kiếm một biện-pháp nào để nâng cao đời sống cho chúng ta. Thành-kiến đối với chúng ta vẫn sai lầm. Nghĩ thật là tủi nhục cho nòi giống chúng ta biết mấy (có tiếng ư-ít, ư-éc như bực-tức).

Họ mà nói đến chúng ta là y như có một ngu-ý mĩa-mại khinh - miệt. Nhiều danh - từ không đẹp được gán vào cho chúng ta: như mặt heo! Ngu như heo! Dơ như heo, lười như heo... Treo đầu heo bán thịt chó.

Từ ngày Tây lại sửa sang lại có thêm nhiều danh - từ mới không kém chế-diễu: như Cỗ son, Heo lòng... Thật là bỉ-thứ. Kịp đến van minh Anh Mỹ tràn qua, đem lại những danh - từ mới là như xăng-uyt, Chó nòng (Hot dog) Duy họ còn biết an ủi chúng ta bằng tiếng Bà-con (Bacon).

Nhưng hết thầy đầu có biết từ thuở Tạo Thiên Lập Địa. Trời đã bắt chúng ta chạy thi với các súc-vật khác để giành chức-vị «can-chi». Mà tổ-tiên chúng ta đã cố-gắng kéo lê cái thể-chất phi-nộn mở một nước rút thần-tốc để kịp chiếm địa-vị «đen đỏ», nhất nhĩ (1, 2) chỉ chịu thua những con vật thần-kỳ như Rồng, Cọp chẳng hạn, nhưng còn hơn cả Sư-Tử và Voi... Chính chú Khuyển sỡ-dĩ hơn tổ-tiên ta là vì quen đi săn với chủ và vì cổ dài mồm nhọn.

Nhưng trong cái vòng lần-quần của năm, tháng biết ai đứng đầu ai?

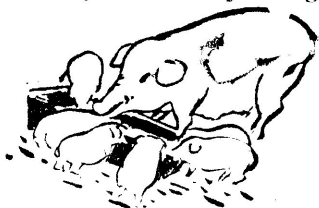
Loài người vẫn nhờ chúng ta mà có tuổi. Ta đã cầm sanh-mạng cho gần một triệu triệu con người trên trái đất. Bao nhiêu dân-tộc đã dùng ta mà đặt tên cho năm, tháng. Rất nhiều kẻ quá mừng vì được đội lốt của ta. Vì theo họ, chúng ta chỉ biết ăn no ngủ kỹ! Thật thế, nào ai dám bắt ta làm một việc nặng nhọc gì? Con trâu, con bò còn phải kéo cày, lội sinh hôi-hám... (Đàn heo có vẻ khoái vì được tăng-bớt, cười ư-uc).

Nhưng tại làm sao ta lại được hưởng sự biệt-đãi ấy? Vì chúng ta là vật trung gian giữa họ và thần-thánh, giữa người sống và người chết, chúng ta còn là cái gạch nối giữa người và người nữa! (có tiếng xì-xâm như thắc mắc). Các anh chị em hãy khoan phản-đối hay thắc-mắc, vì nghĩ rằng tôi đã quan-trọng-hóa địa-vị của chúng ta. Thì đây là những bằng chứng cụ-thể. Không có chúng ta thì tiệc tùng đình đám rất khó thành văn đề. Kể có chúng ta thì người đầu đề Tế Thần với lễ Tam-Sanh được? Không có chúng ta làm gì có giỗ to, kỵ lớn. Không có chúng ta thì hôn-lễ bất thành. Mỗi khi chúng ta chết, loài người phải mời họ hàng đông đủ, họ cạo gọt thân-thể ta cho sạch-sẽ (có tiếng cười rúc rúc) và chúng ta đã ngự-trị nên một mâm đồng sáng

loảng giữa một rừng hương đèn khói trầm nghi-ngút. Chúng ta đã chông mông cho loài người xi-xụp, suốt cả hàng chục thế-kỷ nay mãi cho đến khi văn-minh Âu-Tây đem một sự cải-cách quan-trọng và một số người đã hết lạy-lục chúng ta nữa, chúng ta tuy vậy đã bị lợi-dụng vì đã chịu hy-sinh để cho loài người hồi-lộ thá-ch-ihần.

Những kẻ thù của chúng ta chính là cái anh chàng đã lỡ tay đốt nhà để làm cho da-dẻ chúng ta trở nên vàng rộm và dòn tan. Và cái miếng thịt thơm tho do anh ta dút vào mồm viên trượng-xóm là đầu mối của sự đau khổ bất tận của nòi giống ta vậy. Từ đó chúng ta, anh em chị em chúng ta đã chết còn phải chết một lần nữa khi phải chịu cực hình trên đồng than hồng. Trong khi mờ chúng ta nhỏ từng giọt một, thì bọn người ác-nghịch lại hỉnh cái lỗ mũi lên và nuốt nước miếng ! (Có tiếng xùi-xụp và găm-gừ như tặc-tối !) Hằng ngày, nếu anh chị em có dịp qua ngang Chợ Cù liết mắt vào các quầy hàng của khách-trú thì sẽ thấy loài người chen-chúc hương về những thân-thể vàng rộm của anh chị em chúng ta ! Không thể, họ còn phân thây xẻ thịt chúng ta ra trăm nghìn mảnh, họ không bỏ rơi bỏ rớt một bộ-phận nào. Ót và tiêu đã làm cho lòng ruột ta xót xa trong chén nước mắm Phú - Quốc. Huyết chúng ta trở nên những

bát cháo ngon lành. Rồi thì tiết-canh, nem gỏi, chả thủ, giò chiên ! Đôi cật của chúng ta đã giúp sức-lực cho mấy lão-già



mắc-dịch, tim chúng ta đã cừ-vớt mấy ả quá yêu - đương ! Chúng ta...

— Một chú heo trong đàn bỗng chồm dậy hết lớn : Chính cặp tay của tôi cũng bị chúng dầm giầu cả tuần lễ, và cái lưỡi của tôi đã bị chúng nắn sốt cà-chua !

(Cử-tọa phát ra tiếng en-ec chia buồn).

Nhưng lão Heo già tiếp-tục : « Văn minh Âu-Tây còn ác-hại gấp mấy. Chính cái món ăn tuyệt-mỹ tên là « cô-son dờ-le » là do từ Tây-Phương mới nhập cảng. Cái món này giết chết bao nhiêu thế-hệ còn đồ hơn của nòi Heo chúng ta, chính nó đã chặn đứng một cách tàn-ác sức tiến-triển phong-phú của các mẫm non hy-vọng và nền móng của tiền-đồ nòi giống chúng ta. (Cử-tọa trở nên lộn-xôn, không-khí cân-thẳng, có nhiều tiếng en-ec lẫn với tiếng ụt-ịt cảm-tức vang lên tới-tấp).

Lão Heo già biết trước cơ-hội để đánh một đòn tâm-lý

quyết-định : Lão ta vườn mình hà hốc mồm, về một cứng rắng, đồng dục hồi : « Vậy thì anh chị em sẽ xử trí ra sao đối với loài người ? » Lão mở lớn đôi mắt heo tròn xoe nhìn quanh cả cử-tọa một lượt. Khi cặp mắt của hắn từ-từ xoay lại phía tôi đang núp, tôi rùng mình vì có cảm-giác đôi mắt hắn đang cố xoi bói vào bóng tôi. Tôi toan chạy trốn thì lão Heo già đã quay đi ngã khác, rồi như uất-hận ngồi phịch xuống đồng thời một chị heo nái đứng phắt dậy phát-biểu ý-kiến :

— Thừa anh chị em, loài người rất độc ác, chúng đã không biết ơn chúng ta mà còn sát hại cả con cháu chúng ta. Như bọn ta đã luống tuổi rồi thì chẳng nói làm gì, chớ cái thứ heo sữa khi không mà cắt đứt ngang xương sự sống của chúng thì thật là quá tàn nhẫn. Tôi là một heo nái, đã bao lần làm mẹ, đã bao lần tăng-gia heo-số, chính tôi đã thấu - triệt tình mẫu tử là thế nào ! thắm-thiết bao-nhiêu ! Tôi cương-quyết xin đề-nghị chấm - dứt sự sinh-sản đề hành-phạt giống người vô ơn bạc nghĩa.

(Cử-tọa hoan-hô nhiệt-liệt).

— Lão Heo già nói tiếp :

« Bà Chị nói rất phải, nhưng muốn cho chúng ta có một ý-niệm khá sâu-sắc về mỗi thu truyền kiếp, tôi yêu-cầu anh chị em có những thành-tích gì khả dĩ củng-cố sự căm-hờn uất-ức

của chúng ta đối với loài người thì cứ việc phát-biểu rộng-rãi cho cử-tọa thông-cảm ».

(Cử-tọa kêu en-éc chấp-thuận)

— Một chú heo đứng dậy, chân trước vừa trở vào chiếc tai cụt ngắn vừa nói :

« Anh chị em thử coi, chỉ vì đưa con gái động-cỗn của lão sui-gia với ông chủ tôi mà tôi bị cắt nghiêng mất một tai.

— Tại sao vậy ? Một chú heo con hồi.

— Nghe đâu, cậu Hai tưởng cô kia còn duyên, mới đem cau lông rượi ché rước cô gái đồng-trình đó về. Đêm động phụng hoa-chúc mới hồi ời ! Ngày mai chúng liền cắt tai tôi rồi đem tôi qua biếu nhà gái. Anh chị em nghĩ thế có oan-ức không ? Thiệt là họa vô đơn chí ! (Cử-tọa ào-ào).

— Còn tôi, cái lão Xà làm chuyện quốc-sự quốc-siêu gì đó. Đêm Tây đi lũng, lão sợ quá, liền nhào đại vô chuồng của tôi bươi đồng phân của tôi ra, nằm lọt xuống, lấy lá chuối khô phủ kín. . . Tôi đang còn cười hề-hề thì Tây vô lục-lạo, đánh tôi những roi đau điếng. Nhưng tôi cứ lì ra, cố tình che đậy lão Xà. Thật ra tôi cũng tội nghiệp cho lão. Ai dè, Tây tức mình xách tôi ra, cho một phát súng rồi đem sả thầy ngốn hết !

— Hy-sinh đến thế là cùng !

— Ấn ở có nghĩa đến thế là cùng !

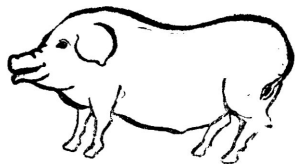
— A hèn gì về sáu người ta vẫn gọi lão, ấy là Xà Heo!

Lão Heo già khoác chân trước nơi lều!

— Còn chú Heo rừng này giờ vẫn im lặng, xin mời chú góp chuyện chớ!

Heo rừng nghe nanh ậm-ự rồi ụt-ít:

« Tôi đã chứng kiến một vụ đi săn rất buồn cười, loài người



có lắm cái kỳ cục đáng phê bình... Có một anh thợ săn xách súng đến miệt tôi đang sanh sống. Anh ta biết chúng tôi ưa thích sắn và khoai nên đêm đêm ra núp cạnh mấy vòng đất trồng thứ đó. Anh ta rình-rập thế nào mà chúng tôi đào bới xức hết độ nửa vòng rồi mà anh vẫn nằm lì. Chúng tôi khoái chí đang nói cạnh nói khía anh ta và cười rưng-rức thì đột nhiên con Mực mắc dịch trong nhà đánh hơi nhảy bổ ra sủa vang vừa đuổi nà bọn tôi. Bọn tôi vụt chạy trốn chết. Bỗng nghe một tiếng: « Đoàng » rồi con Mực phát lên kêu « Ầng, Ầng ». Bọn tôi đợi đến khuya trở lại đào sắn nữa chúng tôi đào sát vách nhà chẳng ai hay biết. Ăn no nê, chợt thấy ánh đèn còn le lói, tôi bước nhẹ lại nhìn qua khe hở thì thấy...

Cử-tọa hỏi dồn: Thấy gì?

— « Trời đất ơi! anh thợ săn

đang tập cho con gái bà chủ nhà lên cò!

(Cử-tọa cười rưng-rức).

— Chưa hết! Đêm sau, ăn quen bọn tôi trở lại định đào nốt ba vòng nữa. Muốn chắc ăn, bọn tôi đợi thật khuya mới lò-mò rủ nhau đến. Vừa ủ ủ được vài cái, bỗng nghe tiếng la chi-choé trong nhà. Có ba bốn giọng nói. Hình như hai giọng đàn bà và một giọng đàn ông. Bọn tôi sợ thất hồn, nhưng cố nán lại để xem tình hình ra sao: Tôi nghe vắng lại: « Hừ! mày nói mày đi săn heo! Té ra mày chui vô đấy mà săn hả? Nè săn heo... Nè, săn heo... » heo... (có tiếng roi đui đui): Lay mình, tôi xin chừa. Thôi, thôi... Tôi chừa đi săn heo rồi... »

(Cả đàn heo cười rộ)... bỗng nhiên một con heo nhỏ từ đám tối hót hơ hót hã xông vào la lớn: « Anh - chị, em Đờ-tê đã tới! » Cử-tọa đồng-thanh: « Trời ơi! Đờ-tê! » Sự kinh - khủng hiện lên trên mọi nét mặt. Đàn heo luống cuống ừ ừ sắp chạy trốn thì con Heo già chời-với nhưng cố làm ra vẻ bình-tĩnh tuyên-bố: « Bé mạc! ».

Cả đàn heo phứt chốc biến vào trong đêm tối...

Tôi bàng hoàng chợt tỉnh, ngoảnh lại thì thấy một đám người cầm-hở đi tới, tay mỗi người cầm một con dao sáng loáng. Tôi vội-vả lão-đảo bước gấp trên con đường lóm chồm đá... quyết tâm chẳng bao giờ bèn mắng tới đó nữa...

ÔNG NĂM-

CHUỘT

CHUYỆN NGẮN
của

★ PHAN KHÔI

(trích trong báo **VĂN** số 36, xuất bản ở Hà-nội, ngày 10-1-1958)

ÔNG PHAN-KHÔI là một nhà Văn lữ-lạc mà tất cả các bạn đều biết tiếng. Ông là một nhà Văn độc-lập, chủ-trương Tự-do Văn-nghe, nhất-định không chịu một áp-lực nào chỉ-huy tư-tưởng của ông, và dè-nén lương-tâm của ông. Thời kỳ chiến-tranh ông bị kẹt ở Việt-Bắc, nhưng mãi đến ngày nay ông vẫn giữ vững lập-trường và hiện bị chèn-đội cộng-sản ở Bắc-Việt kết-án là phản-động.

Bài « Ông Năm Chuột » dưới đây vừa đăng trong tờ báo « **VĂN** » số 36, ra ngày 10-1-1958, thì báo ấy liền bị đóng cửa. Đây là một câu chuyện phim, nhưng viết với lối văn dí dỏm, duyên-dáng, và ngụ ý mỉa-mai rằng : dù kẻ thống-trị chuyên chế cố che lấp các tội lỗi của mình, nhân dân vẫn thấy rõ.

Nhận thấy bài này rất lý-thú, chúng tôi xin trích đăng trong **PHỖ-THÔNG** để bạn đọc được dịp thưởng-thức một bài văn mới nhất của ông **PHAN KHÔI**, xuất-bản tại Hà-nội.

PHỖ-THÔNG



Hồi tôi còn mười
bốn tuổi, mười
lăm tuổi, thì đã
nghe người làng
nói nhiều về cái
tên Năm Chuột.

Về gốc gác của
hắn, chỉ thấy nói là người làng
Kỳ-lam, cái làng ở phía Bắc làng
tôi cách một con sông, về sau có
cái ga xe hỏa gọi là ga Kỳ-lam,
còn mọi sự khác không biết rõ.
Hình như hắn cũng không có nhà
cửa, cha mẹ, vợ con gì ở làng.
Hắn làm thợ bạc, quanh năm đi
làm nghề ở các nơi đô hộ, như
Huế, Đà-Nẵng, Hội-an.

Họ nói Năm-Chuột là thợ bạc
khéo nhất đời, ở Huế có nhiều
thợ bạc danh tiếng cũng phải
chịu thua. Nhưng lại nói hắn tỏ
làm đồ vàng gả, mỗi khi được
gọi đến nhà làm đồ nữ trang cho
người ta, nhà chủ dù ngồi cạnh
bên hắn cũng cứ tráo bạc, tráo
đồng vào, lấy vàng ra, không làm
sao biết được. Bởi vậy cả vùng
quê chúng tôi, những nhà giàu
có, vốn biết Năm Chuột là thợ
khéo nhưng không ai dám thuê
hắn làm việc gì về cái nghề của
hắn cả. Nhiều người còn nói
Năm-Chuột đúc súng, đúc bạc
giả được. Mỗi khi nói điều ấy,
họ làm ra vẻ bí mật, hình như
họ có ý ngờ cho Năm Chuột
định làm một việc gì lớn, « làm
giặc » chẳng hạn.

Nhưng không biết thế nào,
người ta lại cho Năm Chuột là
kẻ nói láo nói phét, vào cái hạng
« mười voi không được bát xáo »

tức là mắng người ấy đã lại nói
láo nói phét rồi, có khi chỉ
dùng độc một chữ: chuột quá,
tức là láo quá.

Lúc bấy giờ tôi đang đi học ở
những nơi cách xa làng, mỗi
khi về làng, lại thỉnh thoảng
nghe người ta nói chuyện về
Năm Chuột như thế, như thế, tôi
cũng chỉ nghe dăm tai mà thôi,
không để ý mấy. Mà hắn thế,
cậu cả con quan phủ, học giỏi
có tiếng, đang lo sỏi kinh nấu
sử đề khoa tôi đây đồ thủ khoa,
không thì cũng cử-nhân năm
tên trở lên, việc gì mà phải để
ý đến chuyện một anh thợ bạc.

Năm hai mươi tuổi tôi thi
đồ tú-tài — lạ quá, sao lại đồ
tú-tài? — Về nhà cách mấy hôm
thì tôi đi về làng Xuân đài thăm
bà ngoại tôi và cậu tôi. Ở ăn
một buổi cơm trưa, đến xế
chiều, tôi cáo về thì vừa có
một người đến. Người trạc dưới
bốn mươi tuổi, mặt tẹt nước
da xanh xám, mắt sáng, miệng
rộng, hai môi trề ra, hàm và
cằm như nguyên không có râu,
không phải cạo, người thấp song
cũng không thấp lắm, đầu trọc,
quần cái khăn vải đen, áo cộc
cúc giữa, quần đến đầu gối,
chân mang dép da sống. Người
ấy lúc vào đến cửa, hai tay cắp
cái nón lá ngang ngực cúi chào
cậu tôi, khi bỏ cái nón ra, mới
thấy trong tay còn cầm một cái
nửa mà sau này tôi mới biết đó
là cái dọc tần. Nó là cái ống tròn
mà dài, thấy thoáng như có
khăm xa-cừ và bịt bạc, bịt vàng

gi đó. Cậu tôi chào như không phải chào :

— Anh Năm phải?

— Dạ, lâu lắm, có thể quan lớn quên tôi.

Tôi nguyên đã cáo về rồi, cho nên dù có gặp một người khách mới vào hơi lạ như thế cũng cứ việc ra về. Không ngờ khi tôi ra khỏi cổng, lên đường về mới một chặng, nghe có người chạy theo đằng sau gọi tôi đứng lại, thì ra là người thấy lúc này. Anh ta tự giới thiệu :

— Tôi là Năm Chuột đây.

Rõ rệt ngộ hồ tôi :

— Nghe nói cậu đậu Tú-tài mà cậu khó, có phải không? Giả sử cậu được đậu thủ khoa thì cậu làm nên cái trò trống gì?

Một gáo nước lạnh xối vào xương sống ! Tôi bẽn lễn, ấp úng cười hi hi không trả lời được. Bởi vì cái lẽ anh ta nói đó tôi cũng có nghĩ tới, nhưng không đi thi thì thôi, đã đi thi thì lại muốn đậu to. Thế rồi Năm-Chuột đi cùng đường với tôi, vừa đi vừa nói chuyện.

Anh ta có đưa cái dọc tàu lên, nói với tôi :

— Ông cậu của cậu thật là kẹo quá cái dọc. à ! thế này mà cầm tra có năm đồng bạc.

— Hoặc giả cậu tôi không có nhiều tiền chàng.

Tôi nói cho có nói, chứ không

có ý gì cả. Nhưng anh ta cãi phăng :

— Quan lớn hồi xưa, (chỉ ông ngoại tôi) làm đến Tổng-Đốc Hà Nội vừa chi, mà không có tiền lộ, nổi cái nhà của ông bà để lại đã tróc ngói; còn ông phủ (chỉ cậu tôi) mới làm tri-phủ có ba năm về « chung đường », mua được những mười mẫu ruộng, tôi biết là hạng đất tốt nhất, thế sao nói không có nhiều tiền?

Tôi thấy cái điều anh ta nói đó hình như đúng, tôi làm thinh. Bỗng dưng anh ta cất tiếng cười một cách rất xa lạ, rồi nói tiếp :

— Ai có đời, cha chết vì đánh Tây mà con trở đi làm quan với Tây !

Nghe câu này, tôi cảm động quá. Tôi không dám chống lại ý anh ta, chỉ nói như vớt vát một ít :

— Thấy bà ngoại tôi kể chuyện, lúc ông ngoại tôi mất rồi thì cảnh nhà sa sút quá đời, nếu cậu tôi không làm như thế thì đến lụn bại mất.

Anh ta bĩu môi, cái môi đã trệ rồi, còn bĩu nữa rất khó coi.

— Ra chỉ có làm quan mới cứu vãn được nghiệp nhà. Thế thì bao nhiêu người không làm quan, họ đều đi ăn mày hết.

Tôi lại làm thinh. Ngừng một lúc, anh ta nói tiếp :

— Hèn chi mà quan lớn chết ở Hà-Nội năm Ngọ, năm Dậu

thất-thủ kinh đô, nghĩa hội nổi lên đánh Tây, năm Hợi, Tây kéo lên đóng đồn ở chùa Phi-Phú, thì ông cậu của cậu đã làm bang tá trong cái đồn ấy. Đề làm chi? Cậu có biết không? Đề đàn áp nghĩa hội.

Nhưng chuyện ấy, thầy mẹ tôi có kể cho tôi nghe hồi còn nhỏ tôi biết cả, nhưng tăng lời nói:

— Tháng tám năm Hợi, mẹ tôi mới đẻ tôi ra, tôi làm gì biết được những chuyện ấy?

Anh ta lại cười, nhưng không rõ là, nhìn vào mặt tôi:

— Thấy người ta nói cậu thông minh, nói chuyện với cậu tôi cũng thấy cậu thông minh thật.

Thình lình anh ta nhảy mũi đập hai ba cái, lấy khăn lau nước mũi cả nước mắt nữa, rồi nói thêm:

— Như tôi, anh ta lấy tay phải ấn vào ngực, ghìen thọc phiến cho đáng, chứ ông cậu của cậu mà cũng hút thì hết thấy những người nghiện chúng tôi đều phải lấy làm lạ.

— Sao vậy?

— Quan lớn hồi xưa có cùng mấy ông em lập một bản « gia-ước » trong có một điều cấm con cháu hút thuốc phiện, nếu phạm thì trừng trị bằng những cách nào đó. Thế mà dám phạm. Đủ biết con người của ông cậu của cậu là vậy đó: cái gì cũng làm nghịch lại với cha.

Cái « gia ước » mà anh ta nói đây, tôi không hề biết, vì không hề nghe ai nói tới. Nhưng tôi nghĩ, nếu đúng như thế, thì anh ta nói cũng có lý. Tôi lại tìm thà.

Đây đã đến chỗ con đường rẽ vào nhà tôi, tôi đứng lại để mấy lời từ biệt. Năm Chuột nồm tay tôi và nói:

— Tôi nói này giờ cô làm mếch lòng cậu không? Ở đời có thiếu gì chuyện nói, hà tất tôi gặp cậu lần đầu phải nói để làm mếch lòng cậu, nhưng tình cờ gặp cậu chuyện đang nói thì cứ nói.

Rồi anh ta tỏ ý mong gặp tôi lần khác.

Tôi vừa đi về nhà vừa nghĩ, « à ra Năm Chuột là con người như thế đấy ». Là một anh thanh bạc, sao lại nói được những điều như thế, tôi lấy làm lạ.

Tối hôm ấy, tôi đem cả câu chuyện Năm Chuột nói với tôi kể lại cho thầy tôi nghe. Thầy tôi bảo:

— Cái thằng lão đến thế là cùng!

— Nhưng những điều hắn nói, con thấy như cũng có cái đáng. Tôi rón rén thưa lại.

— Đúng kia à? Mặc dầu đúng chăng nữa, cái hạng thằng Năm Chuột mà lại được nói thế?

Thấy thầy tôi nói hơi rầy, tôi làm thinh. Một chập tôi mới dụi giọng hỏi:

— Cái « gia ước » ông ngoại lập ra mà Năm Chuột nói đó, thầy có biết không ?

— Tao không biết. Thấy nói sự cấm hút ấy ở nhà Đồng bàn (nhà quan thượng Phạm phủ Thứ) thì có, còn nhà Xuân-Tài, tao không nghe.

Đến lúc tắt đèn đi ngủ rồi, thầy tôi còn nói một mình :

— Cái thằng lão quá !

Đó về sau hơn mười năm, tôi không gặp lại Năm Chuột lần nào. Chừng vào khoảng 1920 một lần tôi ở Hà-Nội về nhà, thấy người ta nói Năm Chuột bây giờ lập gia đình ở ngụ tại làng tôi, tôi bỗng có cảm giác như là một vật gì mình đã bỏ quên đi mà bây giờ thấy lại.

Làng tôi có một chỗ gọi là Cồn mũi gươm, có một vạt đất gọi là đất Chó ỉa, theo lời thì Năm Chuột đã xin làng làm cái túp tranh trên vạt đất ấy, và cưới vợ là con gái quả lử của một nhà có môn bài bán rượu và thuốc phiện cũng ở làng tôi. Hắn vẫn làm thợ bạc.

Một hôm tôi đến thăm thấy trong nhà chỉ có một căn van nhỏ, trên đặt cái bàn đèn, một cái buồng che phên tre, ngoài ra là cái lò bễ bạc để ngay chỗ cửa ra vào. Bấy giờ gần đến Tết, trời hơi lạnh, hắn ở trần, ngồi cạnh cái lò bễ đang

hơ cả người trên lửa. Hắn xin lỗi tôi và nói: « Người ta tắm bằng nước, nhưng tôi quanh năm tắm bằng lửa. Hơ thế này cho đỡ mồ hôi ra, kỳ sạch ghê, thì cũng chẳng khác tắm bằng nước ». Hắn mời tôi ngồi trên ván, tôi không ngồi, ngồi trên cái đơn kê đặt ở đất gần lò bễ, chỗ sẵn cho bạn hàng ngồi xem hắn làm việc.

Anh ta không tắm nữa, mặc áo vào, cho than thêm vào lò bễ, bắc ấm nước lên, rồi gọi vợ sụt cả bình tích trà hãm đi, cho trà khắc vào, pha nước mời tôi uống và sưởi lửa, cùng nói chuyện. Lần này anh ta gọi tôi bằng ông, nói rằng :

— Mười năm về trước tôi mong lại gặp ông mà không được gặp, lần này gặp, tôi không có chuyện nói.

— Ông mà thiếu gì chuyện, như chuyện nói với tôi năm nọ khi đi đường từ Xuân-Đài đến Bảo-an.

Anh ta đưa tay lên khoát-khoát, nói thật nhanh :

— Thôi thôi, đã lâu nay tôi không còn nói những chuyện như thế nữa. Nói không có người nghe mà còn có hại. Giá tôi còn cứ nói cái lối đó thì không thể nào lấy vợ và lập gia cư ở làng ông được.

Tôi nói :

— Đã thế thì đến phía tôi.



Trước kia ông không sợ méch lòng tôi, thì bây giờ tôi cũng không sợ méch lòng ông mà hỏi ông một vài điều.

Anh ta cười một cách thẳng thắn.

— Được lắm, những nhà giàu làng tôi họ đều nơi ô g hay ăn cắp vàng nên họ không dám thuê ông làm cái gì hết, bây giờ ông vắng lò bễ đến đây làm gì ?

Anh ta lại cười, nói dần từng tiếng :

— Sở dĩ tôi ở đây là vì có thể chữa đồng hồ, xe đạp, bút máy, khoa tây, nội những việc đó đủ cho tôi làm hàng ngày rồi, còn sự làm đồ vàng bạc thì chủ thì h thường mới có.

— Nhưng tôi muốn biết ông quả có ăn cắp vàng không ? Và ăn cắp như thế nào ?

Anh ta lại cười một cách xỏ lá :

— Thứ ăn cắp mà kể gì ? Có những kẻ ăn cướp thì không ai nói đến. Tôi có ăn cắp vàng thật đấy, nhưng cũng tùy chỗ tùy người, ở làng Bảo an đây thì tôi không thêm.

Rồi anh ta thuật lại một chuyện ăn cắp vàng cho tôi nghe :

— Năm Thành-Thái thập nhị, ông Nguyễn hữu Thăng làm Tổng-đốc tỉnh ta, cô hầu ông ấy gọi là cô Hóa-Mộc, tuy cô hầu mà oai quyền như bà lớn. Một hôm, tôi được trát đòi đến, lĩnh bầm báo rồi dắt vào nhà trong. Cô ta muốn tôi ở lại đây làm

cho cô một đôi vòng chạm y như đôi cô có sẵn và hỏi tôi có thể làm được không. Tôi nói « được » và xin cho xem đôi vòng chạm sẵn có của cô. Cô ta mở tủ lấy ra, toan trao cho tôi. Tôi có một vòng lụa trắng tinh khiết bỏ sẵn trong túi, bên lấy lột trên bàn tay, rồi mới nhận lấy đôi vòng tự tay cô đặt lên vòng lụa. Tôi đem ra chỗ sáng, cô đi theo. Tôi nhắc nhắc xem thử đôi vòng nặng bao nhiêu và cầm tuổi vàng cho thật đúng, ngắm xem những nét chạm cho thật đầu ra đó, còn vân chỗ cái cổ ra coi thử có chữ hay dấu hiệu gì không. Xong rồi, tôi trả đôi vòng lại và nói : « Bầm bà lớn, đôi vòng này khéo lắm, chỗ cổ vân ra vân vô của nó có khắc cái chữ, bà lớn có để ý không ? » Cô ta nói : « Tôi biết, nó là chữ « ngọc ». Tôi nói : « Con có thể làm đúng y như thế, nhưng hôm nay con có việc riêng, không ở lại được, mười ngày nữa con xin đến làm hầu bà lớn, không dám sai hẹn ». Cô ta đồng ý.

Nói đến đó, anh ta nổi ngáp một ngoi đôi ba cái, rồi xin lỗi tôi cho lên ván đốt đèn hút mấy điếu, và mời tôi nằm đối diện nghe nói tiếp :

— Tôi về nhà, cày - cục làm mất sáu bảy ngày mới xong một đôi vòng cốt giả mạ vàng. Đáng lẽ làm bằng đồng thì được lợi nhiều hơn nhưng vì có chạm phải làm bằng bạc. Thành khi rồi, xem tuổi vàng nét chạm, cho

đến cái chữ ở trong, đều y hệt như đôi vòng của cô Hóa-Mộc, đem mà đánh tráo, cô thánh cũng không biết...

Tôi nghĩ :

— Đánh rằng ông làm một cái rất giống, còn như đồng cân của đôi vòng, tức là sức nặng của nó, ông biết là bao nhiêu mà làm cho đúng được ?

— Ấy thế mới là tài. Anh ta nhìn húp mắt mà không ra tiếng. Chính ăn người là ở chỗ đó. Bất kỳ thứ kim khí gì, tôi nhắc nhắc trên tay khác biệt đồng cân của nó dung không sai. Chẳng tin, ông tháo cái dây chuyền đồng hồ đưa đây xem.

Tôi tháo ngay cái dây chuyền là trước mặt anh ta. Kéo xong liền thuốc, anh ta dằng háng một cái, ngời dây cầm dây chuyền trên tay nhắc nhắc một cái, rồi dừng dây đi lấy cái cân tiểu ly đưa cho tôi, nói quả quyết :

— Ông biết mặt cân chữ ? Nhìn xem. Cái dây chuyền này nếu nó là vàng thì nó nặng hơn, nhưng nó là đồng mạ vàng cho nên nó chỉ có ba chỉ tám.

Tôi cân, quả thật, ba chỉ tám hai yên một chút, song đem vào chỗ ba chỉ thì hơi vát. Tôi kêu lên :

— Thế thì tài thật, xin chịu.

— Anh ta lại nói :

— Còn một chỗ bí quyết nữa. Ông biết, vàng nặng hơn các thứ

kim khí khác, nghĩa là vàng, bạc, đồng, chỉ cùng một thể tích thì trọng lượng của vàng phải nhiều hơn. Vậy thì mình muốn cho đồng cân của đôi vòng giả bằng đôi vòng thật, mà cái vóc của nó cũng chỉ bằng đôi vòng thật, không to hơn, thể mới là khó, nhưng cái đó có thực hành mới cất nghĩa được, nói miệng sơ ông cũng không hiểu.

Nghĩ một lát anh ta kể tiếp đến cuộc đánh tráo :

— Đúng mười ngày tôi lại đến. Hai bên thỏa thuận với nhau về điều kiện làm việc rồi, cô ta mở tủ lấy đôi vòng và vàng điệp ra đặt trên sập, rồi gọi tôi đến đứng bên cạnh xem cô cân. Cân đôi vòng nặng một lạng hai, tôi chắc dạ lắm, vì đôi vòng giả của tôi cũng đúng một lạng hai. Cho nhích một chút, định giao cả cho tôi. Tôi chưa nhận, xin cho xem đôi vòng đã. Cô ta đứng dậy cầm bó vàng điệp cả chỗ một lạng hai cất vào tủ. Trong lúc đó tôi lấy đôi vòng giả ra đặt trên bàn tay trái, đẩy vuông lụa trắng lên trên. Khi cô ta quay ra đưa đôi vòng cho tôi, tôi chia bàn tay có vuông lụa trắng ra nhận lấy cũng như lần trước. Tôi đi ra chỗ sáng ngồi xuống làm bộ xem lại đôi vòng, cô ta cũng đi theo. Xem xong tôi đứng lên. Cô ta sắp lưng đi về chỗ sập. Tôi đi sau, lật cả vòng và vuông lụa từ bàn tay trái qua bàn tay phải, thành ra đôi vòng giả nằm trên, cứ thế mà trả lại cô ta, và

tôi gấp nhanh vuông lụa có đôi vòng thật ở trong mà bỏ vào túi. Ông ta hỏi: « Chứ chú thợ không giữ lấy để làm mẫu à? ». Tôi nói: « Bầm bà lớn, con xem hai lần như thế đủ rồi, xin đảm bảo làm thật đúng ». Cô ta khen: « Hèn chi mà nổi tiếng là thợ khéo. Tôi nhờ ông Phủ Điện viết trát đòi chú là vì có bà Phủ mách miệng ». Bấy giờ chừng mười giờ sáng tôi xin đi ra mua thuốc phiện rồi trở lại nhận vàng điệp bắt đầu làm. Ra đến chợ Vĩnh-Điện, tôi đem đôi vòng chạm vàng mười chính hiệu của « bà lớn » gửi cho một người anh em « đồng đạo ». Tôi không quên câu tục ngữ: « Có gian phải có ngoan ».

— Ông ăn cắp chỉ có thế, hay là lúc trở lại làm còn ăn cắp nữa?

Tôi hỏi.

— Không, tôi đại gì mà ăn cắp nữa. Trong những ngày làm, cô ta ngồi giữ một bên, không phải vì thế mà tôi không ăn cắp được, có điều tôi đã định bụng không ăn cắp. Khi làm xong, tôi hỏi muốn khắc chữ gì. Cô ta ngẫm-ngĩ rồi bảo: « Tôi là người Hóa-mộc, khắc chữ «mộc» cho tôi ». Tôi khôn ở chỗ đó. Bởi vì hai đôi vòng giống nhau như hệt, có khắc chữ khác nhau dễ làm dấu thì mai sau đôi giả có xì ra, hẳn mới không có thể ngờ được là đôi do tay tôi làm ra. Cho đến bây giờ tôi cũng còn ân hận là, như thế, sẽ làm

cho ông bạn đồng nghiệp nào của tôi đã làm cho hấn đôi vòng thật đó hóa ra là người thợ bất lương thiện, nhưng ông tỉnh, đã gết người ai còu gớm chầy máu!

— Ông làm cái việc như thế có nhiều lần không?

— Kể ra cũng không ít, nhưng tôi đều ăn cắp ở bọn ăn cướp như Tổng đốc, Bố chánh, Án sát, Phủ, Huyện, chính cái bà Phủ nói lúc nãy đã mất với tôi mấy lạng vàng mà không biết đi « mách miệng » cho kẻ khác. Những việc như thế tôi cũng chẳng giấu, cứ hay đem nói với người ta cũng như với ông này, cho nên mang tiếng, chứ thuở nay đã có ai bắt được tôi ăn cắp đâu?

Hồi đến lúc đúc súng, làm bạc giả, anh ta bảo:

— Ta có nấu sắt được đâu mà đúc súng? Nhưng chữa súng thì có. Hồi tôi ở Đà-nẵng, các thứ súng liệt máy của Tây thường đem thuê tôi sửa. Bạc giả thì tôi có làm, nhưng tỉnh ra không có lợi gì mấy, về sau tôi không làm nữa.

Nam Chuột còn nói cho tôi nghe về tính chất của các thứ loại kim và phép hợp kim, nấu đồng và kẽm mỗi thứ bao nhiêu hợp nhau thành ra thứ gì, đồng và thiếc bao nhiêu, hợp nhau thì thành ra thứ gì, nghe ra thông thạo như người có học chuyên môn. Tôi lấy làm lạ bèn hỏi:

— Ông có học với thầy nào mà biết được những điều ấy là những điều mà các thợ bạc khác hầu như không biết.

Anh ta vùng ngồi dậy, cười, ra điều đặc ý, vỗ vào đùi tôi :

— Xưa nay mới có một người hỏi tôi câu ấy, là ông ! Tôi chẳng học với thầy nào hết, tôi chỉ đọc có một cuốn sách là cuốn Kim-Thạch chí biệt.

Tôi sửng sốt, nghĩ bụng : té ra anh này còn biết chữ nữa kia. Cái tên sách ấy tôi chưa hề nghe, cũng không dám ngờ là anh ta bịa đặt. Một hôm khác, tôi hỏi thầy tôi có biết cuốn Kim-Thạch chí biệt không, thầy tôi cũng chịu không biết, và hỏi tôi nghe ở đâu tôi kiếm đường nói trở chữ không dám nói nghe ở Năm Chuột. Cho mãi đến gần nay, đọc Lô Tấn toàn tập, tôi mới thấy trong đó có nhắc đến tên cuốn sách ấy. Tôi nghĩ mà lấy làm thẹn, sao mình đã không biết mà lúc bấy giờ không hỏi ngay anh ta, chỉ vì nghĩ mình là người học-thức, viết báo viết biếu, mà tỏ cái dốt trước mặt một anh thợ bạc thì ẽ quá.

Đó về sau mấy năm, mỗi năm tôi ở Hà-Nội hoặc Sài-gòn về thăm nhà, đều có đến với anh ta. Anh ta còn in trong đầu tôi mấy câu chuyện lý thú và bất ngờ nữa.



Năm Chuột từng nói với tôi rằng từ rày anh ta không nói những chuyện như đã phê bình cậu tôi một cách không nề nang, nhưng rồi lại chứng nào tật ấy, vẫn không cải nết.

Một lần, phê bình nhân vật làng tôi, anh ta chê ông Tú nọ dốt, ông Bá kia keo kiệt, cuối cùng anh ta nói : « Tôi chỉ phục có hai người, một là ông Biện-Chín, một là ông Tám Thứ ».

Ông Tám-Thứ, người Minh-Hương, ở ngụ làng tôi, nghèo chuyên nghề làm thuốc, ít hay giao du với ai, tôi không biết ông ta cho lắm. Còn ông Biện-Chín tên thật là Phan-Định chu ruột tôi, cha của Phan Thanh, Phan Bội. Chú tôi là dân trắng, nghèo, cố gắng lắm mới cho con đi học được, nhưng đúng là người « cần kiem liêm chính, lại khảng khái nữa, chính tôi tôi cũng phục chú tôi mà sợ thầy tôi. Tôi không thà gia ý kiến gì, chứ ngấm ngấm chịu anh ta là biết người phê bình đúng. Nhưng, trước mặt tôi mà nói như thế, tôi ngờ anh ta có ngụ một thâm ý, là anh ta không phục thầy tôi. Thầy tôi đã đỗ đại khoa, làm quan, bỏ quan về ở làng, cầm cân nảy mực cho cả làng, cả tổng, không có mang tai mang tiếng gì, nếu anh ta không lấy làm đáng phục, chắc anh ta thấy về khía cạnh nào đó. Từ đó tôi đâm ra áy náy, hoặc giả cha mình cũng có khuyết điểm gì như cậu mình, làm cho người

ngoài trừu nghị mà mình không biết chẳng. Tôi có đem hỏi chủ tôi và thuật lại lời Nam-Chuột khen phục chủ thì chủ tôi trách tôi sao lại đi nghe chuyện của Năm Chuột. Thì ra chủ tôi cũng có thành kiến đối với Năm Chuột như thầy tôi, như những người làng.

Lần khác, bỗng đứng anh ta hỏi tôi :

— Quan lớn nhà ta (chỉ thầy tôi) sao lại không làm quan nữa ? Ông có nhớ lúc ngài bỏ quan mà về là bao nhiêu tuổi không ?

Tôi lấy làm lạ, sao hẳn lại hỏi mình điều ấy. Song cũng cứ theo mình biết mà trả lời :

— Thầy tôi tuổi Tuất, cái năm cáo bệnh mà về là năm Kỷ Hợi, mới có ba mươi tám tuổi. Sở dĩ không làm quan nữa, có lẽ là tại không chịu làm với Tây.

Cho đến lúc tôi ngoài hai mươi tuổi, thầy tôi vẫn coi tôi như trẻ con, những việc như thế chưa hề đem nói với tôi. Có điều một đôi khi tôi nghe thoáng qua dư luận bên ngoài, nhất là lúc ở Hải phòng gặp Lê bá Cử, ông ấy có kể cho tôi nghe khi ông làm phán sự tòa sứ Nha-trang, thầy tôi làm tri phủ, có lần cãi nhau kịch liệt với viên công sứ, chính ông đứng làm thông ngôn, thì tóm tắt mà trả lời như vậy. Nhưng Năm Chuột hỏi vặn tôi một câu rất oái ăm :

— Ở làng này còn có hai ông

nữa đều làm đến Tri huyện, đều bỏ quan mà về trước tuổi hưu tri, vậy thì ông cũng cho rằng hai ông ấy cũng không chịu làm quan với Tây hay sao ?

«Thằng cha khó chịu thật», tôi nghĩ bụng. Không biết đối đáp thế nào với hắn, tôi phải nói một câu mà tự mình cũng thấy là non nớt quá :

Việc hai ông ấy thì tôi không biết.

— Anh ta vẫn cười cái lối xỏ lá rất khéo. Ngọt con cười mòi bình tĩnh nói :

— Tôi cũng có nghe và biết về chánh tích và nhân phẩm của quan lớn nhà ta, nhưng tôi lại có một sở kiến khác, nói ra, ông đừng tưởng tôi cố ý làm đôi vòng thật thành ra đôi vòng giả thì tôi mới mòi.

— Thì ông cứ nói đi.

— Làng Bảo-an, người ta nói, không có đất phát quan lớn, mà kinh nghiệm xưa nay rành rành như thế. Từ trước bao nhiêu ông làm đến tứ phẩm trở lên đều bị cách tuột hết. Cho nên Đồng-Khánh, Thành-Thái đến giờ ông nào cũng làm đến phủ huyện rồi kiếm cách từ chức mà về. Nếu nói không chịu làm quan với Tây thì không làm từ đầu, chứ không có lẽ lúc mới ra làm, không biết rằng mình sẽ làm với Tây. Hai ông Huyện kia cày cục mãi đến ngoài bốn mươi tuổi mới về, còn quan lớn nhà

ta về sớm là vì mới ba mươi tám tuổi đã làm Tri-phủ.

Tôi làm như không để ý gặt gặt nhìn anh ta kỳ thực tôi cho là cái sở kiến của anh ta đó, không biết chừng, là độc đáo. Làng tôi, tây giáp làng Đồng Mỹ, đông giáp làng Xuân đài, hai làng này đều có Tổng đốc, mà làng tôi, thì đồ thì đông, đại khoa cũng có, nhưng không có quan to. Thở Tự-Dức ông Nguyễn-duy-Tự là n đến phủ doãn Thừa-Thiên, ông nội tôi làm đến An sát Khanh-hòa, cũng đều bị cách. Tôi không tin phong thủy, nhưng đó là sự thực. Hoặc giả các ông quan làng tôi trong đó có thầy tôi, thấy thế mà sợ, làm đen phủ huyện lo rút lui cũng nên. Huống chi cái luận chứng của Nam Chuột rõ ràng mà đánh th p lắm, tôi bấy lâu trau dồi cái đức tính ngay thực của n/roi viết báo, tôi không thể cãi chày cãi cối được.

Tôi thấy chắc chắn lắm, vì tôi biết chịu chuyện cho nên anh ta thích nói chuyện với tôi, còn anh ta, hay nói cái lối móc ruột móc gan người ta như thế, cho nên họ mắng anh ta là nói láo nói phét.

Có một sự rất lạ. Một lần tôi đến chơi, vẫn n. ời trên đơn kê xem anh ta làm việc, liếc thấy trong cái thùng đựng đồ nghề có quyển sách, tôi thò tay lấy xem thì là một cuốn **Thương-Sơn thi tập** không có

bìa, đã xé mất nhiều trang, tôi hỏi :

— Ông cũng có sách này à ? Nó là một bộ đến mười cuốn, sao ở đây chỉ có một cuốn ?

— Tôi có mà tôi xé để quán thuốc lá hết, chỉ còn một cuốn, bởi vì in bằng giấy quỳn, quán thuốc tốt lắm.

— Ông có xem qua chứ ?

— Thơ của ông Hoàng minh xem thế nào được ? Tôi chỉ xem được có mỗi một bài **Mại trúc điều**.

Tôi phát lạnh người. Tôi có đọc thơ **Thương-Sơn** rồi, tôi cũng không thích, nhưng cái bài **Mại trúc điều** là bài thế nào, tôi có biết đâu ? Chỉ vì giấu dốt, tôi lại cứ làm thỉnh, không hỏi anh ta.

Về nhà, tối hôm ấy, tôi lật bộ thơ **Thương-Sơn** ra tìm, tìm được bài **Mại trúc điều**. Về sau, tôi dịch ra đăng báo **Phụ-nữ Tân-văn**, sau nữa đem in trong **Chương Dân thi-thoại**. Lúc ra đây để bạn đọc thưởng thức cái mức thưởng thức văn học của anh thợ bạc :

Bài hát bán tre

*Ngày dốn hai cày trâu
Bán đi để dẫn bụng
Tron cửa tre dầy kho.
Ngoài cửa tiền chẳng cho
Không nói thì cũng khổ,
Nói thì rồi d i sẽ quật chú.
Ray về sau dưng dốn tre nữa,
Đôi nằm trong tre chết cũng đủ !*

Từ khi biết Năm Chuột có biết chữ Hán nhiều, xem sách xem thơ được rồi, tôi có lúc đem văn học nói với anh ta, anh ta chỉ nghe và hỏi chứ không tỏ ý kiến. Tôi có ý trách. Anh ta gia thích thế này : « Người ta, cái gì biết ít thì chỉ nên nghe chứ không nên nói, tôi không nói chuyện văn chương chữ nghĩa với ông, cũng như ông không dạy nghề làm thợ bạc cho tôi ».

Anh ta là n thợ bạc, nhưng cũng kiêm thợ rèn nữa mà là thợ rèn rất khéo. Những dụng cụ của anh ta như cái kim của anh ta đánh, ai cũng chịu là không kém của Tây.

Năm 1944, tôi ở Hà-nội về nhà được mấy hôm thì thầy tôi mất. Làm đám xong, tôi ở luôn trong nhà ba bốn tháng không ra khỏi cổng. Buồn quá, một hôm tôi đi tìm anh ta. Đến nơi, cái túp

tranh không có nữa. Hỏi thì người ta nói Năm Chuột dọn đi đâu đã lâu rồi. Từ đó tôi mất Năm Chuột của tôi.

Một lần, trước mặt ông Tú già, anh Giáp trong làng gọi Năm Chuột bằng ông, ông Tú già đập bàn quả : « Mày gọi thằng Năm Chuột bằng ông, thì gọi ao bằng gì ? » Tôi nghe mà tức mình, cho nên bài này, tôi nêu đầu đề là ông Năm Chuột.

(Rút trong quyển TRĂM HOA ĐUA NỮ, TIỀN ĐẤT BẮC, của Một Nền Báo vệ Tự-do Văn-Hóa)

Bạn đọc xe n trong số sau :

NHỚ CỤ

PHAN-KHÔI

của THIẾU-SƠN

★ Định chánh về tên « PHAN BÁ-NGỌC »

Trong Phò-Thông số Xuân, bài « Minh ời ! », cuối trang 124 và đầu trang 125, có câu : « cũng như có ai ngờ con trai của cụ PHAN-ĐÌNH-PHÙNG là Phan Văn Ngọc, lại làm diêm-chì đi bắt vua Hàm-Nghị giao cho Tây ». Câu ấy in lộn, vậy nay xin sửa đúng lại nguyên văn như sau đây : « cũng như có ai ngờ rằng cụ Phan-đình-Phùng đã theo vua Hàm-Nghị đánh Tây mà con trai của cụ là PHAN-BÁ-NGỌC sau lại đi làm diêm-chì cho Tây ».

Tài-liệu bổ túc : cụ Phan-đình-Phùng có 4 người con trai : 3 người con trai lớn bị chết vì bệnh diên, còn người con út tên là Phan-đình-Cử, tự là Bá-Ngọc, hay Văn-Ngọc, lúc thiếu thời có theo Cụ kháng-chiến chống Pháp. Năm 1896, sau khi cụ mất một năm, Phan-Bá-Ngọc xuất dương qua Nhật. Nhưng về sau, cùng với Nguyễn-Bá-Trắc về quy-thuận chính-phủ thuộc-địa, rồi được Pháp sai qua Tàu để làm mặt-thăm dò xét các nhà cách-mạng Việt-Nam hoạt-động bên ấy. Vì sự phản-bội ấy mà Phan-Bá-Ngọc bị đảng cách-mạng ta thủ-tiêu tại Hồng-Khầu (Tàu) cuối năm 1921.

DIỆU HUYỀN

SÂN KHẤU CẢI LƯƠNG

ĐÃ ĐƯỢC 41 TUỔI

(Tiếp theo P. T. số 5)



TRONG kỳ trước, quý bạn đã rõ biết Cậu Hai Hiền, người sáng lập ra gánh hát xiếc «THÁI ANH TINH» (có phụ họa ca tài tử), cha đẻ của «sân khấu» và ông Phó-Mười-Hai, thi tổ của lối hát cải lương.

Chính ông Phó-Mười-Hai chế biến ra cách ca bằng sự phân vai cho nhiều người (trong một bản hát), rồi sau đó mới đi đến lối ca có «*ra bộ tịch*». Thấy lối ca hát mới mẻ này có kết quả bằng sự ham mê của dân chúng, cậu Hai Hiền mới đưa nó ra, xen kẽ với các màn xiếc, như lối «attractions

sur scène» trên các sân khấu chớp bóng ngày nay.

Sân khấu này xưa phần nhiều nhằm mục đích giúp vui dân chúng, chưa ai nghĩ đến việc làm CHỦ GÁNH, tạo ra chế độ BẦU BÍ.

Cũng nên nói thêm rằng trước khi Cậu Hai Hiền biết lợi dụng «lối ca phân vai, ca ra bộ»,

nhóm trí thức bến Long-Hồ là ông PHÓ MƯỜI-HAI, ông Kinh Lịch Hườn, ông Trưởng Tòa Giang, ông giáo sư Hạnh, đã mượn rạp hát CẦU LẦU của ông Trần văn Thiệt (phụ thân của kịch sĩ tạt nguyên ĐUY LÂN) để đưa lối ca ra bộ lên sân khấu.

Những người «lên sân khấu», ca hát có bộ tịch ấy, toàn là «*mấy ông mấy thầy*» ở tỉnh. Họ không là ca sĩ chuyên môn, họ chẳng cần tiền, nhưng họ có tâm hồn yêu mến ca nhạc, họ chỉ tìm sự vui thỏa khi được tiếng vỗ tay gần tróc nóc rạp.

Độc đến đây, chúng tôi xin quý bạn đến xem trong một số tới kịch sĩ

lão thành BẢY NHIỀU sẽ nói với bạn đọc biết rõ về lối CA RA BỘ hồi 40 năm trước. Bây giờ, chúng tôi mời quý bạn nghe kịch sĩ DUY LÂN tham gia ý kiến về nguồn gốc phát sanh cải lương.

Nghệ-thuật hát cải-lương, gồm ca, nhạc, vũ cô-đền lồng trong kịch-thề, chắc chắn không ở nguồn Hát Bộ — tuồng cổ — phát

NGUYỄN-ANG CA

sanh hay canh cải ra, mặc dầu trong thời phát triển ban khai, nghệ-thuật này có vay mượn ít nhiều hình-thức đề bổ-xung, mà lại là do nền ca-nhạc cổ-diễn và kho cổ-tích, thơ, truyện, của miền Nam nước Việt cấu tạo nên, đang 6 bản Bắc, 3 bản Nam, 5 bản oán, 7 bài lễ, và các bản vắn, phối hợp vào các lớp đối thoại bằng văn vần, văn xuôi làm căn-bản diễn xuất và có dựa vào ý-thức kịch-thể học được của Pháp ở phần Trung-học mà xây dựng nên. Nên gọi nghệ-thuật ấy là ca-kịch — như opérette của Pháp.

Giữa cuộc Ấn-châu đại - chiến 1914-18, miền Nam nước Việt dưới ách thực dân Pháp, toàn dân đều mượn thứ cầm ca làm mọi giải-trí thuần nhứt. Do đó mà nền ca-nhạc cổ-diễn miền Nam rất mực thịnh-hành. Miền Đông như Chợ-lớn, Gò-công, miền Tây như Vĩnh-Long, Sóc-tơ, Mỹ-tho v.v.... các nhò tài-tử ca nhạc, các hội cầm kỳ thi họa đua nhau nảy nở. Đàn đầu cũng có người mộ điệu tranh nhau học hỏi, tập dượt, hòa tấu,

đơn ca, ý-thức ấy thúc đẩy mạnh đến thể-hiện rõ-rệt từ trong những vườn phòng tao mặc, dưới cổng làng, trên giòng trắng nước, ca đua nhau lên phố tài đờn, ca, hát trên sân-khấu một vài rạp hát Bộ nhằm những buổi lễ hội lớn lao.

Sự trang ấy nảy nở trước ở vùng Long-Hồ, tỉnh Vĩnh-Long, nơi được xem là đất giàu phong thể văn-nghệ, mà chỉ với một ông Trần-văn-Huân, kinh lịch Tòa-án, một tài họa xuất chúng về cầm kỳ thi họa có nhiều khả - năng sáng tác nhứt, đã được người trong điệu cầm ca khắp nơi ca ngợi là mực thước chánh tông, vốn là học-trò yền quý nhứt của hai danh sư được sùng bái nhứt đương thời, Ông Phạm-dăng-Đàn, Ông Thủ-bôn-Thiền; nhà cầm quyền Pháp lợi-dụng ngay cơ hội



Ông Trần Văn Huân - một tài họa xuất chúng về cầm kỳ thi họa có nhiều khả năng sáng tác nhứt.

tốt, mượn phong trào cầm ca làm lợi khí tuyên - truyền đề quyền góp tiền nhân-dân giúp «Mẫu Quốc» đang lâm nguy. Khẩu-hiệu «Rồng Nam phun bạc đánh đồ Đức tặc» được thực-dân tung ra và khai-thác «Quốc



CÔ THANH - LOAN

Cô đào có vẻ đẹp thủy mị và cốt cách phong lưu của sân khấu cải lương.

trái» đến triệt để.

Đầu năm 1913 một buổi hát ca kịch lên khố, dất viên gạch đầu tay cho nền mong hát cải lương, được khai-sanh tại rạp hát tuồng cổ duy-nhứt tại tỉnh của ông Trần-văn-Tuất, nghiệp-chủ, là chủ-ti-h của kẻ thuyết trình về bi-mon này, lấy tiền giúp «Nước Mạ» bên kia trời.

Ai khởi xướng ra buổi hát lịch-sử ấy?

Một danh-sĩ tài-hoa là Ông Tống-hữu-ân, (tục danh là Thôn Phò mười hai) vốn giọng dõng một công-thần nhà Nguyễn, Ngài Tống-phước Hiệp, thần hoàng bốn tỉnh, người đã sáng-lập ra Văn-Thành miếu thờ Đức-Khổng, hiện còn hương khói hiển linh, mà cũng là người đã nâng đỡ, chịu toàn nền cổ-nhạc Long-Hồ được vang danh thuở

ấy, đã góp công cùng qui Ông: Nguyễn-thành-Điền, Đốc - học Taiệp, Hồ-chí-Giang v.v.... với các bậc danh cầm như qui Ông: Trần-văn-Huân, Trần-văn-Điền (tục danh ông Năm-Điền) Trần-van-Triều (ông bảy Triều) — 2 ông sau là ông nội và cha của Trần-ân-Khê và quai kiệt Trần-van-Trạch hiện nay — Ba Phương, Ba Giỏi, Hai-Nghị, v.v.... và n út là ông Lê-van-Hiền, một bậc chí sĩ ân-danh, đồng xây-dựng nên buổi hát khởi thủy ấy.

Cương trình buổi hát ấy có những gì?

Một màn cầm ca với hai hàng ghế, một dành cho các tay đòn ngồi sau lưng mấy trang «tả-tử» thay nhau ca Bắc, oán, Nam, v.v.... giữa sân khấu. Rồi đến màn linh-hoạt nhứt với lớp ca diễn mang nhiều tính chất kịch-nghệ, đó là màn «Tứ-tại-Oán» «Búi-Kiểm» với ba người thay nhau ca ra bộ trong bản tứ đại nhịp tư ấy. Một bản ca được xem là mẹ đẻ, là cơ cấu phát triển điệu hát Cải-lương chính là bản Oán «Kệ từ khi thi rớt trở về» này. Nội-dung bản ca diễn-tả từ lớp Búi-Kiểm bị Búi Ông máng nhểch, Búi-Kiểm trên ghẹo Ng yệt Ngai, Nguyệt Nga lay tượng, để thơ cảm biệt họ Búi rồi trốn đi. Lời văn duyên dáng, ý-tức ào lộng thi vị của bản ca đã giúp sáng-kiến cho từ một người ngồi ca trợn bản, rồi hai nam một nữ đua tài, đến cả ba người vừa ca vừa ra bộ, rồi cuối cùng đem nhau lên sân khấu phô-đến

thành một ca-nhạc phẩm cực-kỳ
linh động và lý-thú — toàn là
lời ca, không chen một câu nói
nào cả, như lối Opéra của Pháp
trong một lớp ngắn. Cô ba Định
trong vai Nguyệt-Nga tha thướt,
Ông giáo Du trong vai Búi ông...
rầu bông gòn, và nhất là ông
giáo Diệp-minh-Kỷ trong vai Búi-
Kiệm... rầu lọ nghé với câu nói
pha lửng độc nhất giữa lớp ca
Thiên sanh ngã đại... Dương,
ngã từng thiên... hê... hê do
ông xuất khẩu thành câu văn
« hê » đã giúp cho toàn tỉnh mĩ
trận cười thỏa thích. Lớp ca
diễn « Tứ đại oán Búi-Kiệm »
thuở ấy, tuy nội-dung không nói
gì nhiều hơn là châm biếm nhẹ
nhàng trào lộng một kẻ công tử
bột thi rớt trở về. Nhưng nó
được thể-hiện trên sân khấu
lần đầu tiên với đầy đủ tính chất
ca-kịch, cho nên nói — 1 p ca
diễn Tứ đại oán Búi-Kiệm —
được coi là diễn hình trong thời
kỳ thoát sinh đã đặt viên gạch
đầu cho nền ca kịch xứ ta.

Đề qui n ai được chiêm khảo
tận tường lối ca đạo diễn đầu-
tiên ấy của nghệ thuật sân khấu
xứ mình, chúng tôi xin trình bày
phần minh họa lớp « Tứ đại
oán Búi-Kiệm » do ba nghệ sĩ
Ba Vân, Bảy Xê, và danh ca Lệ-
Liểu đảm nhiệm, đề giới thiệu
cùng quý ngài một nghệ thuật
sân khấu cải lương trong buổi
sơ sinh. Đây lớp « Tứ đại Búi-
Kiệm » bắt đầu (diễn).

Một điều ngạc nhiên kỳ thú

nhất, là một tiểu hài-kịch đầu
tiên được trình bày xuất sắc, mà
tài năng của các diễn-viên thuở
ấy, đã làm ngạc nhiên toàn tỉnh
ly, nặc dầu nội dung lớp trào-
phúng kia chỉ đề quyền « Quốc-
trái » cho Pháp. Với đề tựa
« Ông Bá Hộ Giòn cho vầy », câu
chuyện diễn tả một ông Bá hộ
keo kiệt, nhưng vì việc « nghĩa »
nên cũng sẵn sàng mở túi bạc
đã thắt chặt từ lâu nay. Ông
Kỷ-Thi trong vai thằng Lộ — tên
này đã thành thực danh một thời
— và Ông Đẳng Bá Phúc trong
vai ông Bá hộ, vô tình đã gây
nên ý thức hài kịch trong dân
chúng trong bước đầu rất khắ-
quan.

Dựa vào sở-thích cảm ca của
toàn dân, nường kết-quả rực rỡ
của buổi trình-diễn nói trên,
thực dân Pháp mở rộng cuộc
thâu góp lạc quyền cùng khắp,
từ Sài-gòn-Chợ Lớn lan dần ra
các tỉnh.

Nhưng ngoài lẽ cuộc « hát
Quốc-trái », vèn gạch cảm ca
đã đặt nền móng được xây-
dựng lên ráo-riết, gây thành
phong-trào « Cải-Lương » vừa
phổ-biến vừa náo nhiệt.

(Còn tiếp)



(Bản kểm ở P. T, số 5, ảnh
Kim - Lan và Thanh - Loan chứ
không phải Kim-Lan và Thu Cúc.)

KIÊN TRINH

Truyện dài của CÔ VÂN-NGA

(Tiếp theo P. T. số 6)



UỐI năm ấy, nhà tôi sau mùa gặt hái rồi cũng tổ chức cúng lễ hạ điền. Lễ làm lấy ở nơi trại ruộng way weo, không tung bùng náo nhiệt như mọi năm. Heo mỡ ra, một con trắng một con quay, dọn chung cùng nhiều mâm xôi nếp ngon vụn chùn.

Cậu Bảy tôi thay mặt gia chủ, thấp nhan khẩn vái đất nước ông bà cùng linh thần thổ địa cho năm tới được mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt luôn như thế. Xong rồi, heo quay thì xẻ ra cho khách khứa và tá điền ăn uống vui chơi, còn heo trắng chia làm nhiều phần kính biếu hàng xóm láng giềng. Người ta cờ bạc, đá gà; sát phạt nhau trắng tay.

Tôi tần ngần đứng nhìn quang cảnh vui nhộn ấy, bùi ngùi nhớ lại thời thơ ấu vừa qua. Năm tôi còn bé, những sông cờ bạc kia thế nào cũng có mặt tôi ngồi lấy xâu trong khi cha tôi bận rộn khách khứa, không dòm ngó thấy sự lên lút của tôi. Tôi ngồi canh chừng ngoài chiếu, khi xong một tụ liên quăng một chiếc đĩa vào làm thê, cứ đến mười thê thì được một xu, tha hồ ăn

quả. Một bận nọ, ba tôi bắt gặp, phát dít một cái thật mạnh và mắng tôi:

— Con gái đừng bao giờ tập tành cờ bạc, đừng tham đồng tiền không tự bàn tay cần cù của mình làm ra, vì như thế một ngày kia sẽ đi vào con đường bất chánh.

Bây giờ cha tôi không còn nữa để mà dạy dỗ tôi những lời như thế. Nhưng tự hận, suốt cả đời tôi, tôi vẫn nhớ mãi lời giáo huấn ấy.

Hôm ấy, có vợ chồng ông bác-vật Phát vào dự lễ. Đi theo hai người là một thầy ký trẻ tuổi, ăn mặc bảnh bao, thường đàm đàm nhien vào tôi. Dượng bác-vật chỉ thầy ký giới thiệu với má tôi đây là cháu vợ của ông. Dượng còn bảo riêng với má tôi:

— Tôi thấy con Tư cũng đã lớn rồi, chị nên tìm người đứng đắn mà gả đi cho rồi. Nhà chị không đàn ông, phải cần kiếm một thằng rề làm việc nhà nước, thông thạo việc quan quyền mới được.

Má tôi đáp lại:

— Tôi quê mùa, ít thấy rộng,

biết ai đâu mà kiếm ? Dượng giao thiệp nhiều biết ai xứng chỉ đem đi.

— Thăng cháu tôi đó, chị xem được không. Năm nay nó tuổi Hợi, nghĩa là 22 tuổi, làm việc giỏi lắm, quan thầy của nó khen hết sức, hứa sẽ cất nhắc nó lên cho.

Má tôi nhìn thầy nó một lúc lâu, đoạn bảo :

— Việc đó để tôi tính lại coi.

Nhưng về sau, má tôi phản nài với cậu Bẩy tôi :

— Thăng cháu của dượng bác vật mặt mày xem cũng khá, hiềm vì cái tướng cục một chút. Dân ông gì mà đi lủi thủi như gà mổ thóc, cả đời không làm sao sang được.

Hiếu ý má tôi, cậu Bẩy liền nói :

— Chị định kén chồng cho cháu thế nào ?

— Tao nghĩ đời bây giờ, làm việc nhà nước cũng không bền đâu. Người ta mau làm giàu là nhờ buôn bán, và nhờ thể lực kim tiền lúc nào cũng mạnh.

— Vậy chị định sẽ gả nó cho thằng cháu t em Thành Nguyên ở đầu cầu tàu Mỹ đó sao ?

Má tôi gật đầu và phân bày :

— Thăng Kim - Hến cũng tuổi Hợi, năm nay 22 tuổi, mặt mày trắng trẻo dễ coi, lại là tay buôn bán giỏi nữa. Mà b ết tiệm hàng sên của nó có đến cả trăm ngàn đó chớ ? Nó còn nhờ chú Hai Tít, ở Cái - đước làm mai

mà chưa trả lời dứt khoát, v còn phải trình lại bà nội sắp nhỏ nữa.

Kim-Hến cũng có vào dự lễ hạ điền hôm ấy. Đây không phải là lần đầu tiên tôi thấy mặt người con trai ấy. Anh ta thường vào chơi nhà tôi luôn, lấy cớ là hỏi thăm tin tức và lo lắng công việc của anh ba Khanh. Chưa bao giờ tôi nói chuyện với Hến hơn ba tiếng, và mỗi khi anh vào chơi nhà là như tôi tìm cách lẫn tránh.

Tôi đã biết được ý định của má tôi, nên đối với Hến tôi có hơi thẹn thưỡng hơn những người khách lạ khác. Hến tánh-tĩnh trầm-lặng, có vẻ làm nghiêm, và giỏi tính toán. Lúc nào anh cũng cân phân từng chất, tính toán lời lỗ, lợi hại của mọi vấn - đề. Và cũng vì thế nên tôi nhận thấy Hến có vẻ nhút-nhút và xa lạ quá đối với người mơ-ước của tôi.

Cô gái dậy thì nào lại không ôm ấp một hình bóng của một ý trung-nhân tưởng tượng trong tâm khảm. Người thanh - niên trong mộng của tôi, vị hoàng-tử của lòng tôi, phải là một con người bất-thiệt, nhanh nhẹ và sâu-sắc. Chàng sẽ là người hoạt-bát nhất trong các cuộc đình đám đông người, chàng làm cho mọi người ganh tức vì sự thông-minh, giỏi giảo của mình và nhất là luôn luôn chẳng tỏ ra cao thượng và hào hùng, không hề ngần-ngại để giúp ích một ai.

Khi ấy, tôi không biết rằng con

người mộng tưởng của tôi chỉ là một con người tiêu-thuyết, không xương không thịt. Con người ấy tôi phản - phát thấy nơi Chín Miên — ô kỳ lạ thật, — có vài nét phát hơi giống giống. Tôi có ngờ đâu người cậu họ ấy không ngờ đâu độ tâm hồn tôi đủ mọi cách, bằng những tiêu-thuyết lẫn-mạn cậu ta dụng ý chọn lựa cho xem, bằng những lời nói úp mở vãn-vơ, bằng vài bài thơ thở than mơ-mộng bạn tri-âm. v.v.. Chín Miên bản lĩnh lắm, nhiều lúc tôi đã ngỡ là y thật tình, nếu tôi không biết đến đời tư của y từng làm nhòe lệ bao nhiêu thiếu nữ xinh đẹp trong vùng, kể luôn cả trong vòng bà con nữa.

Một linh tính trong bản chất thuần lương đã cảm giác cho tôi biết cần phải dè dặt đến con người lúc nào cũng giả ra là hiền hậu, tử tế để che đậy một xảo trá, màu mè ngoan cố không cùng.

Chín Miên thường đề cập đến vấn đề hôn nhân tự do giữa những người trong một cánh họ. Y cực lực đã phá thủ tục cổ truyền và cho là một bất công xã hội đã xui khiến cho bao nhiêu thanh niên, thiếu nữ tương lai của đất nước phải tìm cách quyền sinh trước định luật danh giáo quá khắc khe. Theo quan niệm của y : ái tình không ranh giới, trừ ra tình ruột thịt.

* Tôi không khi nào làm những lý luận nguy biện ấy. Cái bầy của y vô ích. Y không khắc phục

được tôi, càng cố tình đeo đuổi không buông.

Chín Miên đâm ra ghen ghét Kim Hến một cách cay đắng. Y chăm chọc tôi luôn :

— Chị Năm muốn có rể giàu, nhưng mẹ nó say rượu chưởi tối ngày, chịu đựng sao nổi, đâu ăn vàng cũng đừng ham.

Tôi lẳng lẳng không trả lời. Đối với Kim Hến, hay là đối với ai đi nữa, tôi tuyệt nhiên chẳng quan tâm đến. Lòng còn đau khổ vì tai ách liên miên, tôi chỉ biết lấy việc chăm lo cho các em và săn sóc mọi việc trong nhà làm nguồn an ủi.

Thầy ký, cháu dựng bác vật Phất, hay là Kim Hến thì cũng thế thôi. Khi nào bà nội tôi bằng lòng, chừng ấy tôi hẳn nghĩ đến. Với một tâm hồn trong trắng, với một tình yên sẵn dành cho người làm chủ cuộc đời mình, tôi tin tưởng ái tình sẽ đến sau hôn nhân.

Sau lễ hạ điền một ít lâu, đến đám giỗ của ông nội tôi. Kim Hến từ chợ Rạch-giá đem hai mâm đồ lễ vào đi cúng. Hến khôn khéo lắm, gây được cảm tình khắp nhà, từ mấy em tôi đến bạn bè làm công cho nhà tôi ai ai cũng mến. Mọi người vả dĩ nhiên là sự cầu hôn của Hến sẽ thành.

Nhưng Chín Miên không ngờ thọt gây bánh xe, y bảo cùng bà nội tôi :

— Người ta đồn ông già của

Kim Hến có bệnh cùi, tuy chạy chữa lắm mà mặt vẫn nổi đơ trông thấy đáng ghê.

Bà nội tôi hỏi dò nhiều người nghe sự nổi đơ có thiệt, vội và khước từ một cách khôn khéo. Kim Hến biết thất bại, buồn bã lắm, nỉ non khóc với má tôi, uổng tiếc duyên nợ không thành. Bác Cả Mến trả hai mâm lễ vật lại, nhưng Hến nằng nằng không thu nhận, nói là để cúng vong hồn ông tôi.

Chủ Hai Tit làm mai không xong đám ấy, trong bụng cũng phiền, cố đốc xúi Hến đi cưới một cô gái khác ở đầu vòm Cái-đuốc-nhỏ, tên là Lan, bạn thân của tôi, tuy không sắc sảo nhưng cũng mặn mà dễ thương. Đám cưới làm linh đình lắm, chưa có đám nào bằng, với dụng ý làm bí mật nhà tôi.

Lan đích thân đến mời tôi dự tiệc cưới :

— Chị ơi, thuở nay chị em mình thân nhau lắm, vậy chị đừng vì một lý lẽ nào từ chối mà làm em phải tủi nhé chị.

Tội nghiệp, Lan không hiểu thâm ý đằng trai, hay nàng đã biết mà vẫn muốn giữ lấy tình bạn. Tại sao tôi lại không đi? Tôi cảm tình Lan hơn cả, hơn nữa, sự có mặt của tôi trong buổi tiệc cưới ấy sẽ đính chánh tất cả mọi hiểu lầm.

Tôi cầm tay người bạn gái của tuổi thơ và gọi nàng bằng cái tên thân mật :

— Luối (Lan) ơi, nếu sự có mặt

của tôi làm vừa lòng Luối, thì dầu sao tôi cũng phải đến.

Hôm lễ cưới ấy, tôi đi theo họ dang gái. Bên họ dang trai, nhiều người nhìn vào tôi, xù xì cùng nhau những gì tôi không được biết nhưng cũng có thể đoán ra là người ta chú ý đến cô dâu hụt, hơn là cô dâu chánh.

Cũng như hầu hết những đám cưới vườn, khi rượu vào lời ra, người ta đua nhau tranh chấp từng lời ăn tiếng nói, hoặc đem cô văn ra bình luận, hoặc ghép thơ chơi chữ khoe nghề tức học, hoặc đá móc nhau tài nói mếp đầy những châm chọc ý nhị mà người dân quê rất thích nghe.

Trong một lúc rả sân hồng mát, bất đồ tôi gặp ngay Kim Hến. Đây là lần đầu tiên, tôi và Kim Hến đối diện nhau trong chỗ vắng. Kim Hến rụt rè bảo cùng tôi :

— Cô Tư, cô hiểu vì hoàn cảnh nào mà tôi phải lấy vợ? Cô có xét tôi bằng một cách khác khe chăng?

Tôi hơi lưỡng cuống một chút, nhưng vội trấn tĩnh lại được, vì đối với tôi vấn đề đã dứt khoát : Kim Hến là chồng của bạn tôi chứ không còn là người si tình đeo đuổi tôi như trước.

Tôi thành thật bảo :

— Tôi còn nhỏ tuổi, chưa dám biết xét ai một cách khác khe...

— Cất đi Năm, hay là những người bạn ở, vẫn có nói chuyện của tôi cho cô nghe chứ?...

Tôi, tôi quý cô lắm... Nhưng tôi đã làm hết sức tôi...

Nghे Kim Hến gọi lại chuyện cũ, tôi vội dứt ngang:

— Từ nay về sau, anh nên lo đến hạnh phúc của chị Luối.

Kim Hến gặt đầu và nói:

— Phải, đó là bổn phận của tôi. Nhưng hôm nay, cố ý gặp cô trong giây lát là để tôi nói hết những lời tâm sự cuối cùng, kéo mà cô hiểu lầm tôi và chê cười khinh bỉ tôi.

Tôi bứt nát một cành lá mạn và nói:

— Tại sao tôi lại dám khinh bỉ anh? Anh đừng nghĩ thế. Từ lâu tôi vẫn trọng anh, như tất cả những người bạn của anh Ba tôi vậy.

Kim Hến thở ra một cái, vui vẻ bảo:

— Như thế, tóm tắt những điều tôi muốn nói với cô, chẳng ta... không thể... như tôi định, thì vẫn có thể là bạn thân chăng?

Tôi ngược mắt lên nhìn thẳng vào mắt Kim Hến:

— Nếu tình bạn anh vừa nói là một tình bạn chân thành và trong sạch, thì chính điều ấy tôi đang cần lắm.

Kim Hến mỉm cười:

— Tôi vẫn ao ước có thế; một tình bạn, và cũng chỉ tình bạn mà thôi. Từ nay trở đi, cô có điều chi cần dùng đến tôi, đến Luối, cô cứ ngỏ lời, chúng tôi lúc nào cũng sẵn sàng tiếp giúp.

Thấy câu chuyện đã lâu, tôi khẽ cúi đầu chào Kim Hến và quay gót trở vào nhà trong sau khi đã cảm động bảo cùng anh:

— Cảm ơn anh, và chúc anh vui đầy hạnh phúc.

Nơi bàn tiệc giữa nhà, dưới ngọn đèn măng-sông sáng chói, người ta đã bớt cái lầy òn ào và đang bàn tán đến những công chuyện xảy ra trong vùng.

Chú Ba Ủi, một điền chủ ở cạnh nhà tôi, có nhiều bà con ở Sài-gòn, ngổ ý phân vân về những lời đồn đãi mà chú được nghe khi ra châu-thành Rạch-giá:

— Lạ quá, hai bữa nay không có xe ở Sài-gòn về. Không hiểu tại làm sao? Không biết những gì đã xảy ra ở trên?

Thầy giáo Thông là thầy học của anh Ba tôi, gặt gù bảo:

— Người ta đồn Nhật đã chánh Pháp ở trên rồi. Không biết quả vậy chăng? Nếu thế tại sao ở tỉnh mình lại êm ả?

Chệt Lái cũng là một tay già có trong vùng, bô bô nói:

— Nhật muốn làm thì mấy hồi Hồi trưa này, có một tàu bin Nhật không hiệu từ đâu tới đậu ở gần cầu tàu Mỹ. Coi mấy ch ba lùn vậy mà dữ thật, pặp Tà đầu là đánh đổ, lại đánh ác nữ chứ: cứ một thoi ngã một tr Tây dinh dăng thấy mà ớn!

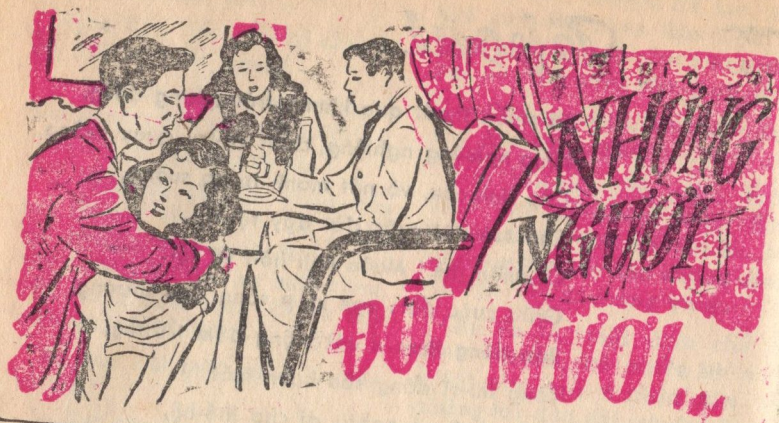
(Còn nữa)

Thoát

Ta muốn thoát qua khung trời quang đãng.
Nhịp nghiêng nghiêng, chấn vũ-trụ quay cuồng,
Cấp tinh-cầu, vò nát mảnh trăng sông,
Cho tan nát cuộc đời đầy tội lỗi.
Ôi nhân thế ! Muôn linh hồn vô tội.
Giữa cuộc đời : vạn kiếp sống đau thương,
Bao tiếng than u uất mộng đêm trường,
Lòng thi-sĩ dâng sâu hoen mắt lệ.
Tình và ý, có nghĩa gì cho thế-hệ,
Có phải chăng một nghĩa sống của đời,
Một hồn thơ vươn tỏa khắp nơi nơi.
Cho nhân loại một tình thương bất-diệt.
Một tiếng khóc hay đôi lời ly biệt,
Lăn tiếng cười man-dại ý cao sang.
Nét kiêu xa đâu ngại ý thụ tàn.
Mang rét mướt cho bao người khốn khổ.
Mạnh áo mỏng ngại ngục từng hơi thở,
Mảnh thân gầy dầy dặn với phong sương.
Môi run run thân gục đổ bên đường.
Thân xác rã mảnh hồn đơn tan tác,
Đời sương gió thoát về trong sương gió,
Cho linh hồn lồng lộng giữa trời cao
Cho hồn thơ muôn thuở vẫn rạt rào,
Một ý sống một tình thương muôn thuở.

T. V. XUÂN HUY

(Huế đỗ trên chuyến tàu
xuôi về Nam).



Phóng sự thời đại của NGUYỄN THU MINH

L. T. G. — Các nhân-vật trong bài này nếu có trùng tên với quý vị nào, chẳng qua chỉ là tình cờ. Chúng tôi tuyệt nhiên không có ý ám chỉ một ai.
Mong quý độc-giả hiểu cho.

(Tiếp theo P. T. số 6)

NGHE vậy, Thành nhìn tôi tươi cười, tiếng cười đang vang lên một cách hứng thú liền bị Bi h — thiếu nữ ngồi cạnh — chấm dứt bởi hai bàn tay búp măng, diu-dịu vùi vào đầu Thành bắt xoay lại để cho nàng được nâng-niu, mơn trớn bằng những cái hôn vụng về, già tạo chạy đều trên gò má.

Vết son loang lổ trên má Thành, tôi có cảm tưởng rằng hung khí

của Bích đã bắt đầu rực cháy thiêu lần thề xác Thành.

Nhìn phớt qua vài khuôn mặt đang trăn trảo cười như một kẻ nghiện thuốc đến hồi lên cơn mà còn vờ vui giấu diếm.

Alice-Lan cúi xuống hắt-hơi trông dễ thương lạ lùng.

Giọng Hoàng lại sang-sảng :

— Alice vào xem hộ anh phòng đi.

Nàng ngược đôi mắt mờ buồn sâu như đại dương nhìn chòng chọc vào tôi dò hỏi.

Thấy Alice-Lan còn lưỡng lự, Hoàng đứng dậy vịn vào vai nàng định kéo đi...

Hiền thấu sự chần chờ qua cái cầu môi của nàng, tôi bỗng nảy ra ý nghĩ nên cản trở Hoàng, liền bảo Hồng:

— Em Hồng sao tẻ vậy, không chịu vào rửa chân cho anh Hoàng để anh ngồi nói chuyện với Alice chốc nữa.

Hồng liền phụng phịu trả lời:

— Anh Hoàng chê em mà, anh muốn đi với Lan thôi.

Hình như hơi ngượng giữa tôi và Thành, Hoàng vội nói:

— Minh muốn nói với Alice một chuyện riêng vài phút...

Vừa nói Hoàng ghé miệng sát vào tai tôi:

— Minh bỏ dở với nó đưa về nhà tối nay mà.

Tôi vội cười gật đầu.

Những nỗi buồn man mác lần đến. Tôi cầm lấy ly rượu còn lại nốc cạn. Mùi nồng của rượu xông lên nóng bừng cả mặt khiến tôi choáng váng cơ chừng gục xuống bàn, chỉ muốn nằm nghỉ. Tôi liền đề nghị và kéo giật Hoàng lại:

— Hoàng, Hoàng! Thôi, chúng mình đi nghỉ cả cho rồi, mình cũng hơi mệt. Hồng đang chờ cậu kia kia. Alice, em lại dẫn họ anh vào phòng nghỉ đi.

Như được dịp thoát thân ra khỏi tay Hoàng, nàng nở nụ

cười sung sướng bước đến đưa tay lên sửa lại cổ áo hộ tôi, tưởng chừng như bàn tay dịu hiền của một người yêu hay người vợ đang tỏ nỗi vui mừng...

Bốn ánh mắt nhìn nhau.

Quang cảnh cuồng loạn của gian phòng đã bớt dần.

Tôi hồi hộp theo nàng vào phòng. Những cảm nghĩ buồn buồn trở đến khi nhìn tấm drap trắng còn nguyên nếp ngạo nghề giữa căn phòng.

Alice-Lan nhìn tôi khẽ cười như để che giấu sự ngỡ ngàng của đôi lứa trong một căn phòng vắng vẻ u buồn. Tôi cười trả một cách gượng gạo rồi lặng lẽ tháo giày và thay quần áo.

Ngoài kia Hoàng và Thành cũng đã chia tay nhau đi nghỉ trưa với người tri kỷ bên lề cuộc đời.

Thấy tôi nằm ngã ra giường có vẻ mệt nhọc nên nàng vội pha đem đến cho tôi một ly nước lọc và bắt uống cho kỳ được. Có lẽ vì hơi rượu làm tôi mất thăng bằng đối xử nên sau khi nốc cạn ly nước lọc, tôi liền ôm choàng lấy nàng mơn trớn một cách quá vụng về.

Riêng nàng, hình như đã rõ tôi hơi chệnh choáng men rượu nên không một cử chỉ kháng cự mà còn đưa tay nhẹ đặt lên trán tôi triu cảm, lo lắng. Năm ngón tay tròn trĩnh thon thon lồng vào tóc tôi dịu dịu và êm ái. Một cảm giác tê mê rừng rực

chạy khắp cơ thể tôi như đêm đông ngồi bên lò sưởi — một thứ lò sưởi của người con gái ngây thơ đầu tiên đi vào đời tôi, và cho tôi những nhận xét về trai và gái sau này — Tóc Alice-Lan phủ lòa xòa xuống mặt tôi cơ chừng như nàng muốn truyền những nhịp thở của con tim sang người tôi để cùng chia sẻ nỗi ấm êm lẫn thương đau của cuộc đời.

Ánh sáng của gian phòng chừng như dịu xuống theo với nắng chiều, cùng hơi thở của tôi và nàng qua những phút ái ân vụng dại...

Sau một lúc triền-miên, khi tỉnh dậy tôi bất chợt nàng đang chăm chú nhìn tôi với hai giòng lệ rớm đều trên gò má. Không hiểu sao lúc ấy tôi lại vờ nhắm mắt như một kẻ còn say giấc. Nhưng chỉ trong giây lát lại mở ra để mà nhìn nàng thồn thức.

Tôi định hỏi một câu đề an ủi nhưng nàng đã vội lau hai giòng lệ và vờ làm vui :

— Nhìn anh ngủ mà em lo quá ?

Tôi mỉm cười, đưa tay vuốt nhẹ lên hai má nàng :

— Anh ngủ chứ có gì mà lo.

— Vì anh say quá chứ sao. Mà một khi đã say thì hay tàn nhẫn.

Tôi hơi ngạc nhiên về câu nói của nàng nên nói :

— Trông anh tàn nhẫn thật sao ?

Alice-Lan dịu dàng cầm tay tôi áp vào ngực nói rất khẽ :

— Anh có gì đâu, đây là em chỉ sợ vậy thôi. Nhìn anh ngủ em thấy buồn buồn làm sao ấy...

Thế rồi nàng gục đầu xuống gối khóc âm ức. Không hiểu Alice khóc cho nàng hay cho tôi, hay là cho tất cả những người đồng trang lứa với nàng.

Tâm hồn tôi bỗng đứng nao nao, xao xuyến lạ thường, cơ chừng như nghẹn thở. Có lẽ những giọt nước mắt của nàng đã thu hút lấy người tôi, tri não tôi, quả tim tôi cho nên tôi mới khác thường vậy chăng ? Hay tại tôi đã lỡ vụng dại dẫm lên tâm hồn nàng, thế xác nàng. Có thể lắm, chữ tàn nhẫn... của nàng cũng đủ biểu lộ cho tôi hiểu như vậy !

Tiếng nấc của nàng lại càng tăng thêm sự ray rức ở lòng tôi. Nghe nó lạnh lùng, u uẩn làm sao ! Đố ai mà hiểu thấu, họa chăng chỉ có trời !

Lặng nhìn nàng trong giây phút đờn đau, tôi băn khoăn mãi với những lời và cử chỉ của tôi đối với nàng. Tôi muốn nói với nàng tất cả cảm nghĩ, nhưng rồi chần chờ mãi vẫn không sao nói được. Điều mà tôi muốn nói với nàng như vậy : « Buồn, khóc mà làm gì hỡi em. Cuộc đời đã vậy thì em cố gắng chịu thêm vào, nhắm

mất đi mà bước xuống vài bước nữa ! Để được chết sớm còn hơn kéo dài kiếp sống dằng dai này em ạ. Lúc đó anh sẽ tỉnh ngay đi cầu cho em một hồi kinh để em được trọn tiếng giữa cuộc đời này. Máy ai được sung sướng vì cái khổ ấy đâu. Giá trị ở cả đó đấy em ơi ! »

Thời gian nặng nề trôi qua trong im lặng. . .

Không hiểu Alice-Lan đã khóc đến bao lâu, đã nói với tôi những gì qua đôi mắt chưa chứa ánh, đôi bàn tay mười ngón đan vào nhau ấy ! Thật là thảm-thiết. . .

Đang say sưa theo nhịp lòng rướm máu, quàng mắt thâm và sâu... Bỗng Alice-Lan giựt mình rút mạnh tay ra khỏi người tôi, rồi trong khoảnh khắc như nhớ lại điều gì, nàng chớp dụi đôi mắt, khẽ nhếch môi cười rất kín đáo :

— Em mãi nghĩ . . . mà quên mất là em đang ở bên cạnh anh.

Câu nói của nàng đã khiến tôi nghĩ ngợi thêm. Tôi không ngờ nàng lại đau khổ đến thế. Cuộc đời phủ phàng đối với nàng quá, người con gái bèo bọt chưa bao lâu tuổi đã phải chịu làm khúc gỗ cho mọi người đổ, gọt mua vui theo sở thích. Lúc nào cũng lo sợ hốt hoảng như người đi đường bị chó rượt, những cảnh mang rợn ghê tởm của dục-vọng đã in sâu trong tim óc nàng, khiến nàng dè dặt, giữ miếng, giữ thân từng phút một.

Có tiếng của Bích gọi nàng, tôi đoán biết là Thành và Hoàng đang chờ đợi, chưa kịp bảo với Alice thì giờ già từ đã đến, nàng đã vùng dậy tươi cười :

— Anh dậy sửa soạn chóng lên kẻo hai anh ngoài đợi. Em không muốn anh phải mang tiếng vì em. . .

Trời ơi ! Đến cả tình thương-cảm của nàng cũng bị bóp chẹt, nàng sợ đến thế thì thôi. Còn gì ở giữa cuộc đời để dành cho nàng vui sống nữa đâu.

Lúc ra về, nàng còn bảo thầm với tôi : « Anh nên ít đến những chốn như nơi này là hơn, nó « tâm thương » người ra. Theo anh em bạn mà làm gì... »

Tôi chỉ biết im lặng, cảm-động nhìn nàng khuất dần sau cánh cửa xuống nhà ngang. Một niềm xót thương tràn ngập tâm hồn.

Khi lên xe trở về, Thành nhìn tôi với con mắt ranh mãnh :

— Cậu có gì lạ không, mà trông âu sầu thế ?

Hoàng chen vào :

— Thăng M. nó « cảm » nặng rồi, tao đổ vài hôm nữa nó không trở lại chốn này tìm cô ả thì mầy chưởi tao đi.

Tôi trả lời với giọng không mấy vui :

— Mình không muốn đùa thế, các cậu không hiểu mình gì cả.

Thấy Thành và Hoàng nhìn tôi ra vẻ ngạc nhiên, tôi liền giải thích :

— Thù thật, mình đang nghĩ và buồn cho Alice-Lan đây. Mình hơi hối hận đã có đôi chút tàn nhẫn với « en ». Có lẽ, bây giờ mình về nhà thôi, không thiết đi chơi đâu nữa cả.

Thành lặng nghe xong vội lên tiếng :

— Chúng mình đùa để mà quên! Chứ nghĩ đến thêm đây vô tâm tư..., nhìn cô em tớ cũng thấy thương hại. Còn trẻ quá ! chưa bao lâu tuổi đã bị đầy xuống hố sâu của cuộc đời !

Rồi như quá cảm động, Thành thở dài, nghe nao-nao cả lòng.

Hoàng nãy giờ vẫn làm thinh, trông chừng như đang suy nghĩ gì lung lăm. Mắt đắm đắm nhìn qua tấm kiếng tới phía trước xe, chẳng nói chẳng rằng với ai câu nào. Mặc dầu trong câu chuyện đôi khi Thành có đã-dộng đến.

Sự im lặng triền miên giữa chúng tôi kéo dài cho đến khi từ giã nhau vẫn chưa thôi.

* * *

Cách tuần sau, tôi lại gặp Alice-Lan ở đại lộ Lê-Lợi khi tôi vừa ở tòa soạn ra về.

Buổi chiều thứ năm lại nhằm ngày cuối tháng thật là buồn! Hơn nữa, ở vào khoảng bốn giờ rưỡi chiều ; thì giờ mà mọi người đang còn mải miết trong các phòng giấy hay nằm nhà.

Phổ xá vắng vẻ quá. Ánh nắng gay gắt của một ngày mới bắt đầu dịu nên vẫn còn oi bức.

Vừa thấy tôi, nàng đã nhướn miệng cười, đôi mắt sáng, hiện lên nỗi vui mừng.

Tôi mỉm cười, gật đầu chào trả, chưa kịp hỏi thăm, Alice-Lan đã nhanh nhẩu hỏi :

— Anh đi làm về ?

Tôi gật đầu :

— Thế Alice đi đâu đấy ? Hẳn là đi sắm sửa.

Alice-Lan lại cười, nụ cười hồn nhiên của tuổi trẻ chưa thể xóa nhòa ở nàng :

— Trông anh hôm nay hơi gầy và xanh ra đấy ! Anh làm việc nhiều quá chứ gì ?

Tôi lắc đầu, làm thinh. Alice-Lan lại tiếp :

— Người như anh mà ốm nữa thì nguy. Lấy ai mà chạy chữa săn sóc cho.

Lời nói của nàng đã làm cho tôi xúc động không ít, tôi thăm cảm ơn nàng lo nghĩ đến tôi nhiều quá ! Dù sự lo nghĩ chỉ thoáng qua ở đầu môi. Nhưng, với cử chỉ ấy, đôi mắt ấy, lời nói ấy làm sao mà giả dối được.

Sau một lúc trò chuyện, tôi mời nàng ghé vào hiệu kem ngồi nghỉ và giải khát, nhưng nàng từ chối, Alice cho rằng vô ích ; tuy không tốn là bao. Vả lại, ý nàng muốn được đến nhà tôi ở cho biết mà thôi, và trò chuyện được thân mật hơn là ngồi ở các hiệu kem.

Tôi vẫn nhớ câu nàng nói khi thấy tôi còn ngần ngại :

(Còn tiếp)



NGƯỜI LẤY KHỈ!

Minh ơi!

★ DIỆU HUYỀN

1 giờ trưa, ông Tú đang nằm ngủ ngon lành trên giường nệm hoa. Ông có thói quen buổi trưa ngủ một tý để 2 giờ 30 dậy đi tắm rồi đến văn-phòng. Bà Tú nằm bên cạnh ông, nhưng không ngủ. Thói quen của bà là giờ ấy bà đọc nhật-trình. Bà còn có thói quen khác nữa là ra nằm gác chân lên chũn ông Tú, gối đầu trên cánh tay ông, và xem liên tiếp bốn tờ báo trong lúc ông Tú nằm ngáy khò-khò, tiếng ngáy đều-đều như tiếng mô-tơ của nhà máy điện.

Trưa nay, thứ Bảy 21 tháng 2,

1959, Bà Tú đọc xong vớt tờ báo xuống giường, quay lại khẽ đập trên vai phu-quân thân-yêu :

— Minh ơi!

Tiếng ngáy của ông Tú tự-nhiên im bặt. Bà Tú lại gọi :

— Minh ơi!

Ông Tú vẫn còn ngủ nhưng miệng hỏi :

— Cái gì thế?

Giọng nói của ông Tú hãy còn ngái-ngủ, khàn-khàn, uể-oải. Bà Tú lại hỏi :

— Minh ơi! Người mà lấy khỉ được sao, hả Minh?

Ông Tú làm thính, mắt vẫn nhắm riết.

— Hả mình? Người mà lấy khi à? Sao có chuyện ghê tởm thế? Hả Minh?

Ông Tú vẫn ngủ. Bà Tú lại lấy tay lay vai chồng:

— Minh! Minh ơi! Nói chuyện người ta lấy khi cho em nghe chút, rồi hãy ngủ, Minh.

Ông Tú cứ nhắm mắt, nhưng gắt-gồng:

— Chuyện cái con khi!

— Vâng, chuyện con khi lấy người ta ấy mà.

— Nó lấy ai, thầy kệ nó chứ! Đề cho anh ngủ đã chứ!

Bà Tú thò ngón tay vào nách thọc lét chồng. Tội-nghiệp ông Tú bị nhột quá chịu không được phải lật đật ngồi nhồm dậy mở hai con mắt còn lim dim, ngó vợ:

— Con khi cái gì? Cái gì con khi?

Bà Tú cười kéo tay chồng nằm xuống, bà mơn-trơn hôn ông để xin lỗi phá giấc ngủ của ông, rồi nói tiếp:

— Tờ báo này nè, Minh à. Họ kể chuyện một con khi đột ở Cà-mau bắt một đứa con gái 9 tuổi đem vào hang làm vợ, rồi khi đứa con gái 14 tuổi thọ thai sanh được đứa con. Các báo nhao - nhao phản - đối cho là chuyện bịa-dặt. Họ phỏng vấn các ông Bác-sĩ đều nói là từ xưa đến

nay chưa có chuyện người lấy khi để con bao giờ cả.

— Ông Bác-sĩ nào nói thế?

— Đây nè... Mấy ông Bác-sĩ danh-tiếng ở Saigon tuyên-bố rằng từ xưa đến nay trong lịch-sử y-học chưa có người lấy khi mà để con bao giờ.

— Thế là mấy ông Bác-sĩ đó chưa nghiên-cứu đến nơi đến chốn. Nếu họ chịu khó tìm-tòi học hỏi thêm nữa, thì họ sẽ thấy rằng: Thế-kỷ trước đây đã có vụ người con gái bị nghi là lấy khi, và đẻ ra quái thai.

— Thật hả, Minh? Ở đâu đấy?

— Trong Thư-viện Quốc-gia Pháp, ở Paris, có một quyển sách mỏng về y-học, tựa là « *L'Anencéphale à type sim'esque, de la maternité de l'Hôpital de Vichy* », mà tác giả là Bác-sĩ A. THERRE chính là Giám-đốc bệnh-viện Vichy. Cái tựa sách khó hiểu ấy có thể dịch ra tiếng Việt là: « *Quái thai không có óc, giống loài khi, ở nhà Bảo-Sanh tại Bệnh-Viện Vichy* ». Trong quyển sách nhỏ ấy, Bác-sĩ A. Therre ghi chép rõ-ràng chuyện quái gở và xác-thật như sau đây. Cuối Thế-kỷ trước, tại một khu đất hoang ở ngoại-ô thành-phố VICHY của Pháp, có một gia đình hát xiếc đến trú-ngụ. Gia-đình chỉ gồm có một ông già 60 tuổi hiền - lành, ít nói, có con gái của ông, 16 tuổi, mập mạnh, hoàn toàn không biết chữ, và một con khi dục Phi-châu, còn trẻ, « un jeune anthro-

poide d'Afrique». Con khỉ này thuộc về loài *chimpanzé*, rất dễ thương, rất hiền lành, và cũng rất thông-minh, vì nó làm được nhiều trò xiếc tài-giỏi, nhờ nó mà hai cha con chủ xiếc kiếm được đủ tiền để sống. Gia-đình kỳ-cục này sống chung-chạ trong một chiếc xe roulotte, đi lang-thang tỉnh này qua tỉnh nọ. Dĩ-nhiên, người ta có thể tưởng-tượng cuộc sống chung như thế giữa một ông già lụ-khụ, một đứa con gái vô-học, thân mật hằng ngày với một con khỉ quen với hơi người, cuộc sống chung hỗn-dộn và chật-chội hẳn-thủi ấy có thể sinh ra hậu-quả bất ngờ.

Thế rồi, một hôm, đứa con gái có chữa. Ông bố già thấy thế, chửi mắng nó và la lối om-sòm. « Mày chữa với ai ? » Thật ra thì không có chàng trai-trẻ nào tới lui nơi trước nhà xe của ông, hoặc làm quen với cô gái cục-mịch kia. Đầu tóc bờm-xồm, y-phục bệ-dạc, cô ả lại mập-mạp, và thô-lỗ, bộ-tịch không có chút duyên-dáng nào, làm sao quyến-rũ được một chàng trai trong tỉnh ? Vả lại, ai cũng từng trông thấy đứa con gái hẳn-thủi này chơi giỡn với con khỉ, và chính cô cũng hơi háo-mùi khỉ. Thế rồi cô ả phải vô-năm nhà Bảo-sanh ở Vichy, sau khi có chữa 9 tháng. Bác sĩ chép trong quyển sách của ông: « Bà Moreau, là bà-mụ coi bụng cho thiếu-nữ, khám thấy rằng bào-thai không có đầu... và quái-

thai vừa sanh ra thì chết ngay » (Il convient de noter l'étrange constatation, pour le moins énigmatique, que fit la Sage-femme, Mme Moreau, à l'examen d'admission de la jeune fille à la Maternité, d'un orifice vaginal à peine déformé... La grossesse ayant eu un cours parfaitement normal, rien ne faisait présumer d'anomalies sur l'état du fœtus. Quant à l'accouchement, il s'accomplit normalement. Le monstre mourut après sa naissance.) Bác-sĩ Therre còn ghi chép những đặc-tính của quái thai như :

— hoàn toàn không có bộ óc (encéphale)

— xương-sống quẹo (malformation de la colonne vertébrale)

— tay chân dài thông (longueur démesurée des membres)

Do đó, có kẻ đã vội vàng cho rằng đó là quái-thai của khỉ. Cảnh-sát có hỏi thiếu-nữ sau khi sanh nở, thì cô ả không chịu trả lời gì cả. Sau cùng, cô ký ầu vào một tờ khai nhận rằng « cô có sống thân-thiện với một con khỉ ». Trong lúc thiếu-nữ đi nằm nhà Bảo-sanh, thì con khỉ ở nhà một mình, không bạn quen, nên bỏ ăn bỏ uống mỗi ngày mỗi gầy ốm tiêu-tụy, ai đến coi nó cũng muốn nhảy ra cắn. Sáu hôm sau thiếu-nữ ở bệnh-viện ra thì con khỉ đã chết hôm trước. Bác-sĩ A. THERRE kết-luận rằng : « Có lẽ cô B... không có thụ-thai thiệt-thọ với con khỉ, nhưng có

mang quái-thai khi vì cô bị ảnh hưởng tinh thần, vì bị ám-ảnh, vì bị tưởng - tượng thường-xuyên về nhục-dục, trong lúc ở chung hằng ngày với con khỉ.»

— Như thế, theo trường-hợp của cô gái xiếc kia, thì cũng có thể nghĩ rằng người lấy khỉ ư?

— Không thể nghĩ như thế được. Phê-bình vụ quái-thai ở nhà Bảo-sanh Vichy, nhà sinh-vật-học trứ danh JEAN ROSTANT đã viết: « Chắc chắn là trường-hợp quái-thai kia không phải do cuộc giao-hợp với nhau mà có: không thể nào có cuộc giao-hợp giữa người và khỉ, và cái quái-vật không có não kia chỉ là một quái-thai mà các nhà chuyên môn nghiên-cứu về quái-thai đều biết cả » (Le cas de la fille B. . n'est sûrement pas un cas d'hybridation: il n'y a pas de croisement possible entre l'homme et l'antropoïde, et l'anencéphalie est une monstruosité bien connue des tératologistes).

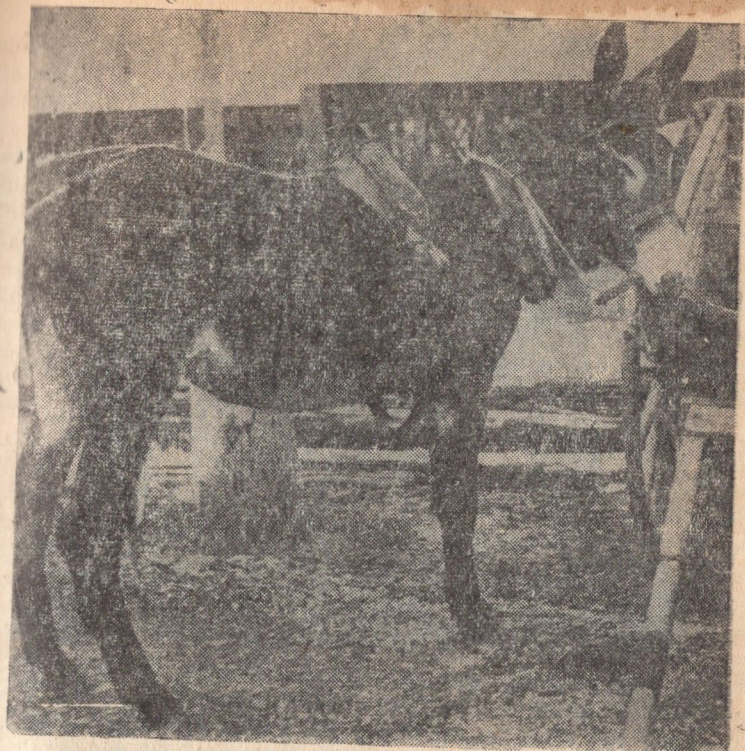
— Như vậy, tức là người và thú không thể lấy nhau được chứ! Như thế mới là hợp với luật thiên-nhiên chứ!

— Trong quyển « *Les grands courants de la biologie* » (nhà xuất-bản Gallimard) của Bác-sĩ JEAN ROSTAND, có viết: « Người chỉ sanh ra người. Kiến chỉ sanh ra kiến. Cây hoa hồng chỉ sanh ra cây hoa hồng. Sự đồng-chủng, đồng tính ấy của một giống sinh-vật, chính là sự «diễn-tả» của Luật di-truyền.» Nhà Bác-học

GEORGES MONTANDON, trong quyển « *L'Homme préhistorique et les préhominiens* » (nhà xuất-bản Payot) lại cho rằng « Có thể hai giống vật khác nhau giao-cấu với nhau được, nhưng khó mà thụ-thai được... Tuy-nhiên, đặc-biệt có giống LỪA ĐỰC và NGỰA CÁI giao - cấu với nhau gây ra giống LA đực (mulet), nhưng chính giống LA lại không thể sanh-sản được. Một nhà động-vật học Hòa-Lan có danh tiếng thế - giới, là ông BERNELOT-MCENS và viện Pasteur Pháp có thí-nghiệm ngay ở vườn Thu Vincennes (Pháp) một cuộc giao-cấu giữa một CON CỌP ĐỰC và một con SƯ-TỬ CÁI: Kết quả là con sư-tử thụ-thai, sinh ra con cọp con, hiện nay còn sống, (hình trang 110).

— Đó chỉ là những trường-hợp đặc-biệt của vài loại thú thôi chứ, Minh?

— Phải. Trở lại vụ người và khỉ, thì năm 1934, chính-phủ Nga-Xô có phái một đoàn người thí-nghiệm, do Bác sĩ ELIE IVANOFF cầm đầu, đến rừng núi xứ TURKESTAN, để ở chung với loài khỉ cái. Kết quả là những con khỉ cái giao-cấu với người đều chết hết sau khi giao - cấu. Tiếp tục cuộc thí-nghiệm, Bác-sĩ Elie Ivanoff áp - dụng cuộc thụ-thai nhân - tạo của người truyền qua cho bọn khỉ-cái, thì kết-quả cũng không có thụ-thai được. Cuộc thí-nghiệm này đã được một Bác-sĩ Anh-quốc, ông HOWELL ENGLAND, trình bày



Đại Hội-nghị Khoa-học ở Mỹ, tháng Janvier 1935, và có đăng trong báo *Le Temps*.

Sau hết, Giáo-sư LOUIS BOUNOURE, trong quyển sách của ông : « *Déterminisme et finalité* » (nhà xuất bản Flammarion), phân-tách trường hợp quái-thai của cô gái B... sinh tại nhà Bảo sanh Vichy ngày 6-1-1897, trước mặt Bác sĩ A.THERRE, có kết-luận như sau đây : « Thí-dụ cô ả kia có giao-hợp với con khỉ của cô chẳng nữa, và cô thụ-thai thì

nhất-định cái quái-thai kia hoàn-toàn do cô quả trông tượng mà thành, chứ không phải vì sự giao-hợp ấy mà thành. » Nghĩa là con khỉ đột kia hoàn toàn không phải là cha của cái quái-thai.

— Như thế thì chuyện cô gái 14 tuổi ở Cà-mau, hoàn toàn là chuyện bịa đặt chứ gì, hử mình ?

— Hoàn-toàn bịa-đặt vì giá-sư cô ấy đã bị con khỉ đột bắt về hang làm vợ thật đi nữa, và giá-sư cô ấy bị ám-ảnh mà thụ-thai thật đi nữa, thì cô cũng chỉ



sinh ra một quái-thai mà thôi, quái thai ấy sẽ chết liền, chứ không thể nào thành người, hay khỉ, và sống được.

— Thật là chuyện... khỉ!

Ông Tú ngó đồng-hồ mới 2 giờ, ông không muốn nói nữa, nằm quây mắt vào tường, ngủ lại. Một phút sau, bà Tú đã nghe

ông ngáy khô khô. Bà khẽ đặt một nụ hôn trên má ông, rồi nhẹ nhàng đứng dậy xuống bếp nấu một súp chè đậu xanh, để chốc nữa chàng thức dậy ăn cho mát dạ...

Vâng, tuy bà hay phá giấc ngủ của chồng, nhưng bà Tú cũng ông Tú hơn tất cả trên đời.

★ CAN-ĐÀM CỦA ÔNG CHA.

Ba của Mèo và Mèo đi xem đá banh tại sân Tao-Đàn (Sài-gòn) thỉnh linh quả banh rơi vào khán-giã. Thằng Mèo liền hụp xuống tránh thì ba nó ngồi ngay ở phía sau «lãnh đủ» vào mặt.

Tức giận, ông liền cho thằng Mèo 2 tát tai và mắng rằng:

— Tao đánh mầy như vậy để sau mầy đừng còn nhút nhát nữa. Việc gì thấy trái banh mà cũng sợ, tránh mặt đi?

ÁNH ĐÈN

DỊCH RA VIỆT-VĂN
VI - HUYỀN-ĐẮC



TIỂU THUYẾT TRUNG-HOÀ
củ a TỪ - V U

(Xem P. T. từ số 2)

VI



EU quả tình, cái mục đích của các cuộc thăm-vấn, là cốt để, cho kẻ phạm-tội cung-chiêu, thì rõ ràng là quan-niệm của họ thiệt sai lầm !

Tôi hồi tưởng lại tường-tận, những cuộc thăm-vấn vừa qua, tôi thấy họ vô cùng ngu-xuân. Hình như, bắt đầu, họ có cái thành-kiến là tôi đây, nhất-định phải là một người phi-thường, một thứ anh-hùng, cho nên, dầu tôi có sẵn-sàng đề cung-chiêu, tôi cũng không thể nào nói lên được, vì họ có đề cho tôi nói đâu. Thứ nữa, họ cứ cho là mỗi lời thốt ra của tôi, đều là giả-dối cả. Thế rồi, họ làm cho tôi quá kinh-hoảng, thành thử ra, tôi luôn luôn mất hết cả lý-trí. Mà, th ệt-tình, sắc việc đại-khải tôi nhớ rõ hết đầu đuôi, nhưng ngẫu-nhiên tôi nói khác đi, chỉ vì hoảng-sợ. Sau cùng, đối với những điều tôi khai bậy, họ lại cho đó là một cách quỳ-quyệt của tôi để che-đậy, để biến-trá. Thế rồi, sự đa-nghị đưa

họ tới chỗ họ muốn tìm ra sự-thật ở những điều toàn-thị là không tưởng cả. Rút cục, tôi không còn làm sao cung khai cho họ rõ những điều ma chính họ, đương tìm hiểu và muốn biết !

Đến bữa thứ hai, tôi lại bị điệu ra đề hình-thăm. Tôi cứ đinh-ninh trong bụng rằng, lần này, tôi sẽ cố cung-chiêu đi, cho xong chuyện, rồi nó muốn ra sao, thì ra ! Nhưng, trong khi tôi bị tra - tấn, khảo-đá, tôi không còn có đủ tâm-trí để nó những điều tôi muốn nói. Và, sau khi thụ-hình, tôi không còn có một tí khí-lực nào, để cung-nghẹn nữa.

Tất cả những thứ tra-khảo mà tôi đã trải qua, nó rất đòi là phức-tạp, tôi muốn kể ra, cũng không sao kể xiết được. Tuy nhiên, tôi còn nhớ được rõ ba thứ độc hình.

Cái loại hình-cụ thứ nhất, là một thứ ống bằng sắt. Họ đem nó áp vào đỉnh đầu tôi, rồi họ dùng một cái thanh gỗ, đánh vào cái ống đó.

Họ đập như vậy, chừng hai, ba chục cái, rồi họ hỏi tôi, có nói hay không ?

Tôi đáp : — Có, tôi nguyện ý khai. Nhưng khổ thay ! Lúc tôi định nói, thì ở trong buồng u-ám, bỗng, hai luồng ánh-sáng đèn, đã vụt bật lên một cách cường-liệt, không lối nào tả nổi. Thế là, lập tức tôi bị tối tăm cả mày mặt, và đâm hôn-mê bất-tình.

Họ cho như vậy là tôi giả vờ, để có ý không cung khai. Ấy thế là, họ lại đập liên-hồi, vào cái ống sắt.

Tôi cũng chẳng còn nhớ, tôi bị hôn-mê bất-tình trong bao nhiêu lâu, hoặc, tôi đã bị mê đi rồi tỉnh lại, tỉnh lại rồi lại mê đi, chẳng rõ mấy mươi lần ! Nói tóm lại, khi họ nhắc cái ống sắt ác-nghiệt đó ra, thì hai mắt tôi bị ánh sáng của hai ngọn đèn cường-liệt đập thẳng vào đồng-tử, nó làm cho mắt tôi hoa đi, hoa đi cho tới mức, tôi chẳng còn trông thấy rõ một cái gì ở chung quanh tôi. Còn hai tai tôi, cứ vang-vang lên những tiếng ống sắt rung chuyển, nó làm cho óc tôi mê-sang, không còn nghe rõ một thanh-âm nào nữa.

Hình như họ đã bỏ tôi đó và họ đi ra hết, sau khi tắt phụt đèn đi. Tôi ngồi lặng thinh ở trong đen tối.

Mãi nửa giờ sau, đèn lại bật lên. Và tiếp đến là độc-hình thứ hai.

Họ đặt tôi nằm dài ra, rồi cho vào lỗ mũi tôi một thứ nước, nó cứ tuôn vào, tuôn vào mãi-mãi như không ngớt nữa. Tôi không rõ, một sinh-vật khi bị đau-đớn; thì cói hạn-độ ra sao, chứ riêng

tôi, tôi thấy, sự đau đớn ở thể xác, chỉ tới cái mực, mà ở đó, tôi ngất đi, không còn lý-trí nữa. Ở tình-trạng ấy mà họ hỏi tôi, thì tôi còn biết gì nữa, vì tôi, cũng không biết tôi có còn sống, hay tôi đã chết rồi. Lúc ấy, cái tên La-hình-Lụy mà họ nhắc đi, nhắc lại bên tai tôi, để tôi trả lời họ, hẳn ở đâu; tôi có cái cảm-gác là La-hình-Lụy, hiện-thời, là một kẻ mà tôi quen biết tự ở kiếp nào ấy. Thế là họ lại cho là tôi ra gan, quật-cường, để có-tình không cung khai.

Cái độc hình thứ ba, là họ lột quần áo tôi ra, rồi lấy một thứ roi làm bằng toàn lông đuôi ngựa, mà quật vào dương-vật của tôi. Tôi đau đớn đến độ gào thét thất-thanh đi, và sau cùng, mồm tôi học máu ra. Tôi vừa học máu ra, thì hai ánh đèn lại rọi vào mắt tôi. Ánh đèn đó sáng trắng ra, như một trời chiếu thẳng xuống một cánh đồng tuyết vậy. Tôi mê đi và thấy như thân thể tôi bị tan rã ra, rồi, tôi lại bất-tình nhân-sự, không còn biết một tý gì nữa.

* * *

Một hồi lâu sau, tôi tỉnh lại, do tiếng sập của cánh cửa sắt. Lúc đó, tôi mới rõ, người ta đã khiêng tôi về buồng giam. Tôi ước-lượng, giờ này, người ta đã cho mang cơm, nước, vào cho tù-nhân, nhưng, tôi không trông thấy mấy chiếc thùng kẽm mọi ngày. Rồi, có hai người Trung-hoa, lấy chân đá vào tôi để đánh thức tôi dậy.

Tôi biết ngay là số phận của tôi sắp sửa kết-liều đến nơi | Lập-tức, tôi nhớ tới cái liều thuốc độc, tôi ngoái nhìn, thì cái anh chàng chủ-nhân-ông liều thuốc, vẫn còn nằm ở kia, nhưng, tôi không biết làm thế nào, đề hỏi hấn mà lấy cho được. Trong khi đương phân-vân, thì họ đã nắm cổ áo tôi, lôi tôi dậy và điệu tôi ra khỏi phòng giam.

Quả tình, tôi chẳng phải là một vị anh-hùng chí-sĩ, tôi tự nhận thấy tôi không có một tâm-hồn cao-quý, hoặc một lòng tin tưởng gì ráo, ấy thế mà, rồi đây, tôi sẽ được-người ta giết tôi đi, như giết một kẻ anh - hùng chí - sĩ vậy. Ngẫm-ngĩ như vậy, tôi thấy tức cười cho cái số kiếp kỳ-quái của tôi !

Người ta điệu tôi ra ngoài, rồi đưa tôi đi theo một cái hành-lang dài thăm-thẳm, đi mãi mới tới những bậc thềm. Qua bậc thềm, tiếp tới một cái viện-lạc to, rộng ; ở cửa viện lạc đã chực sẵn một chiếc xe hơi khá lịch-sự. Tôi bị đưa lên ngồi trên xe. Xe chạy ra lối cửa lớn, và đi theo đường phố. Thoạt đầu tiên, tôi tưởng, người ta đem tôi đi hành-quyết, nhưng, hiện-thời, tôi nhận ra, không phải thế. Tuy nhiên, tôi cũng chẳng muốn hỏi những người áp-diệu tôi.

Mãi sau, tôi thấy, người ta đưa tôi đến một y-viện. Ở đấy, y-sinh đã khám xét tôi rất kỹ-càng. Tôi đã tưởng có lẽ người ta sắp trả lại tự-do cho tôi, tôi ngờ-ý muốn

dùng giây nói, báo tin cho người nhà tôi rõ, nhưng các hộ-sĩ không cho.

Năm hôm sau, vào buổi sáng sớm, một vị quan-quân Nhật, tự-xưng là Chiêu-tín-nhuận-thứ-lang, đến thăm tôi. Người đó ngồi ghé xuống bên thành giường của tôi và bảo tôi, bằng tiếng quan-thoại, nói một cách cực-kỳ lưu-loát :

— Chắc anh phải lấy làm lạ lắm đấy nhỉ ?

— Vâng.

— Anh không biết tôi, chứ tôi tôi quen biết anh đã từ lâu....

— À ! á !

— Phải, tuy lần này, là lần đầu tiên tôi gặp mặt anh, nhưng tôi đã biết anh, trên những tác-phẩm của anh.

— Thiệt là hân-hạnh cho tôi. Nhưng, thưa tôn-ông, việc này có liên-quan gì tới tôi không kia ạ ?

— Có chứ. Tôi là một độc-giả trung - thành của anh, tôi thiết-tưởng như vậy, chúng ta có thể trở thành một đôi bạn tâm đầu.

— Cái đó lại cũng là một vinh-dự cho tôi, nhưng thưa tôn - ông, nếu tôn-ông muốn hỏi tôi, La-Hình-Lụy, hiện ở đâu, thì thật là tôi chẳng rõ một tí, một li gì, về tung-tích người đó.

Trong thâm-tâm tôi, tôi ráp định nhân dịp này, cụng chiêu quách đi, cho xong chuyện, nhưng, hình như, đối-phương không giới-ý tới điều đó, vì hấn bảo tôi :

— Họ giao anh cho tôi, tôi phải giữ anh, cho tới khi nào, anh chịu cung khai với tôi, những điều họ cần biết.

— Nhưng, thưa thế, tôi có được tự do, đi lại hay không ?

— À, không, không, anh sẽ ở nhà tôi, rồi anh xem, anh sẽ rõ, tôi có phải là một người, biết thế nào là xử-thế nghi-tắc. Nhưng, tôi xin nói trước, nếu anh tự-tiện trốn đi, thì, thưa anh, lúc ấy, tôi sẽ trở thành vô-lực, dầu rằng tôi yêu-quý anh, trăm phần.

— Thưa, thế.....

— Anh hãy ở đây tĩnh-dưỡng thêm ba hôm nữa, vì y-sinh nói, ba hôm nữa, anh sẽ bình - phục hẳn. Trong khi ấy, tôi sẽ cho thu dọn một căn phòng tại nhà tôi, để anh tạm làm một quý-tân của tôi.

Nói đoạn, người đó đứng lên và vội-vã, cáo-từ tôi.

Ba hôm sau, lúc thượng ngộ, Chiêu - tín - nhuệ - thứ-lang, quá-nhiên đến đón tôi. Tôi cùng hẳn ngồi trên một chiếc xe hơi cực kỳ lộng-lẫy, để về nhà hẳn.

Hắn ở một ngôi nhà kiểu âu-tây, ở đường Ngu-vi. Ngoài cánh cửa sắt, có hai tên lính gác; phía trong là vườn hoa.

Xe hơi tiến thẳng vào trong vườn. Sau khi xuống xe, chúng tôi bước lên mấy bậc thềm, để đi vào một phòng khách khá rộng. Phòng này có thể chứa nổi ba,

(tiếp trang sau)

Một tin mừng cho giới bệnh nhân chích PÉNICILLINE

Có một lúc giới Bác sĩ xứ này đã từ chối không chích Pénicilline cho con bệnh. Lý do nhiên anh chị em Y-Tá đã chịu thiệt thòi rất nhiều khi. ngán Pénicilline như cơm nếp. Tội nghiệp nhất là bệnh nhân thổ thân trai tử chiến đã gần rụng rụng nước mắt khi thấy phong trào ngán chích thuốc trụ sinh này càng gia tăng mãnh liệt.

Nhưng gần đây, được cuộc vừa cho ra những mẫu thuốc CHLOR-TRIMÉTON mà trong báo cáo nói rằng có thể trừ những phản ứng do thuốc Pénicilline gây nên.

Một Bác sĩ ở Sài Gòn đã tự thử thuốc và chính ông nếu không có Chlor-trimétôn chắc phải ngất ngư rồi sau khi chích Pénicilline.

Và theo lời Bác sĩ đã tự mình thử thuốc ấy cho biết thì :

Chlor-trimétôn chích pha chung với Pénicilline sẽ thấy dễ chịu, không bao giờ ngứa ngáy như lúc chích riêng.

Lại có một Bác sĩ chích cho bệnh nhân một ống Pénicilline 500,000. Khi mũi kim vừa rút khỏi mình, bệnh nhân bị phản ứng dữ dội. Bác sĩ tiêm tiếp theo cho bệnh nhân một mũi Chlor-trimétôn, phản ứng ấy chấm dứt tức thì.

✱

Như thế CHLOR-TRIMÉTON là thứ thuốc có thể trừ mọi phản ứng do PÉNICILLINE gây nên. Chắc chắn tin này sẽ làm cho bệnh nhân. . . . từ chiến và giới y-tá chích dạo sẽ thờ được một hơi dài khoan khoái.

NGUYỄN-ANG-CA

bốn chục tân khách và được bày biện một cách cực-kỳ hoa-lệ; về phía hữu, có một bức cửa sổ lát kính, hai cánh mở toang, trông ra một cái dương đài.

Một gã bộc-dịch đưa tôi lên chiếc phòng mà tôi đoán, họ đã dành cho tôi. Buồng rất sáng-sủa, có cửa sổ trông ra mấy gốc hòe. Tôi ngồi xuống cái ghế đề ở bên cửa, khá lâu. Sau, tên bộc - dịch lên hỏi tôi, có muốn đi tắm rửa không ? Nhân, tôi chẳng có áo quần đề thay, nên tôi chối từ. Tiếp đó, Chiêu - tín - nhuận thứ - lang bước vào. Hắn đã bỏ binh phục và mang trên mình bộ kimono rộng thênh - thang, hắn cầm trong tay một chiếc phong bì. Vừa đưa phong-bì cho tôi, hắn vừa nói :

— Thế-tát, anh phải có một hai thứ cần yếu, vậy, tiền đây, anh cứ bảo bộc-dịch nó đi mua cho anh.

— Thưa, liệu tôi có thè nhờ bộc dịch tới chỗ ngụ của tôi, lấy ít áo quần, đề thay đổi, được không ?

— Được lắm. Anh cứ biên mấy chữ cho người nhà mà lấy, nhưng, tôi xin anh, tuyệt-nhiên, anh đừng có nói chuyện chi khác, mà chỉ

nói qua rằng, hiện nay, anh đang ở bộ tư-lệnh, và bảo họ chờ có quan tâm. À mà, anh nên cho lấy quần áo cho đủ mặc đấy. Tôi sẽ ra lệnh cho tài-xế xe, đi cho khỏi mất thì giờ.

— Thưa, nếu tôi không làm, tôi ám-hiêu, có lẽ, tôn ông sẽ giữ tôi ở đây trong một thời-gian khá dài, thì phải ?

— Đúng thế. Tôi có hy-vọng, anh sẽ vui vẻ ở đây với tôi, lâu-lâu.

Hắn nói xong, liền đứng lên, nhìn quanh phòng một loạt, và nói tiếp :

— Thôi, anh hãy đi biên thư đi, rồi sau đó, chúng ta sẽ đi ăn cơm.

(còn tiếp).

ĐÍNH CHÍNH

Chúng tôi xin đính chính đề quý bạn đọc rõ :

Ông Hải-Phương cộng tác với Phê-Thông tạp chí hiện là một sinh viên năm thứ hai trường Luật khoa đại học chứ không phải là : Ông Hải-Phương Số 211 Trần-Bạch-Trọng Chợ-lớn.

P.T.T.C.

★ HẾT BIẾT TRẢ LỜI

Má thằng Méo rầy nó vì nó đánh thằng Xẹo em nó :

— Khi con ăn hiếp mọi đứa nhỏ hơn con, con có biết xấu-hổ không ?

Thằng Méo nín-thình, một chập sau hỏi :

— Vậy sao má lớn mà má ăn hiếp con ?



Buồn Ơi, Chào Mi!

BẠN ĐỌC THÂN MẾN

*Hãy rút ngắn câu chuyện, lời chỉ đích tên-tức những đạo-
đức của cốt truyện, và bỏ bớt những đoạn mà tôi xet
thấy không cần thiết lắm Xin bạn hiểu cho.*

DIỆU HUYỀN

(Xem từ P. T. số 1)



Tôi nghiệp Tuấn-Sinh, lúc đầu chàng hơi kinh-ngạc nhận thấy có sự thay đổi nội-bộ trong gia đình chúng tôi, nhưng khi biết được kết-cuộc hợp-pháp như thế (việc Ba tôi quyết định cưới Ánh-Lệ) thì chàng vui mừng lắm. Chàng và tôi chèo thuyền ra biển. Chúng tôi tha hồ hôn hít nhau những lúc thềm muốn và thỉnh thoảng khi chàng đè áp

miệng chàng trên miệng tôi, tôi lại mừng rỡ thấy nét mặt của Ánh-Lệ, nét mặt uể-oải mà sung-sướng mỗi buổi sớm mai, cứ chỉ một nhọc mà khoái-trá thoả mãn của tình yêu, thì tôi lại thềm thường được yêu như nàng. Tuấn-Sinh và tôi hôn nhau đã đời, đến mỗi-một, và chắc chắn nếu chàng yêu tôi ít hơn thì tôi đã hiến thân tôi cho chàng trong tuần lễ ấy rồi.

Sáu giờ, chúng tôi từ mấy củ-

lao chèo thuyền trở về, Tuấn-Sinh kéo thuyền lên bãi cát. Chúng tôi đi vào rừng thông để về nhà, và để được ấm-áp chúng tôi bày ra trò chơi cút bắt của người da đỏ, và chạy đuổi nhau. Thường thường chàng chụp bắt được tôi trước khi tới nhà, để tôi xuống và kêu mừng thắng trận, ôm ghì lấy tôi nằm lăn trên những cọng lá thông rụng, chận hai tay hai chân của tôi, và hôn tôi. Tôi còn nhớ mùi-vị của những nụ hôn i-ạch vội vàng ấy, không hiệu quả lắm, và tiếng trái tim của chàng đập lên tim tôi, đánh xào xạc như tiếng sóng đánh lên bãi cát vầy. Một, hai, ba, bốn tiếng tim đập và tiếng sóng nhẹ nhàng trên cát cũng một, hai, ba... rồi một : chàng thở ra để lấy lại sức, rồi hôn tôi càng mùi hơn, càng mê hơn, tôi không còn nghe tiếng sóng biển nữa mà chỉ nghe bùng-bùng ở trong tai tiếng mạch máu của tôi rào-rạt... liên-miên...

Một buổi chiều Ánh-Lệ lên tiếng làm cho chúng tôi phải buông nhau ra. Chiều hôm ấy, Tuấn-Sinh nằm ôm sát lấy tôi, trong ánh hoàng-hôn vừa đỏ rực vừa tối nhá-nhem hai đứa tôi gần như trần-trồng, và tôi hiểu tại vì vậy nên Ánh-Lệ tưởng lầm. Nàng trông thấy liền kêu tên tôi với một giọng xẵng. Tuấn-Sinh vội vàng nhảy một nhảy, đứng dậy, dĩ-nhiên là mắc cở. Tôi thì thong thả ngồi dậy, vừa ngó Ánh-Lệ. Nàng quay nhìn Tuấn-Sinh, và

bảo chàng với giọng dịu dàng như thể không trông thấy chàng :

— Tôi có ý định không muốn thấy mặt cậu nữa.

Tuấn-Sinh không trả lời. Chàng nghiêng mình hôn vai tôi, rồi lánh xa. Cử chỉ của chàng khiến tôi ngạc nhiên, khiến tôi cảm-động, như một lời thệ ước.

Ánh-Lệ đắm-dắm nhìn tôi, với bộ mặt nghiêm-trọng ấy, và khinh-bĩ, như nghi-ngờ một chuyện gì. Tôi thấy khó chịu. Tôi đến gần nàng, tôi giả-vờ như ngượng-nghịu, gọi là có lẽ-phép với nàng đó thôi. Nàng lượm một cọng lá thông còn dính trên cổ tôi và nhìn tôi, tỏ vẻ khinh-khi, chề cười.

Nàng bảo :

— Cô phải biết rằng đùa bỡn như thế rồi có ngày sẽ vô nằm nhà bảo-sanh đấy.

Tôi nhoẻn một nụ cười :

— Bà khỏi lo xa. Tôi chỉ ôm hôn Tuấn-Sinh thôi, chẳng có chuyện gì mà phải vào nhà Bảo-sanh.

Nàng tưởng tôi nói dối, nên bảo :

— Tôi xin cô từ nay đừng gặp cậu ấy nữa. Cô đừng có cãi tôi ; cô mới mười bảy tuổi, và bây giờ tôi có trách-nhiệm đối với cô, tôi không để cho đời cô hư hỏng. Vả lại từ nay cô sẽ có công việc làm buổi chiều.

Nàng quay lưng đi, và đi uể-oải lên nhà. Tôi sửng-sốt đứng yên một chỗ như bị trời trồng.

Buổi cơm tối không khác nào một ác-mộng. Đáng lẽ Ánh-Lệ phải dỗ tôi: «Tôi sẽ không mách với Ba cô chuyện gì đâu, nhưng cô phải hứa với tôi là cô phải lo chăm học.» Nhưng Ánh-Lệ không thêm bảo tôi như thế. Nàng không biết sắp đặt cho tôi như thế đâu. Cho đến khi ăn xong, nàng mới làm bộ sức nhớ lại chuyện kia và bảo với Ba tôi :

— Anh Lê-Môn à, tôi mong rằng anh nên khuyên bảo một đôi lời cần thiết cho cô con gái của anh. Tôi đã bắt gặp cô ấy hồi chiều nay với Tuấn-Sinh trong rừng thông, và coi bộ hai người mùi mẫn lắm đấy.

Ba tôi tưởng là câu chuyện đùa dỡn :

— Em bảo sao ? Tụi nó làm gì ?

Tôi liền nói to lên :

— Con hôn anh ấy, mà Ánh-Lệ tưởng là...

Nàng cắt ngang :

— Tôi chẳng tưởng gì cả. Nhưng tôi nghĩ rằng cô không nên gặp cậu ấy nữa trong một thời-gian, và phải lo học ôn lại mấy bài triết-lý của cô.

Ba tôi bảo :

— Tội nghiệp con nhỏ ! Dù sao, thằng Tuấn - Sinh cũng là một đứa con trai dễ thương chứ !

— Mông-Linh cũng là đứa con gái dễ-thương vậy. Vì thế nên em lo sợ lỡ có tai họa gì xảy đến cho cô. Ở đây cô được hoàn-toàn tự-do, lúc nào cũng cặp-kè với cậu ấy và hai người chỉ chơi

đỡn suốt ngày, thì làm sao tránh khỏi chuyện không hay ? Anh không thấy sao ?

Nghe bà hỏi «Anh không thấy sao », tôi ngược mắt ngó Ba tôi, thấy ông cúi mặt xuống, có vẻ bức bối lắm. Ông bảo :

— Vàng, em nói phải. Mông-Linh à, con cũng nên chăm lo việc học đôi chút. Chắc con không thích năm nay thi trượt phải học lại ban triết chứ ?

Tôi trả lời vắn tắt :

— Học hay không học mà làm gì ?

Ba tôi ngó tôi, rồi quay ngó chỗ khác liền. Tôi thẹn - thùng lắm. Ánh-Lệ đưa tay ngang qua bàn để nắm lấy bàn tay tôi :

— Nè, em, em chỉ đòi lốt gái rừng để trở lại lốt nữ-sinh chàm chỉ trong một tháng thôi, có khó nhọc lắm sao ?

Nàng ngó tôi. Ba tôi cũng tủm-tủm cười ngó tôi. Tôi khẽ rút bàn tay tôi ra, bảo :

— Vàng, khó-nhọc lắm ạ.

Tôi nói câu ấy nhỏ quá, có lẽ hai ông bà không nghe, hoặc là không muốn nghe.

Sáng hôm sau, tôi ngồi trước một trang triết-học của Bergson : Tôi đọc đi đọc lại hoài một câu, lúc đầu đọc khẽ, sau đọc lớn. Tôi lấy hai tay ôm đầu tôi, và ngó chòng-chọc vào câu ấy. Bấy giờ tôi mới hiểu nó, nhưng tôi không thể tiếp tục đọc nữa được, và bỗng dưng có một cái gì nổi dậy trong người tôi, như một

ngọn gió, quãng tôi xuống
già rồi. Tôi nhớ Tuấn-Sinh đang
chờ đợi tôi ngoài bãi cát vàng,
tôi nhớ mùi-vị của những nụ
hôn của chúng tôi, và tôi nghĩ
đến Ánh-Lệ...

.....

Cả một buổi chiều, tôi nghĩ
đến Ánh-Lệ. Tôi đã khám-phá
ra điều này: là chúng tôi, Ba
tôi và tôi, đã bị Ánh-Lệ nắm
trong tay. Tôi không quen suy-
nghĩ nhiều: chỉ thêm cáu-kỉnh
mà thôi. Đến bữa ăn tối, như
buổi ăn sáng, tôi không mở mồm.
Ba tôi muốn nói dõn chơi :

— Tôi thích ở tuổi trẻ sự vui-
vẻ của họ, câu chuyện trò của
họ...

Tôi lờm Ba tôi...

Ánh-Lệ quay lại tôi :

—Sao em ủ-rủ thế ? Nếu tại vì
tôi bắt em phải học mà em giận,
thì tôi rất ân-hận.

Tôi không trả lời. Xong bữa
cơm. Ngoài hè, trong khung chữ-
nhật sáng chói do ánh đèn trong
phòng ăn dội ra cửa sổ, tôi thấy
bàn tay của Ánh-Lệ, một bàn
tay dài và linh động, đưa qua
đưa lại, tìm bàn tay của Ba tôi.
Tôi lại nhớ Tuấn - Sinh, tôi
cũng mong muốn được chàng
nắm lấy tay tôi, trên vĩa hè đầy
tiếng ve kêu và đầy ánh trăng.
Tôi cũng ao - ước được chàng
mơn-trơn an-ủi, vỗ về để tôi an
lòng. Ba tôi và Ánh-Lệ yên lặng :
họ đang có trước mặt một đêm
ái-tình, còn tôi chỉ có nhà triết-
học Bergson. Tôi muốn khóc,
muốn than-thở số phận của tôi;
không được. Tôi đã than-thở
dùm cho số phận của Ánh-Lệ,
hình như tôi đã nắm chắc rằng
tôi sẽ thắng được nàng.

(Hết phần thứ nhất.

Coi tiếp số sau : phần thứ hai)

Đính chính trong P. T. số 5

Bài « Quan niệm Ái tình »

« Đức thì có động từ « amare » (dòng 21 tr. 7) xin đọc lại là
« Đức thì có động-từ « lieben », La tinh và Ý có động-từ « amare ».

« Đây » (dòng 27 tr. 8) xin đọc lại là « Đã »

« the » (dòng 30 tr. 10) « their »

« lernes » (dòng 32, tr. 10) « turns »

Bài « Đọc thơ của Boris PASTERNAK »

« Pasternak » (dòng chót, tr. 71) đọc là « Ca Pasternak »

« Cháy » (dòng 7, tr. 73) đọc là « chảy »

Và ngoài ra còn nhiều lỗi hởi ngã khác, chắc độc-giả đã chữa
hộ rồi.

P. T.

2360.— Đêm đông lạnh ngắt như
đồng,
Mượn ai cho mượn mượn chồng
thì không,

2361.— Đồng bàn đồ bát xướng
hát dờn ca,

Phong Hàn có gởi thơ ra,
Tám giờ mười lăm phút lên ga
dón chàng.

2362.— Chiều qua ghé nón qua
đình,
Đình bao nhiêu ngói thương mình
bấy nhiêu.

2363.— Măng giang nấu cá
ngạnh nguồn,
Đến đây em phải bán buồn mua
vui.

2364.— Say mê cát bụi đô-thành,
Quê-hương nở để tan tành sao
anh?

2365.— Ra đường thấy cánh
hoa rơi,
Hai tay nâng lấy, cũ người,
mới ta.

2366.— Dang tay đánh thiệp sao
dành,
Tấm rách ai vá, tấm lành ai may?

2367.— Anh đi anh nhớ quê nhà,
Nhớ canh rau muống, nhớ cà
dầm tương.

2368.— Chín quyền nó đậu bụi
riêng,
Dẫu bà con ruột không tiền cũng
xa.

MAC-QUÂN-HUYỀN
(Tân-Châu)

★ của bà Phương Thảo

2369.— Đầu giò có cây chuối,
Cuối giò có cây da,

Ngô ba đường cái có cây tơ-hồn
Con gái chưa chồng cái lơ

Con trai chưa vợ ruột thắt n

Ngó lên mây trắng trời xanh
Ai ai cũng vậy ưng anh cho r

2370.— Tràng lu vì bởi cùm m
Đôi ta trắc tử vì mai thiếu l

2371.— Qua đen lông kêu r
ô-thư

Em có chồng rồi vô phước a
thư

2372.— Lầu nào cao bằng
ông chá

Bánh nào trắng bằng bánh bò b
Điệu nào thương bằng điệu

Đêm nằm nghĩ lại nước mắt h
tuông r

2373.— Giận chồng xách gói ra
Chồng theo năn nỉ từ-ti trở về

2374.— Con qua đen lông xu
sông nó t

Chồng bận ở nhà khó lắm bận
2375.— Trăng lên khỏi núi kh
bụi chuối con trăng

Tiếng em ở chợ sao khờ bán bu
2376.— Sông sâu sào vắng kh
Muốn qua thăm bận sợ dò kh

2377.— Anh về ngoài Huế l
Họa bức tranh đồ để lại cho

2378.— Anh về ngoài Huế t
rẽ tay l

Gởi vô em bán đồ nghèo đòi n
2379.— Anh về bán đất cây
Bán cặp trâu già mới cười đ

2380.— Con cá dổi nằm tr
cối

chìm đa đa đậu nhánh đa đa,
ng gần không lậy để lậy
chồng xa.

sau cha yếu mẹ già,
n cơm dôi dũa bộ kỷ trà ai
dâng,

1.— Chim quỳên ăn trái nhàn
lồng,

thia quen chậu vợ chồng
quen hơi.

giắt vai chay dài xuống phủ,
có chồng rồi anh biết ngủ
với ai.

2.— Chim quỳên húp ' mặt
bóng qui
năm còn đợi hưởng gì một
năm

3.— Hiu hiu gió thổi lá tre,
i chị em gái đều nghe quê tình.
ề tình ngày nắng đêm mưa.

ười thương thương trả người
đưa đưa người.
m trông thế sự nực cười,

Thấy con cá lội 2 người mướn
câu.

2384.— Trông ra bụi chuối lá te,
Em nghe ai dụ đánh què duyên
anh.

2385.— Bim bíp kêu nước lớn
anh ơi!

Buôn bán không lời chèo chống
mỏ mề.

2386.— Gió đưa ngọn cỏ phất phơ,
Ngọn cỏ phơ phất,

Nồi đồng sôi nồi đất cũng sôi,

Đũa b p có dôi.

Chia vô lễ bạn.

Mà anh sao dành đoạn bỏ em.

2387.— M.ốn ăn bóng sùng
mắm kho,

Thì vô Đồng tháp ăn cho đã thèm.

2388.— Nghề xe dôi lấy nghề đồ,
Sông sâu nước chảy tới mò
từng xu.

Chiều buồn gió thổi vi-vu,

Thân tàn rũ liệt canh thu hít-hà.
(Còn nữa)

BÌNH SUYỀN

★ Một năm qua, chúng tôi đã chữa cho rất nhiều
người lành bằng cách cam-đoan trên mặt giấy tờ.
Rất nhiều tờ ban khen đang treo tại nhà thuốc.

BÌNH DUONG-MAI

★ Ai rủi mắc chứng bệnh cực kỳ nguy hiểm này,
yêu cầu đồng-bào đến, chúng tôi sẽ chữa dùm
cho lành, khỏi tốn đồng xu nào hết.

Sau khi đã lành chỉ đền ơn trên mặt báo chí là đủ.

Y-sỹ NGUYỄN-VĂN-SANH

807, Đại-lộ Trần-hưng-Hạo

CHỢ QUÁN — (Saigon)

ĐÁP BẠN

BÓN

PHƯƠNG



★ **Cô Nguyễn-Diễm — Huế.**

Loạt bài giới thiệu « Văn-ngệ sĩ thanh niên hiện đại » chúng tôi đã cho ngưng bắt đầu từ số 7 nên rất tiếc không thể làm vừa lòng cô được. Thành thực cảm ơn.

★ **Bạn Nguyễn-công-Chánh — K. B. C. 4814**

Xin Bạn gửi đến 36\$ bằng tem. Chúng tôi sẽ gửi đến bạn 3 số báo ấy.

★ **Bạn Nguyễn-Quế — Sông Cầu.**

Các bài vở của các bạn gửi đến nếu đăng được chúng tôi sẽ gửi tiền nhuận bút cho tác giả. Không có lệ trả lại bản thảo.

★ **Ông Trần-Ngân — 189 Cường Đền — Hội An**

Ông có thể gửi bài đến chúng tôi xem nếu có thể chúng tôi sẽ cho đăng. Thành thực cảm ơn Ông.

★ **Bạn Ngọc-lan-Khanh.**

Đã nhận được hai bài thơ « Cảm đề Phê-Thông » của bạn. Thành thực cảm ơn.

★ **Ông Lê-văn Hoạt — 47 C Đinh bộ Lĩnh — Huế.**

Bác sĩ Hoàng-mộng-Lương hiện ở 98 Võ-Tánh, Sài Gòn.

★ **Em Sơn-Trúc — Sài Gòn.**

Đã nhận được hai bài thơ của em, đang xem. Nếu có thể, em nên đem các truyện ngắn lại toà soạn để chúng tôi xem.

★ **Bạn Nguyễn-như-Bang — 19 Hoàn-Diệu — Đà-Nẵng.**

Hoan nghênh ý kiến của bạn. Nếu có thể bạn nên gửi bài đến cho chúng tôi xem.

★ **Một độc giả của Phổ Thông — Saigon**

Sở dĩ chúng tôi không lên tiếng trả lời cho tuần báo V. N. H. S vì chúng tôi thiết tưởng trong các bài xã thuyết đăng trong PHỔ-THÔNG đã trình bày rất đầy đủ lập trường của chúng tôi đối với vấn đề quốc-gia giáo-dục hiện tại.

★ **Bạn-Ngô-thành-Long K. B. C. 4396.**

Bạn xem lại Phổ-Thông số 3, trang 84, mục « Diệu-Huyền trả lời » có giải đáp đầy đủ các câu hỏi trong số 2.

★ **Một độc giả ở Bình-Định.**

Chuyện ma có thể có thật, nhưng câu chuyện bị một đề và chất Lân tinh, là chuyện khoa-học, không phải chuyện ma,

★ **Bạn Hoàn-Thiện — Đà-Nẵng.**

Muốn dịch-truyện ngoại-quốc ra tiếng Việt phải xin phép tác-giả, hoặc hỏi nhà xuất bản. Mấy mẫu chuyện cười ngắn ngắn trong tất cả tạp chí, nhật báo, thì chỉ phỏng theo đó mà viết, không cần dịch.

★ **Bạn Văn-An K.b.c. 3.047**

Các hiệu thuốc tây đều có bán thứ thuốc ngủ, nhưng không nên dùng nhiều.

★ **Bạn Hồ-công-Ân — Đệ ngũ — Bồ Đề — Quảng Trị**

Phổ-Thông phát hành chậm vì vấn đề ấn loát. Chúng tôi sẽ cố gắng cho tạp-chí ra đúng kỳ.

★ **Ông Bảo — Saigon**

7 Kỳ quan của Thế-giới là :

1 — Mã của vua Mausole ở Halicarnasse (Cổ Hy-Lạp) do Hoàng-Hậu Artémise II xây dựng để thờ chồng.

2 — Kim-tự-tháp của vua Chéops, ở Ai-Cập.

3 — Hải-đăng của Hải-cảng Alexandrie (Ai-Cập).

4 — Tượng thần ở Rhodes (Hy-Lạp).

5 — Vườn treo của Sémiramis ở Babylone (Arabie).

6 — Tượng thần Zeus Olympien ở Hy-Lạp

7 — Đền thờ Artémis (Nữ-thần Diane) ở Ephèse.

Bảy kỳ quan này đã được mô tả trong một tập sách nhỏ của Văn-sĩ Hy-Lạp Philon, đời thượng cổ, tựa là *De Septem orbis miraculis*. Nhưng ngày nay thế giới văn-minh có nhiều kỳ quan hùng tráng mỹ lệ hơn 7 cảnh xưa kia.

Sách MỚI XUẤT BẢN



* **THƯ CÔNG của Toàn-Phong.**
(Trình bày đẹp)

Đây là những bức thư tâm-sự gửi cho một bạn gái ở quê nhà do một sinh viên phi-công Việt-Nam trong 3 năm tập sự ở Pháp và Ma-Rốc. Lời nói văn-hoa, nhẹ-nhàng, phôi diễn những cảnh sống tung bừng náo nhiệt bên trời Âu thơ-mộng, những đêm trăng sáng dịu-dàng trên giải Bắc-Phi với những đôi núi chập chùng cùng tuyết sương buổi giá. Tác giả đã nói được những niềm rung cảm thành thật của những cuộc phiêu-lưu hồi hộp trên mây gió bao la. Ngôi bút duyên-dáng của ông **Toàn-Phong** hiện nay là Trung tá Nguyễn xuân Vinh, tư lệnh Không-quân Cộng-hòa Việt-Nam, đã hấp dẫn được rất nhiều người đọc. Trình bày đẹp — 179 trang — giá 35\$

* **VĂN HỌC TẬP CHÍ**
Chia sẻ với bạn đọc **TRẦN TUẤN KHAI**

Tạp-chí nguyệt-san. Cơ quan sưu tầm, nghiên-cứu văn-chương, học thuật, với nhiều cây bút già-dạn, và các bài bổ ích cho thể đạo nhân tâm, mục đích xây đắp nền quốc học tương-lai.

Thành thực chúc quý đồng nghiệp được mạnh tiến trên đường phụng sự văn-hóa nước nhà.

* **ĐỀ HIỆU ĐẠO PHẬT của Phương-Bệ**
(Tác giả xuất bản)

Một quyển luận thuyết về Phật giáo, gây cho tâm-hồn người đọc những nhận thức khái quát về Phật học, một môn học bao la không bờ bến — Sách dày 100 trang — Giá 30\$.

(Không đề tên nhà xuất bản)

Một tập kịch thơ thần-thoại. Kể lại chuyện một mối tình vụng trộm của Tiên-nữ Quỳnh-Giao và chàng Lưu-Nhai. Bởi phạm luật Thiên đình nên cả hai bị đày xuống trần gian, kẻ chân trời, người góc bể. Nhưng rồi họ cũng được đoàn-tụ nhờ sự giúp sức của các con thảo, chim và bướm.

Tuy cốt chuyện giản dị, đơn-sơ, song đối với một thi nhân tàn phế như ông Lê văn Tấn đó là một cố gắng rất đáng khuyến-khích vậy.

(Nhà xuất bản Thanh Quang ấn hành)

Một quyển sách sưu-tầm những điển-tích trong thời xuân thu, chiến quốc. Giúp cho ta hiểu rõ-ràng những điển-tích thường gặp khi đọc sách, truyện như là về cổ văn. Dưới những bài lại có lời phê bình, nhận xét xác đáng của soạn giả, ngoài những điển tích lại có những bài giải trí lành-mạnh; lý thú. Biên soạn rất công phu — dày 236 trang — Giá 42 \$.

Kính Quý Phật-Tử

Muốn nghiên-cứu chơn lý cao-thâm của Phật Giáo,
Muốn học tập đúng đường lối của Phật dạy,
Mu biết tin-tức Phật-giáo nước nhà và thế-giới.

Hãy đến **Liên-Hoa Nguyệt-San**

CHỦ NHIỆM : THƯỢNG-TỌA THÍCH ĐÔN-HẬU

với sự cộng-tác của quý Tăng-sĩ du-học tại hải-ngoại :
Nhật, Ấn, Pháp, Anh và một số giảng-sư, cư-sĩ thâm hiểu
Phật-Pháp ở Trung phần.



Có phát-hành tại chùa Xá-lợi, chùa Ấn-quang Sài-gòn, và các
chùa Phật-giáo cùng các nhà sách lớn khắp các tỉnh miền Trung.

Thư từ xin gởi về :

Tổng thư-ký : Thầy THÍCH-ĐỨC-TÂM

số 25, đường Tô-hiến-Thành

Chùa Diệu-Đế — HUẾ